

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, Ngày 20 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Mã chứng khoán: GEX

Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39726245/6

Fax: 024 39726282

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Tuấn Anh

Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 39726245

Fax: 024 39726282

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2018

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày ..20./04/2019
tại đường dẫn: [http://gelex.vn/index.php?module=investor&act=bao cao thuong nien&y=2018](http://gelex.vn/index.php?module=investor&act=bao%20cao%20thuong%20nien&y=2018)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật/

Người được ủy quyền công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Phạm Tuấn Anh

**BÁO CÁO
THƯỜNG
NIÊN
2018**

MỤC LỤC

1

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	06
Kết quả kinh doanh nổi bật	08
Các điểm nổi bật 2018	10
Giải thưởng và hoạt động 2018	11

2

Giới thiệu GELEX

Tổng quan về GELEX	14
Quá trình hình thành và phát triển	16
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức	20
Định hướng phát triển	27
Các rủi ro	28

3

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018	34
Tình hình tài chính	36
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	38
Kế hoạch phát triển 2019	39
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	41

4

Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018

Tình hình hoạt động kinh doanh các mảng hoạt động năm 2018	44
Tình hình hoạt động các công ty trực thuộc và đầu tư liên kết	56
Tình hình đầu tư	63
Tình hình tài chính	65
Tổ chức và nhân sự	66
Cơ cấu cổ đông	66

5

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của GELEX	70
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	72
Các kế hoạch định hướng của HĐQT	72

6

Quản trị công ty

Hội đồng quản trị	76
Ban Kiểm soát	81
Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD, BKS	84

7

Báo cáo Phát triển bền vững

Tổng quan về Báo cáo Phát triển bền vững	94
Định hướng Phát triển Bền vững	94
Sự tham gia của các Bên liên quan	96

8

Báo cáo tài chính

100



01

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	06
Kết quả kinh doanh nổi bật	08
Các điểm nổi bật 2018	10
Giải thưởng	11

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý Cổ đông,

2018 là một năm có nhiều dấu ấn nổi bật của GELEX trong hành trình 3 năm sau thay đổi cơ cấu sở hữu. GELEX đã chuyển đổi thành mô hình công ty quản lý vốn đầu tư (công ty holdings) hoạt động chuẩn mực, uy tín với hai mảng kinh doanh là sản xuất công nghiệp và hạ tầng.

Trong mảng Sản xuất Công nghiệp, sản xuất và kinh doanh thiết bị điện tiếp tục là nòng cốt khi giữ vững vị thế số 1 trong ngành thiết bị Điện Việt Nam. Hiện tại, Tập đoàn tập trung nghiên cứu phát triển và hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm thiết bị điện, đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực sản xuất, củng cố vị thế dẫn đầu trong ngành thiết bị điện. Mảng Hạ tầng là lĩnh vực đầu tư chiến lược, mang lại sự phát triển bền vững, lâu dài cho GELEX. Tập đoàn hiện đang tiên phong trong lĩnh vực năng lượng tái tạo với các dự án điện mặt trời và điện gió đã đạt được những thành công bước đầu; nhóm ngành Logistics của Tập đoàn được ghi nhận với vị trí Top 3 các nhà cung cấp dịch vụ logistics; dòng tiền từ các dự án bất động sản đang khai thác tăng trưởng tốt nhờ quản lý vận hành chuyên nghiệp; các quỹ đất tại vị trí đặc địa đang dần được triển khai nhằm phát triển một danh mục các bất động sản thương mại chất lượng và hiệu quả.

Trong 3 năm qua, GELEX đã đạt được sự tăng trưởng vượt bậc cả về doanh thu và lợi nhuận. Năm 2018 GELEX đạt gần 13.700 tỷ đồng doanh thu và đạt hơn 1.533 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.283 tỷ đồng, tăng 41,6% so với năm trước đó và góp tên vào danh sách câu lạc bộ doanh nghiệp đạt lợi nhuận nghìn tỷ.

Các thành tựu nêu trên là sự kết hợp hiệu quả của các giá trị cốt lõi, lâu năm của GELEX, với quá trình đổi mới cơ cấu sở hữu, mô hình kinh doanh độc đáo cùng quản trị chuyên nghiệp.

Chiến lược phát triển trong thời gian sắp tới của GELEX là tiếp tục mở rộng lĩnh vực sản xuất công nghiệp sang các lĩnh vực sản xuất có tính chất tương đồng/ bổ trợ cho mảng sản xuất truyền thống của Tập đoàn như mảng sản xuất vật liệu xây dựng. Mục tiêu của GELEX là có thể cung cấp cho thị trường các “gói giải pháp” bên cạnh việc cung cấp các sản phẩm riêng lẻ như hiện nay. Đồng thời, GELEX cũng không ngừng nhân rộng các mô hình kinh doanh thành công trong các lĩnh vực logistics, năng lượng tái tạo và bất động sản, kiên trì xây dựng một danh mục tài sản mang lại dòng tiền ổn định, lâu dài cho cổ đông.

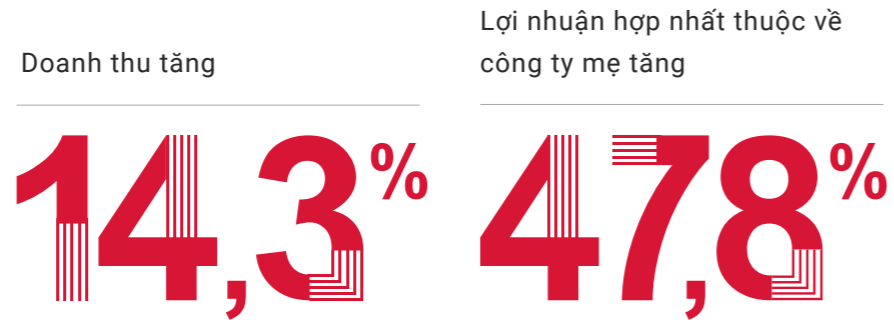
Với những kết quả đạt được cùng lợi thế và tiềm năng sẵn có, GELEX đặt mục tiêu trong 3 năm tới trở thành Top 20 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông đã luôn ủng hộ và đồng hành!

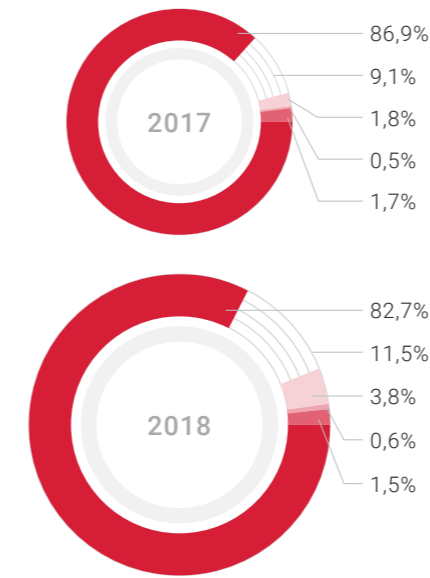
Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Văn Tuấn

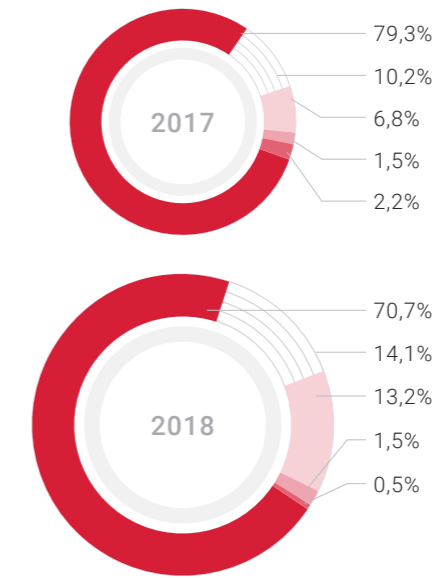
KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT



Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực



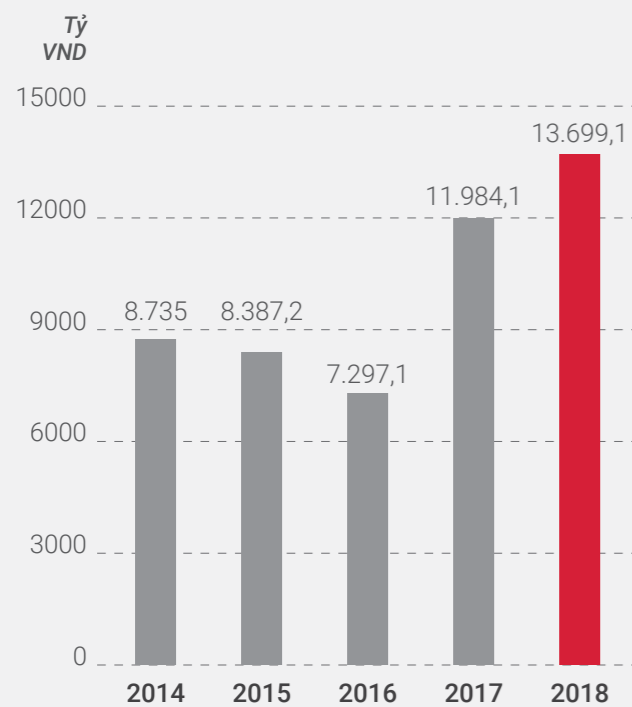
Cơ cấu lợi nhuận gộp theo lĩnh vực



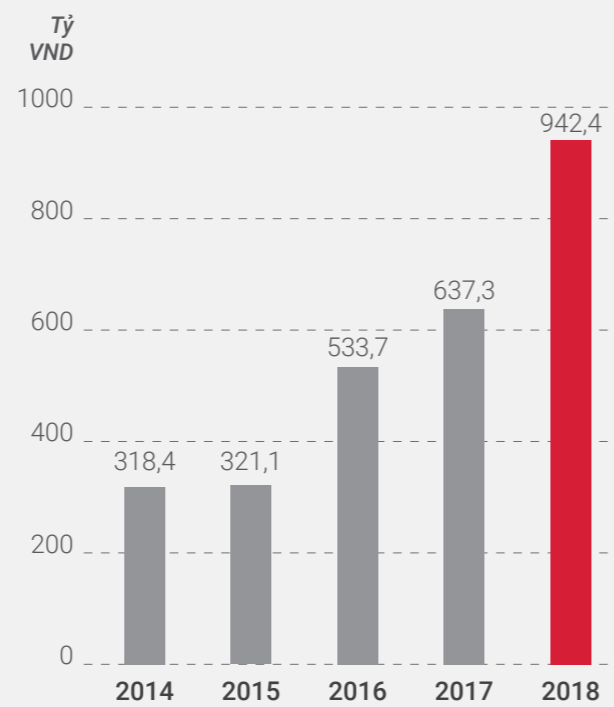
- Lĩnh vực thiết bị điện
- Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận
- Sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện và nước)
- Cho thuê văn phòng và kinh doanh dịch vụ khách sạn
- Khác

DIỄN BIẾN DOANH THU, LỢI NHUẬN, TỔNG TÀI SẢN, VỐN CHỦ SỞ HỮU 5 NĂM QUA

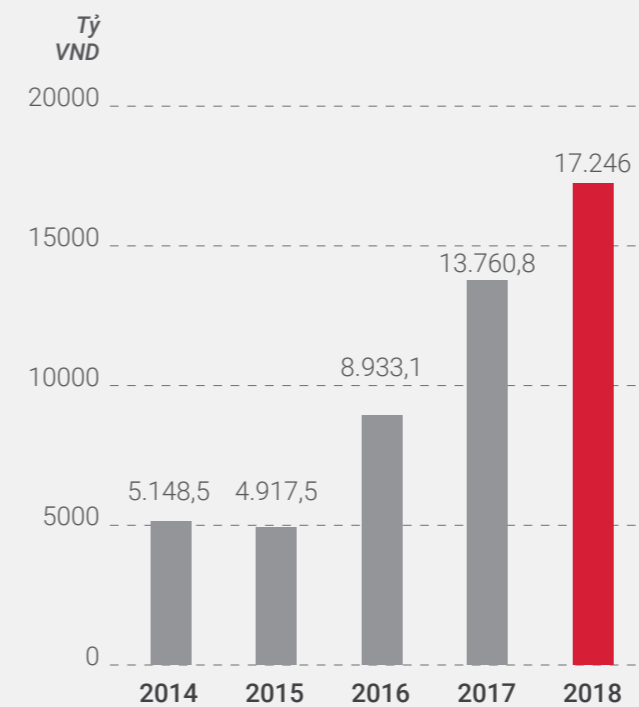
(* Kết quả không bao gồm lợi ích của Cổ đông không kiểm soát)



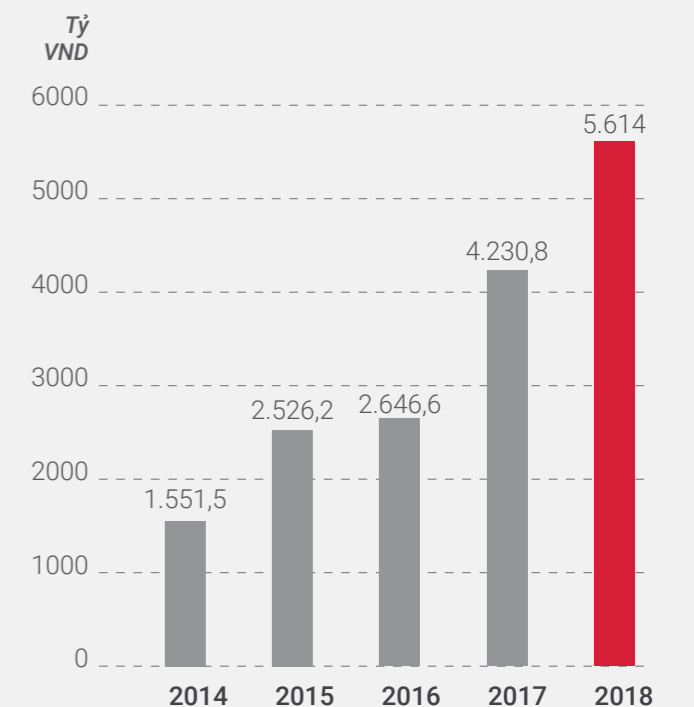
Doanh thu



Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (*



Tổng tài sản



Vốn chủ sở hữu (*

CÁC ĐIỂM NỔI BẬT 2018

I TÀI GELEX

- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc Tập đoàn, hình thành 04 Sub-holding chủ lực trong các nhóm lĩnh vực kinh doanh chính: Công nghiệp, Hạ tầng tiện ích (điện nước), Logistics và Bất động sản;
- Hoàn thiện tổ chức, chức năng nhiệm vụ của công ty mẹ theo hướng công ty quản lý vốn chuyên nghiệp (công ty holding);
- Cổ phiếu của GELEX Chính thức niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX).

I MẢNG NĂNG LƯỢNG, HẠ TẦNG TIỆN ÍCH

- Chính thức sở hữu chi phối nhà máy nước Sông Đà và triển khai khởi công xây dựng phân kỳ 1 – Giai đoạn 2 Dự án nước Sông Đà;
- Khởi công dự án trang trại điện mặt trời Ninh Thuận công suất 50MW. Đây là một trong những dự án hiếm hoi kịp tiến độ phát điện trước ngày 30/6 để hưởng ưu đãi giá điện của Chính phủ. Đội ngũ vận hành của dự án đều được đào tạo đầy đủ chứng chỉ để có thể tự chủ động vận hành dự án.

I MẢNG BẤT ĐỘNG SẢN

- Hoàn thành nâng cấp toà nhà văn phòng GELEX Tower – 52 Lê Đại Hành, tối ưu mặt bằng cho thuê, tăng doanh thu trên m²;

I MẢNG THIẾT BỊ ĐIỆN

- Hoàn thành Dự án Dây chuyền sản xuất Đồng Rod sản lượng 20.000 tấn/năm; Dự án Dây chuyền nấu đúc cán Nhôm liên tục sản lượng 20.000 tấn/ năm; Triển khai Dự án Nâng cao năng lực sản xuất dây cáp điện tại CADIVI Miền Trung;
- Mua cổ phần Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – CTCP và Công ty CP Chế tạo Thiết bị điện Đông Anh, mở rộng thêm sản phẩm máy biến áp truyền tải, góp phần hoàn thiện bộ sản phẩm thiết bị điện;
- Thực hiện tối ưu hóa sản xuất nhằm giảm chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh, sáp nhập hai đơn vị cùng lĩnh vực sản xuất là VIHEM vào HEM.

I MẢNG LOGISTICS

- Tái cấu trúc nhóm công ty Logistics, thành lập GELEX Logistics, đơn vị đầu mối trong việc phát triển các dự án Hạ tầng Logistics của GELEX
- Tách các hoạt động kinh doanh logistics cụ thể về các công ty con chuyên biệt nhằm tăng mức độ chủ động trong hoạt động kinh doanh..

- Hoàn thành nghiên cứu tiền khả thi, hoàn tất ý tưởng thiết kế và thực hiện các thủ tục pháp lý khác để khởi công một số dự án bất động sản trọng điểm trong năm 2019.

GIẢI THƯỞNG



Thương hiệu quốc gia 2018



Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam 2018 do tạp chí Forbes bình chọn



Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500)



Nhận 3 giải thưởng Thương hiệu Quốc gia dành cho các sản phẩm Thiết bị Điện của CADIVI, THIBIDI, EMIC



Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2018 (Profit500)

I HOẠT ĐỘNG

1.



2.



3.



1. Nhận giải thưởng Top 50 DN Niêm yết tốt nhất VN ngay trong năm đầu niêm yết trên sàn HOSE.
2. Hội thao GELEX 2018
3. Gian hàng của GELEX Electric tại Triển lãm Công nghiệp Thiết bị Điện 2018



02

GIỚI THIỆU VỀ GELEX

Tổng quan về GELEX	14
Quá trình hình thành và phát triển	16
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức	20
Định hướng phát triển	27
Các rủi ro	28



TỔNG QUAN VỀ GELEX

Tên Công ty:	Tổng công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam
Tên viết tắt:	GELEX
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0100100512
Địa chỉ:	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Số điện thoại:	24 39726245/6
Số fax:	024 39726282
Website:	www.GELEX.vn
Email:	GELEX@GELEX.vn
Vốn điều lệ và cổ phần:	
• Vốn điều lệ:	4.056.600.000.000 đồng
• Tổng khối lượng cổ phần lưu hành:	406.560.000 cổ phiếu
• Nơi niêm yết cổ phiếu:	Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
• Mã chứng khoán:	GEX

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1990
Thành lập

Tiền thân là
Tổng công ty thiết bị
kỹ thuật điện

GELEX

2010
Cổ phần hoá

Vốn điều lệ:
1.400 tỷ đồng
Nhà nước giữ vốn **87%**

2015
Thay đổi
cơ cấu sở hữu

Doanh thu:
8.382 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế:
321,1 tỷ đồng
Vốn điều lệ:
1.550 tỷ đồng

2017
Mở rộng

Doanh thu:
11.984 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế:
637,3 tỷ đồng
Vốn điều lệ:
2.668 tỷ đồng
Mở rộng hoạt động
kinh doanh sang mảng
Nguồn phát điện,
Logistics,
Cung cấp nước sạch

2018
Tái cấu trúc

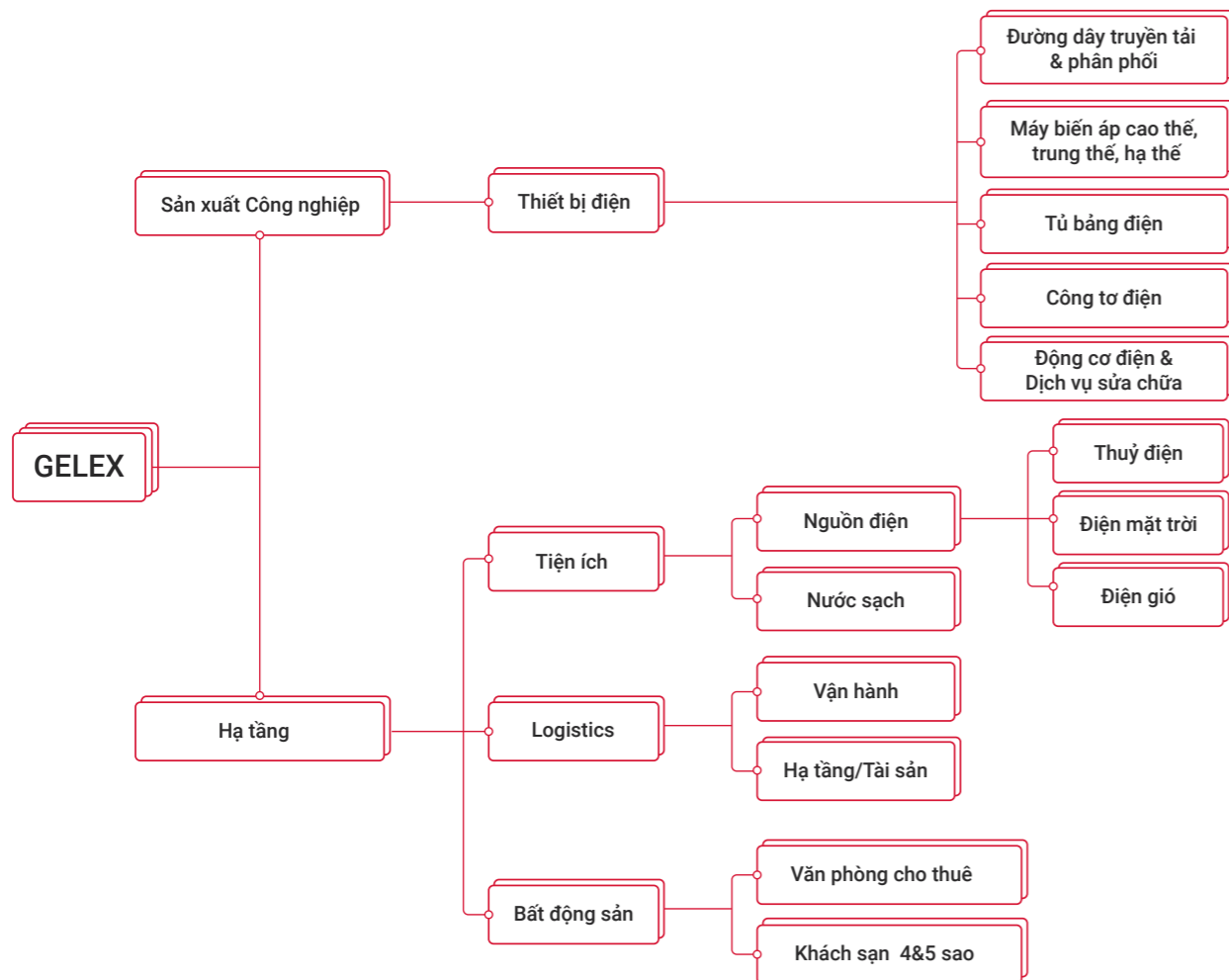
Doanh thu:
13.699,1 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế:
942,4 tỷ đồng
Vốn điều lệ:
4.065,6 tỷ đồng
Niêm yết trên HOSE:
18/01/2018
Quy hoạch tập trung 02 lĩnh vực:
Sản xuất công nghiệp và Hạ tầng

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

I NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các Công ty con, công ty liên kết.

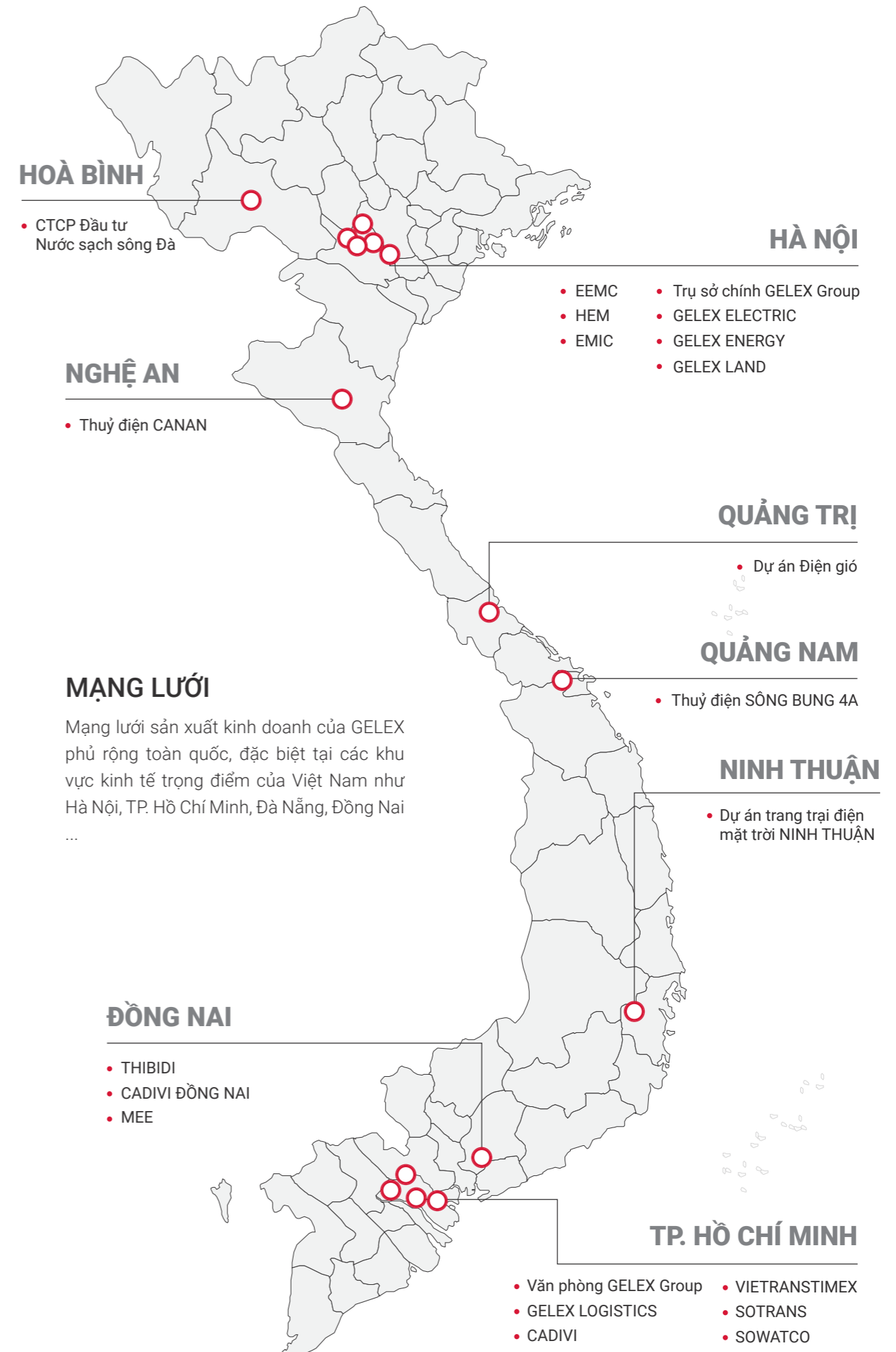


I ĐỊA BÀN KINH DOANH

GELEX có trụ sở chính đặt tại tòa nhà GELEX, số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

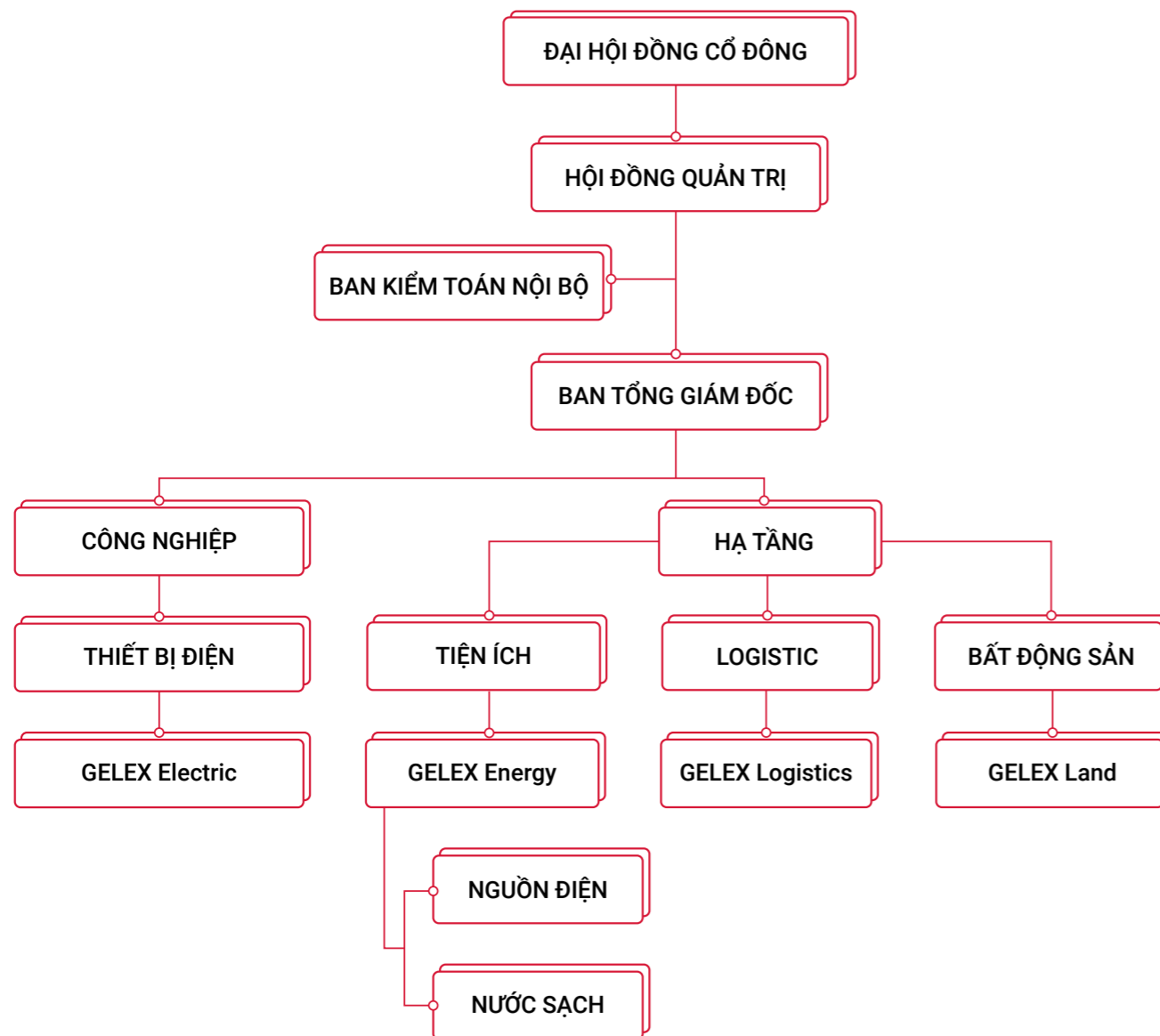
Các công ty thành viên, công ty liên kết có địa bàn hoạt động chính tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Nghệ An, Quảng Trị, Ninh Thuận, Đồng Nai.

Mảng Công nghiệp Thiết bị Điện cùng các sản phẩm mang thương hiệu CADIVI, THIBIDI hiện đang xuất khẩu sang các thị trường từ Lào, Campuchia và mở rộng sang Úc, châu Âu, châu Mỹ.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

I MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



I CƠ CẤU BAN LÃNH ĐẠO



ÔNG NGUYỄN VĂN TUẤN
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Học vấn: Quản trị Doanh nghiệp

Kinh nghiệm làm việc:

- Từ 04/01/2018 - Nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam
- Từ 13/07/2017 - Nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Liên doanh S.A.S - CTAMAD
- Từ tháng 05/2017 - Nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Dây cáp Điện Việt Nam
- Từ 05/12/2016 - Nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX
- Từ tháng 09/2016 - 01/2018: Ủy viên thường trực Hội đồng Quản trị/ Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam
- Từ 01/09/2016 - Nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thiết bị Điện GELEX
- Từ tháng 04/2016 - Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam



ÔNG NGUYỄN TRỌNG TIẾU
Phó Chủ tịch HĐQT

Học vấn: Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm làm việc:

- Từ năm 2010 – Nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ năm 2017 – Nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- Từ năm 2017 – tháng 6/2018: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội – HEM
- Từ tháng 09/2016 - Nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH Thiết bị Điện GELEX
- Từ tháng 09/2016 – 2018: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện
- Từ năm 2015 - 4/2019: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện
- Từ năm 2014 - Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương
- Từ năm 2010 – tháng 8/2016: Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam



BÀ ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN

Phó Chủ tịch HĐQT

Học vấn: Quản lý doanh nghiệp

Kinh nghiệm làm việc:

- 2018 - nay: Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam GELEX
- 4/2018 - Nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (Sotrans)
- 2017 - nay: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV GELEX Land
- 2011 - 2016: Giám đốc đầu tư Công ty CP Phát triển và tài trợ địa ốc R.C (Refico)
- 2007 - 2010: Giám đốc Quỹ đầu tư Sài Gòn A2, Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt
- 2004 - 2007: Giám đốc đầu tư, Nautilus Equity Holdings, Hongkong.



ÔNG NGUYỄN HOA CƯỜNG

Thành viên HĐQT

Học vấn:

Kỹ sư chế tạo máy, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm làm việc:

- Từ 04/01/2018 - Nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam
- Từ tháng 07/2010 - 01/2018: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam
- Từ năm 2014 - 2016: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Dây đồng Việt Nam
- Từ năm 2011 - 09/2016: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- Từ năm 2007 - 2018: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH SAS-CTAMAD- Khách sạn Melia Hà Nội



BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

Thành viên HĐQT độc lập

Học vấn:

Cử nhân Hoá VLXD, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm làm việc:

- Từ năm 2010 - Nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ năm 2013 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Trần Hưng Đạo
- Từ năm 2008 - Nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Trách nhiệm hữu hạn Capital Land - Hoàng Thành
- Từ năm 2004 - Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành
- Từ năm 2004 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Hoàng Thành



ÔNG VÕ ANH LINH

Thành viên HĐQT

Học vấn: Cử nhân kế toán và CNTT, Thạc sỹ Tài chính ngân hàng

Kinh nghiệm làm việc:

- Từ tháng 03/2016 - Nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ tháng 07/2016 - Nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú
- Từ tháng 06/2015 - Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện
- 2007 - 2015: Phó trưởng ban đầu tư kinh doanh phụ trách đầu tư trái phiếu và cổ phiếu Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước.

I CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ Tỷ VNĐ	TỶ LỆ SỞ HỮU	HOẠT ĐỘNG CHÍNH
1	Công ty TNHH Thiết bị Điện GELEX ("GELEX Electric") – Tên cũ: Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện.	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.218,7	100,00%	Sản xuất kinh doanh và quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực Thiết bị điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX ("Năng lượng GELEX")	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.300	100,00%	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng, nước sạch
3	Công ty TNHH MTV GELEX Logistics	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	1.210	100,00%	Dịch vụ logistics và đầu tư, kinh doanh hạ tầng logistics
4	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land ("GELEX Land")	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	50	100,00%	Kinh doanh bất động sản, Khai thác và tối ưu hóa quỹ đất hiện có của GELEX và các công ty thành viên
5	Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	\$8.000.000	36,35%	Sản xuất, kinh doanh dây đồng

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp/ gián tiếp bởi GELEX cũng sở hữu các công ty con khác với một số thông tin chính như sau:

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ Tỷ VNĐ	TỶ LỆ SỞ HỮU	HOẠT ĐỘNG CHÍNH
GELEX ELECTRIC					
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("CADIVI")	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	576	91,64%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	368	66,16%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ Tỷ VNĐ	TỶ LỆ SỞ HỮU	HOẠT ĐỘNG CHÍNH
3	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("THIBIDI")	Đường số 09, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai	488	78,52%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
4	Công ty TNHH Thiết bị đo điện Emic ("EMIC")	Tầng 23, tòa nhà GELEX, Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	150	100,00%	Sản xuất kinh doanh thiết bị đo điện
CÔNG TY THIBIDI					
1	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh ("MEE")	Số 186, tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội	120	51,00%	Sản xuất kinh doanh thiết bị điện
2	Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – CTCP (công ty liên kết)	Số 189, đường Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	282,6	24,89%	Sản xuất kinh doanh thiết bị điện
CÔNG TY HEM					
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	13	99,82%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	18,5	100,00%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
CÔNG TY NĂNG LƯỢNG GELEX					
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, Quảng Nam	618,14	71,28%	Sản xuất thủy điện
2	Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận	Số 126 đường 16/4, phường Mỹ Hải, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	368	100,00%	Sản xuất và truyền tải điện
3	Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà ("Viwasupco")	Xóm Vật Lại, xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	750	60,46%	Sản xuất nước sạch

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ Tỷ VNĐ	TỶ LỆ SỞ HỮU	HOẠT ĐỘNG CHÍNH
4	Công ty TNHH Điện Gió Hường Phùng	Tầng 3, số nhà 242 Quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	39	84,62%	Sản xuất điện gió
GELEX LOGISTICS					
1	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Sotrans")	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	854,378.79	54,78%	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
CÔNG TY SOTRANS					
1	Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam ("Cảng Miền Nam")	Số 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	20	51,00%	Kinh doanh vận tải đa phương thức, giao nhận hàng hóa
2	Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	1B Hoàng Diệu, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	220	100,00%	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
3	Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam ("Sowatco")	Số 298 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	671	84,39%	Kinh doanh thương mại, cơ khí đóng tàu và dịch vụ tiếp vận
4	Công ty Cổ phần vận tải đa phương thức Vietranstimex ("VTX")	Lầu 9 Tòa nhà B&L TOWER, số 119-121 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	209,723.21	84,00%	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường thủy

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

I CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

GELEX tiếp tục theo đuổi mô hình tăng trưởng bằng cách tham gia và trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong các lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng cao của đất nước như sản xuất công nghiệp (thiết bị điện và

vật liệu xây dựng); sản xuất điện tái tạo, logistics, bất động sản khu công nghiệp và cung cấp điện nước trong khu công nghiệp, văn phòng và khách sạn cao cấp tại các thành phố nhóm I.

I MỤC TIÊU CƠ BẢN TRONG 3 – 5 NĂM TỚI

Đối với hoạt động của Công ty mẹ GELEX

- Là công ty quản lý vốn hiệu quả của 4 nhóm hoạt động kinh doanh, đồng thời cung cấp dịch vụ chia sẻ (IT, quản lý tài sản, quản lý dự án v.v..) cho các công ty con trong từng nhóm ngành nhằm tối ưu hóa chi phí, tối đa hóa hiệu quả kinh tế và tăng cường quản trị rủi ro trong hệ thống.

Đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp

- Tập trung phát triển lĩnh vực thiết bị điện, tối ưu hóa sản xuất, đầu tư phát triển sản xuất để hướng tới cung cấp đầy đủ bộ sản phẩm trong chuỗi giá trị ngành điện đồng thời tăng cường mở rộng thị phần, giữ vững là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực thiết bị điện của Việt Nam;
- Nghiên cứu phát triển các giá trị cộng hưởng giữa thiết bị điện và vật liệu xây dựng: chẳng hạn, trong vấn đề phân phối, bán lẻ thiết bị điện, cáp điện và vật liệu xây dựng; logistics cho toàn bộ mảng sản xuất công nghiệp.

Đối với lĩnh vực hạ tầng

Nguồn phát điện: Tiếp tục đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, mục tiêu trong vòng 03 năm tới đạt tổng công suất 500MW;

Sản xuất cung cấp nước sạch: Hoàn thành việc đầu tư giai đoạn 2, nâng công suất Nhà máy nước sạch Sông Đà lên 600.000 m3/ngày đêm. Tiếp tục chọn lọc mở rộng hoạt động kinh doanh nước sạch tại một

số địa phương có tiềm năng, cung cấp nước trong khu công nghiệp;

Logistics: Thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng logistics gồm các Trung tâm phân phối, khu logistics tập trung, M&A cảng. Đối với lĩnh vực vận hành logistics: triển khai mô hình contract logistics 3PL, 4PL; tiếp tục đóng mới và phát triển năng lực đội xà lan, tập trung nguồn lực phục vụ vận tải siêu trường siêu trọng cho các dự án trọng điểm quốc gia của ngành dầu khí và điện lực;

Bất động sản:

- Rà soát, sắp xếp lại quỹ đất hiện tại mà GELEX Group đang quản lý, tiếp tục hoàn thiện thủ tục pháp lý các khu đất cần chuyển đổi công năng;
- Tối ưu hóa dòng tiền và hiệu quả hoạt động của các bất động sản hiện hữu, phát triển các dự án mới tại các vị trí trung tâm với quỹ đất hiện có, xây dựng danh mục tài sản có giá trị cho Group. Cụ thể là các dự án: khởi công tòa nhà văn phòng CADIVI Tower tại trung tâm thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 5/2019; khởi công xây dựng tổ hợp khách sạn tại số 10 Trần Nguyễn Hãn, Hà Nội vào Q1-2020;
- Từng bước phát triển lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp có kèm theo phát triển Nhà ở xã hội nhằm tăng sức cạnh tranh cho các khu công nghiệp, phát triển bền vững và góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

CÁC RỦI RO

I RỦI RO KINH TẾ

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất... cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặc dù ngành kinh doanh điện, năng lượng của GELEX được đánh giá là những ngành phòng thủ không chịu nhiều sự tác động của chu kỳ kinh tế, hai ngành này tại Việt Nam lại chịu ảnh hưởng khá lớn từ nguồn vốn đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vốn bị tác động nhiều bởi chính sách đầu tư công của Chính phủ. Trong điều kiện kinh tế tăng trưởng, đầu tư công mở rộng có thể kích thích sản xuất. Ngược lại, việc thắt chặt chi tiêu công có thể hạn chế nhu cầu đối với các sản phẩm ngành điện của GELEX.

Ngành logistics là ngành chịu ảnh hưởng của các biến động chu kỳ kinh tế. Điều kiện kinh tế không thuận lợi

sẽ chứng kiến sự giảm sút trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các khách hàng, dẫn đến việc giảm nhu cầu đối với hoạt động logistics.

Ngành bất động sản là ngành mang tính chu kỳ cao. Bất động sản luôn tăng trưởng cùng với sự tăng trưởng của kinh tế, thu nhập và chính sách tiền tệ nới lỏng (gia tăng khả năng tiếp cận vốn vay) và thường đóng băng trong thời điểm nền kinh tế đi xuống.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, GELEX đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế và lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với các kịch bản tăng trưởng trong tương lai. Đối với mảng sản xuất công nghiệp, GELEX tăng cường thực hiện tiết kiệm chi phí một cách triệt để nhằm gia tăng tối đa biên lợi nhuận để tích lũy tài chính cho mảng hạ tầng.



I RỦI RO PHÁP LÝ

Bên cạnh những tác động chung từ các bộ Luật điều chỉnh đối với các Công ty cổ phần đã niêm yết như Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng..., hoạt động của công ty còn chịu rủi ro pháp lý đặc thù đối với mỗi ngành, lĩnh vực mà công ty tham gia.

Mảng sản xuất và kinh doanh thiết bị điện của GELEX bị kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra khá gắt gao bởi các điều luật như Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; luật Chất lượng sản phẩm,... và các Nghị định, Quyết định hay Thông tư khác liên quan. Với việc Việt Nam ngày càng hội nhập quốc tế, các tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật đối với các sản phẩm ngày càng được nâng cao là một trong những yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đòi hỏi doanh nghiệp phải thường xuyên đầu tư, nâng cấp chất lượng sản phẩm để đảm bảo các yêu cầu của thị trường trong nước và đặc biệt là xuất khẩu.

Mảng kinh doanh điện nước và năng lượng là ngành có vai trò thiết yếu đối với nhu cầu người dân, do đó vẫn chịu sự điều tiết và quản lý của Nhà nước. Việc áp đặt các chính sách và phân phối điện nước cũng như áp dụng khung giá trong các ngành này khiến cho biên lợi nhuận của doanh nghiệp bị hạn chế.

Lĩnh vực logistics là lĩnh vực kinh doanh có nhiều yếu tố pháp lý phức tạp khi bên cạnh những quy định trong nước, doanh nghiệp còn chịu ảnh hưởng của các hiệp định thương mại và điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Luật Hải quan đã có hiệu lực từ 2014 nhưng cũng cần thời gian để hoàn thiện phù hợp với hoạt động thực tế. Việc biến động của các yếu tố pháp lý, do đó ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh vận tải, hoặc gián tiếp tác động thông qua sự ảnh hưởng của hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

Mảng kinh doanh bất động sản liên quan đến lĩnh vực đất đai, do đó chịu sự tác động của những rủi ro liên quan đến tranh chấp pháp lý, các thủ tục trong quá trình xin cấp phép và triển khai dự án, cũng như những điều chỉnh về mặt quy hoạch hay chính sách về đất đai của địa phương cũng sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, GELEX liên tục cập nhật những thay đổi của các văn bản pháp luật điều chỉnh/liên quan đến hoạt động kinh doanh của toàn Group, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Đồng thời, GELEX cũng thực hiện xây dựng và duy trì áp dụng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật.



I RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Với đặc thù hoạt động trên nhiều lực vực chủ lực của nền kinh tế, GELEX và các công ty thành viên cũng chịu sự tác động của những rủi ro đặc thù trong từng lĩnh vực kinh doanh.

Mảng sản xuất thiết bị điện của Công ty chịu rủi ro lớn từ biến động giá nguyên vật liệu đầu vào. Trong khi giá sản phẩm đầu ra thường ít có khả năng biến động mạnh, việc giá nguyên liệu đầu vào thay đổi ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận của doanh nghiệp.

Mảng kinh doanh điện nước và năng lượng của Công ty là mảng kinh doanh ổn định, tuy nhiên phụ thuộc nhiều vào yếu tố thiên nhiên. Đặc biệt là mảng năng lượng điện khi sản lượng thủy điện, điện mặt trời hay điện gió đều biến động tùy thuộc vào các yếu tố như

lượng mưa, sức gió hay bức xạ nhiệt vốn không thể đo lường và dự báo chính xác.

Mảng logistics chịu sự tác động rủi ro đặc thù liên quan đến chuỗi giá trị trong ngành. Theo đó, hoạt động logistics chuyên nghiệp đòi hỏi phải tích hợp được hàng loạt các dịch vụ vận tải giao nhận thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu thành một chuỗi liên tục để đảm bảo hàng hóa được vận chuyển trọn gói từ nhà sản xuất - vận tải - người tiêu dùng, tuy nhiên thị trường Việt Nam chưa thể đáp ứng. Cơ sở hạ tầng cho dịch vụ logistics cũng chưa hoàn chỉnh. Đặc biệt, do đặc thù ngành áp dụng cước phí dịch vụ chủ yếu bằng ngoại tệ, vì vậy thường xuyên phải đối mặt với rủi ro biến động tỷ giá, ảnh hưởng nhất định đến kết quả kinh doanh.

I RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ngành bất động sản với đặc thù là giá trị lớn, cần nhiều thời gian triển khai và nhu cầu huy động vốn lớn cũng chịu nhiều rủi ro. Bên cạnh những rủi ro Kinh tế và pháp lý đã đề cập, dự án bất động sản cũng có phải chịu những rủi ro như biến động về nhu cầu đối với dự án và rủi ro về biến động chi phí triển khai dự án (do thời gian triển khai kéo dài), rủi ro về khả năng huy động vốn triển khai dự án của Chủ đầu tư,...

GELEX luôn chú trọng quản lý các rủi ro tác động đến sự phát triển bền vững của Tập đoàn cũng như các công ty thành viên. Hoạt động kinh doanh của GELEX có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro đến từ thiên tai, tác động xấu của môi trường, xã hội... Chính vì thế GELEX luôn đặt mục tiêu bền vững trong các chiến lược phát triển chung nhằm cân bằng và hạn chế những tác động liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp.



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	34
Tình hình tài chính	36
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	38
Kế hoạch phát triển trong tương lai	39
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	41

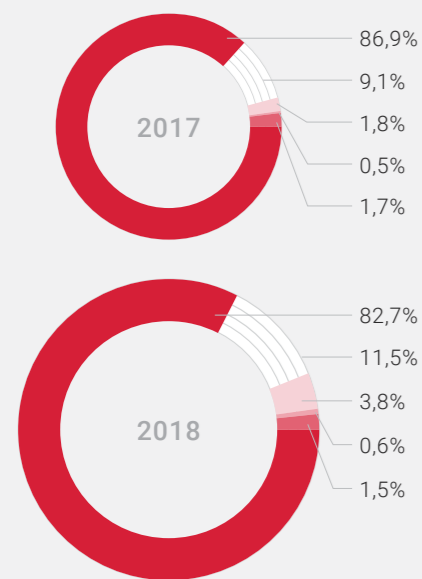
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Trong năm 2018, doanh thu hợp nhất của GELEX đạt 13.699 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2017, lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 1.283 tỷ đồng, tăng 42% so với năm 2017. Một số chỉ tiêu chính thể hiện trong bảng sau:

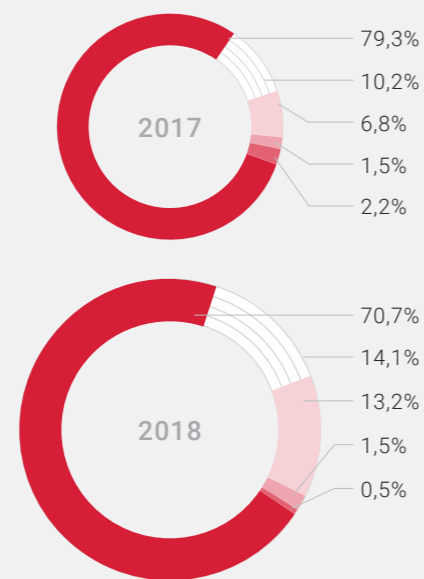
CHỈ TIÊU	2017 tỷ VNĐ	2018 tỷ VNĐ	Thay đổi %
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.984	13.699	14,3%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.145	1.533	33,9%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	906	1.283	41,6%
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	637	942,4	47,9%



Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực



Cơ cấu lợi nhuận gộp theo lĩnh vực



- Lĩnh vực thiết bị điện
- Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận
- Sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện và nước)
- Cho thuê văn phòng và kinh doanh dịch vụ khách sạn
- Khác

Về tổng quan trong năm qua, chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn đều có sự tăng trưởng trên tất cả các lĩnh vực. Doanh thu hợp nhất tăng trưởng 14,3%, lợi nhuận trước thuế hợp nhất, nếu không tính khoản thu nhập bất thường có được nhờ bán phần vốn góp tại liên doanh Kapple Land tại Sowatco thì năm 2018 có sự tăng trưởng 34% so với năm 2017. Tuy nhiên so với kế hoạch, doanh thu và lợi nhuận trước thuế hợp nhất của GELEX chưa đạt mục tiêu đặt ra, cụ thể, tổng doanh thu hợp nhất chỉ đạt 91,1%, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 84,3% kế hoạch năm 2018. Điều này bắt nguồn từ việc trong kế hoạch năm 2018, GELEX có

tính đến việc hoàn tất việc mua và sở hữu chi phối Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – CTCP. Tuy nhiên trong năm 2018, việc thoái vốn Nhà nước tại EEMC chưa được thực hiện nên GELEX chưa hoàn thành việc này. Doanh thu năm 2018 của EEMC là 2.458 tỷ đồng. Nếu tính cả doanh thu này thì tổng doanh thu hợp nhất 2018 của GELEX sẽ đạt kế hoạch đặt ra. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2018 chưa đạt kế hoạch một phần cũng đến từ việc chưa hoàn tất việc sở hữu chi phối EEMC, đồng thời hoạt động đầu tư của EVN giảm trong năm 2018 đã làm giảm doanh thu, lợi nhuận trước thuế của một số đơn vị trong lĩnh vực thiết bị điện.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản của GELEX năm 2018 như sau:

CHỈ TIÊU	01/01/2018 tỷ VNĐ	31/12/2018 tỷ VNĐ	Thay đổi %
TÀI SẢN NGẮN HẠN	7.448	8.102	8,8%
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.098	924	-15,8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.546	1.784	15,4%
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.907	1.864	20,5%
Hàng tồn kho	1.855	2.111	13,8%
Tài sản ngắn hạn khác	42	121	186,3%
TÀI SẢN DÀI HẠN	6.313	9.142	44,8%
Các khoản phải thu dài hạn	79	21	-73,2%
Tài sản cố định	3.044	4.475	47,0%
Tài sản cố định vô hình	163	518	218,1%
Bất động sản đầu tư	219	233	6,4%
Tài sản dở dang dài hạn	266	1.040	291,1%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.672	1.739	4,0%
Tài sản dài hạn khác	1.033	1.635	58,2%
Lợi thế thương mại	592	1.156	95,2%
TỔNG	13.761	17.243	25,3%

Tình hình công nợ và vốn chủ sở hữu của GELEX năm 2018 như sau:

	01/01/2018 tỷ VNĐ	31/12/2018 tỷ VNĐ	Thay đổi %
NỢ PHẢI TRẢ	7.604	9.282	22,1%
Nợ ngắn hạn	4.764	6.826	43,3%
Nợ dài hạn	2.840	2.455	-13,5%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	6.157	7.965	29,4%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	13.761	17.246	25,3%

I TÌNH HÌNH NỢ PHẢI THU

Nợ phải thu năm 2018 của toàn GELEX tăng nhẹ ở mức 6,2% so với năm 2017. Toàn hệ thống kiểm soát tốt nợ phải thu và thực hiện việc theo dõi, quản lý đầy đủ, chặt chẽ. Phần lớn các khách hàng thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

I TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

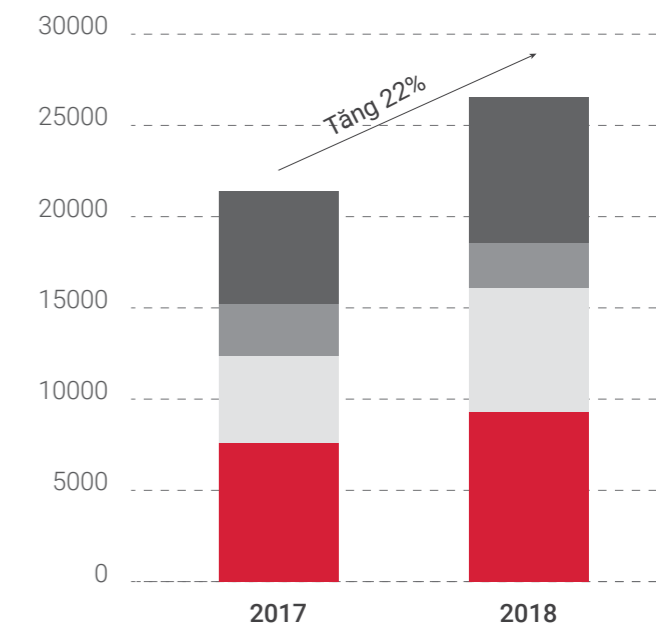
Đến thời điểm 31/12/2018, tổng dư nợ phải trả của GELEX là 2.044 tỷ đồng. Nợ phải trả được theo dõi đầy đủ và luôn được thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

I TÌNH HÌNH NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Toàn bộ hệ thống GELEX thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp các khoản thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và các khoản phải nộp ngân sách khác theo đúng quy định.

I TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG

Trong năm 2018, toàn bộ hệ thống GELEX thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ đối với nợ khó đòi, vật tư, hàng hóa chậm luân chuyển, giảm giá chứng khoán ... theo đúng quy định.



Bảng Công nợ và vốn chủ sở hữu năm 2018

- Nợ phải trả
- Nợ dài hạn
- Nợ ngắn hạn
- Vốn chủ sở hữu

I ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI LÃI SUẤT

Ảnh hưởng của thay đổi lãi suất chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản lãi trái phiếu có lãi suất thả nổi của hệ thống GELEX. GELEX thực hiện quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của mình và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. GELEX đánh giá rủi ro thay đổi lãi suất là nhỏ.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2018, GELEX tiếp tục thực hiện kiện toàn mô hình kinh doanh theo nội dung tái cấu trúc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. GELEX đã thành lập 04 Sub-holdings chủ lực trong các nhóm lĩnh vực kinh doanh chính: Công nghiệp, Hạ tầng tiện ích (điện nước), Logistics và Bất động sản làm cơ sở phát triển hoạt động kinh doanh trong 4 nhóm ngành chủ lực.

Đồng thời với đó, Trong năm 2018, GELEX tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức tại Công ty mẹ theo mô hình “phẳng” của một Tập đoàn tư nhân hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả, xác định rõ phương hướng hoạt động. Theo đó Công ty mẹ GELEX thực hiện các chức năng chính gồm:

- Phân bổ nguồn lực:
 - » Xây dựng phân bổ tài chính
 - » Cho vay/góp vốn đầu tư
 - » Thẩm định các dự án lớn
 - Chia sẻ dịch vụ quản trị nội bộ
 - » Thực hiện các hoạt động hỗ trợ
 - » Dịch vụ chia sẻ cho các công ty con bao gồm: tài chính, pháp chế, quản trị nhân sự, công nghệ thông tin, quản lý thương hiệu
 - Quản trị rủi ro toàn bộ hệ thống, đảm bảo thượng tôn pháp luật.
- Các cải tiến về cơ cấu tổ chức được thực hiện bao gồm:
- Một số thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách các mảng hoạt động của GELEX;
 - Ban điều hành bao gồm Tổng Giám đốc và các Giám đốc khối phụ trách từng mảng hoạt động của Tập đoàn;

- Ban Kiểm soát được thay thế bằng bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo việc hỗ trợ kinh doanh, giúp toàn hệ thống hoạt động minh bạch, hiệu quả.
- Thành lập các tiểu ban về đầu tư các dự án nhằm đạt được hiệu quả đầu tư cao nhất;
- Tiến hành đầu tư việc áp dụng mô hình quản trị doanh nghiệp ERP thời công nghiệp 4.0 trong toàn bộ hệ thống, bắt đầu từ CADIVI trong năm 2019 và sắp tới là các doanh nghiệp còn lại trong hệ thống Tập đoàn.

GELEX tiếp tục thực hiện kiện toàn nhân sự, ban hành cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ các Phòng ban phù hợp với các nội dung nêu trên. Sự vận hành ổn định, hiệu quả của GELEX là minh chứng cho những cải tiến này.

Văn hóa doanh nghiệp tại GELEX được duy trì và phát triển dựa trên sự kế thừa tinh hoa của kinh nghiệm truyền thống và sự năng động, sáng tạo của đội ngũ lãnh đạo cấp cao. Lịch sử 30 năm hình thành và phát triển giúp GELEX hội tụ nhiều thành viên ban lãnh đạo kỳ cựu, có thâm niên trong lĩnh vực Thiết bị Điện, đã đồng hành cùng tập đoàn từ những ngày đầu tiên. Bước sang giai đoạn mới, GELEX tiếp nhận luồng gió mới trong nguồn nhân sự cấp cao, với kinh nghiệm làm việc tại các tập đoàn đa quốc gia (như P&G, Ikea, CocaCola...), trải rộng phong phú từ lĩnh vực đầu tư, luật, bán lẻ đến bất động sản... Tất cả cùng hướng tới mục tiêu chung vừa tái cấu trúc vừa tăng trưởng doanh nghiệp mạnh mẽ và bền vững.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2019

GELEX hoạch định hai khối kinh doanh chính gồm: (1) Sản xuất công nghiệp và (2) Hạ tầng gồm sản xuất điện, nước, logistics và Bất động sản. Công ty mẹ GELEX có nhiệm vụ như một công ty holdings – chuyên quản lý phần vốn góp tại các đơn vị kinh doanh. Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2019 cụ thể như sau:

CÁC ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA TOÀN GELEX

- Công ty mẹ GELEX là Công ty quản lý vốn (Holdings) tư nhân chuẩn mực, uy tín
- Tiếp tục theo đuổi mô hình công ty tăng trưởng nhanh và hiệu quả:
 - » Tối ưu hóa mảng sản xuất công nghiệp, vận hành logistics và tiện ích
 - » Tăng cường đầu tư mảng hạ tầng
 - » Tiếp tục mua bán, sáp nhập (M&A) các công ty có thể tạo ra giá trị cộng hưởng lớn với hệ thống hiện tại
- Cụ thể hóa các liên kết trong toàn hệ thống:
 - » Hoàn thiện các sub-holdings để trực tiếp quản lý từng mảng kinh doanh độc lập
 - » HĐQT chuyên trách trực tiếp hỗ trợ Ban điều hành ở các đơn vị thành viên
 - » Cung cấp các dịch vụ chia sẻ thiết yếu cho các đơn vị thành viên trong toàn hệ thống
- Đảm bảo kinh doanh an toàn, thượng tôn pháp luật trong toàn hệ thống

CÁC MỤC TIÊU TRỌNG TÂM CỦA KHỐI THIẾT BỊ ĐIỆN

- Cơ cấu lại sản xuất kinh doanh theo hướng tối ưu hóa các nguồn lực và lợi thế cạnh tranh;
- Nâng cao trình độ quản lý theo mô hình quản lý công nghiệp hiện đại, tận dụng triệt để lợi thế quy mô.
- Tập trung mở rộng thị phần về địa lý;
- Cung cấp gói sản phẩm toàn diện để mở rộng thị phần bán cho EVN, các dự án và thị trường xuất khẩu
- Phát triển R&D, các sản phẩm mới hàm lượng công nghệ cao;
- Tăng cường chuyển giao công nghệ từ các đối tác hàng đầu

CÁC MỤC TIÊU TRỌNG TÂM CỦA KHỐI HẠ TẦNG TIỆN ÍCH (ĐIỆN, NƯỚC)

- Hoàn thành dự án điện mặt trời Ninh Thuận đúng tiến độ
- Hoàn thành phân kỳ 1 – Giai đoạn 2 Dự án nhà máy nước Sông Đà (xây dựng bể chứa và trạm bơm tăng áp đúng tiến độ). Tiếp tục đầu tư Phân kỳ 2 – Giai đoạn 2 nhà máy nước Sông Đà, nâng công suất lên 600.000 m3 nước/ngày đêm.
- Xúc tiến thủ tục đầu tư các dự án năng lượng tái tạo trọng điểm.

CÁC MỤC TIÊU TRỌNG TÂM CỦA KHỐI LOGISTICS

- GELEX Logistics: đầu tư phát hạ tầng logistics như DC, logistic park
- Sotrans Logistics: tập trung phát triển mô hình Contract Logistics 3PL, 4PL
- Sovatco: đầu tư mở rộng cảng Long Bình, tiếp tục nâng cao năng lực của đội vận tải bằng xà lan
- Vietranstimex: Tối ưu hóa năng lực thiết bị hiện có

CÁC MỤC TIÊU TRỌNG TÂM CỦA KHỐI BẤT ĐỘNG SẢN

- Tối ưu hóa dòng tiền và hiệu quả hoạt động của các bất động sản hiện hữu: GELEX Tower, Khách sạn Melia Hà Nội, Hanoi Center Office
- Phát triển các dự án mới tại các vị trí trung tâm với quỹ đất hiện có: dự án Trần Nguyễn Hãn, CADIVI Tower, Sovatco Tower
- Hoàn thiện thủ tục pháp lý các khu đất cần chuyển đổi công năng

PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN KHU CÔNG NGHIỆP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp tại Việt Nam đang phát triển rất mạnh nhờ vào quá trình phân công lại sản xuất toàn cầu dẫn đến sự dịch chuyển sản xuất cùng với sự hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam. Nhằm nắm bắt tiềm năng này cũng như hoàn thiện lĩnh vực hạ tầng, GELEX định hướng sẽ phát triển thêm lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp, bao gồm cả hoạt động đầu tư nhà ở xã hội, nhằm tạo điều kiện ổn định cuộc sống cho người lao động tại khu công nghiệp, góp phần tăng sự hấp dẫn của các khu công nghiệp, đồng thời góp phần vào công tác an sinh xã hội.

Cùng với việc phát triển lĩnh vực bất động sản công nghiệp có kèm theo nhà ở xã hội nêu trên, GELEX cũng định hướng mở rộng thêm lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng trong mảng công nghiệp, từ đó giúp hoàn thiện hệ sinh thái của GELEX.

Việc mở rộng hoạt động kinh doanh trên có thể được thực hiện theo hình thức đầu tư dự án hoặc mua bán, sáp nhập các doanh nghiệp tiềm năng trong lĩnh vực này hoặc các hình thức khác đảm bảo hiệu quả.

I CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2019
I	Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	16.700
II	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	1.380

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



I MÔI TRƯỜNG

GELEX đặt mục tiêu tối ưu hóa nguồn năng lượng và nước trong toàn bộ hệ thống Tổng Công ty, văn phòng, các dự án bất động sản, nhà máy... nhằm hướng tới việc tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững.

I NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số người lao động trong Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 4.152 người;

Tất cả lao động đều được ký kết hợp đồng lao động, Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định.

I CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Nhằm xây dựng nét đẹp văn hoá doanh nghiệp hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, hàng năm Tập đoàn đều tham gia các chương trình từ thiện, tổ chức các hoạt động xã hội như tài trợ thư viện sách tại Hà Nam, bếp ăn cho học sinh dân tộc nội trú, tặng các phần quà Tết cho các hộ dân nghèo tại các vùng khó khăn ở Ninh Thuận. GELEX xác định các hoạt động xã hội, trọng tâm tại các địa phương nơi Tập đoàn và các đơn vị thành viên có trụ sở, nhà máy và dự án là một trách nhiệm trong hoạt động của mình.

I NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Toàn bộ hệ thống GELEX thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp các khoản thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và các khoản phải nộp ngân sách khác theo đúng quy định.



04

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2018

Tình hình hoạt động kinh doanh 2018	44
Tình hình hoạt động các công ty trực thuộc và đầu tư liên kết	56
Tình hình đầu tư	63
Tình hình tài chính	65
Tổ chức và nhân sự	66
Cơ cấu cổ đông	66

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH CÁC ĐƠN VỊ 2018

Đơn vị tính: tỷ VND

STT	Đơn vị	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế TNDN	
		Năm 2018	Tăng trưởng 2018 so với 2017	Năm 2018	Tăng trưởng 2018 so với 2017
I. Khối Thiết bị điện					
	Cadivi	8.546	25%	415	27%
	Thibidi	2.220	-13%	277	-14%
	Hem	543	0%	94	18%
	Vihem	191	41%	22	0%
	EMIC (*)	672	-21%	46	-66%
	EEMC	2.458	-2%	102	-3%

(*) Xem giải thích chi tiết tại phần về EMIC trang 61

II. Khối năng lượng

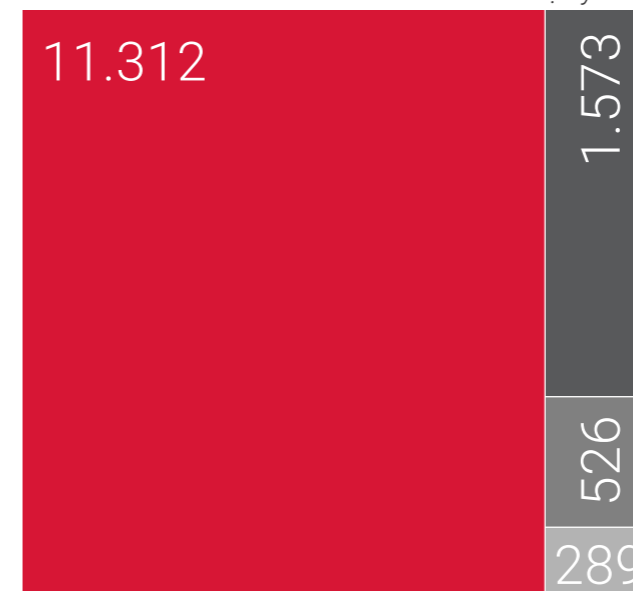
	Phú Thanh Mỹ	189	-27,9%	-3	-103%
	Nước sạch Sông Đà	468	13,3%	218	29%

III. Khối Logistics

	Sotrans hợp nhất	1.762	21,1%	158	-70%
	Sotrans b/c riêng	998	12,1%	182	-37%
	Sowatco	250	37,4%	105	-79%
	Vietranstimex	343	22,5%	6	-65%

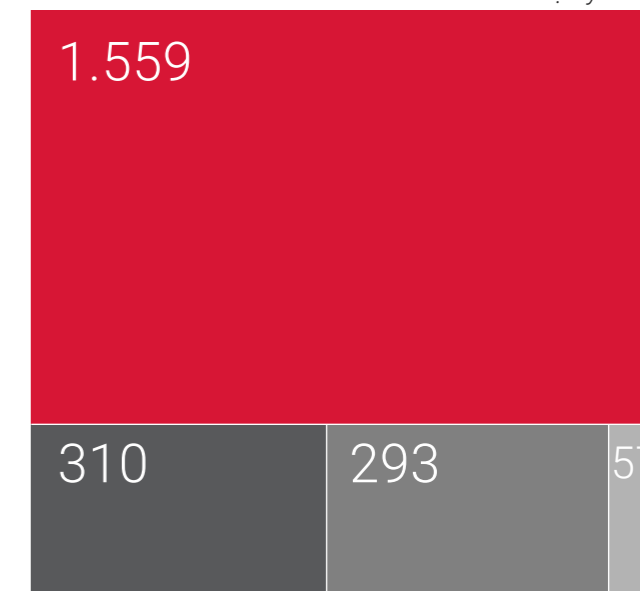
I DOANH THU 2018

Đơn vị: tỷ VND



I LỢI NHUẬN GỘP 2018

Đơn vị: tỷ VND



- Khối Logistics
- Khối Năng lượng

- Khối Bất động sản và Khác
- Khối thiết bị điện



Khối thiết bị điện

Số lượng công ty	6
Số lượng nhân viên	2309
Doanh thu	11.324.686.574.168
Lợi nhuận gộp	1.534.553.675.070
Biên lợi nhuận gộp	13,6%



Khối năng lượng

Số lượng công ty	5
Số lượng nhân viên	220
Doanh thu	529.261.719.563
Lợi nhuận gộp	294.671.349.508
Biên lợi nhuận gộp	55,7%



Khối Logistics & Land

Số lượng công ty	5
Số lượng nhân viên	1548
Doanh thu	1.759.678.887.909
Lợi nhuận gộp	322.871.595.131
Biên lợi nhuận gộp	18,3%

NHÓM NGÀNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP



Dây và Cáp điện
CADIVI



Máy biến thế
THIBIDI, Thiết bị điện Đông Anh – EEMC, MEE



Động cơ điện
HEM, VIHEM



Thiết bị đo điện
EMIC

Sản xuất thiết bị điện là lĩnh vực truyền thống và nòng cốt của GELEX. Tập đoàn hiện đang giữ vị thế Top 1 trong lĩnh vực Công nghiệp Thiết bị Điện khi sở hữu các doanh nghiệp và thương hiệu lớn hàng đầu Việt Nam, đã khẳng định chất lượng và uy tín với khách hàng trong và ngoài nước:

Hoạt động sản xuất kinh doanh nhóm ngành Sản xuất công nghiệp - Thiết bị điện tăng trưởng 8.7% về doanh thu thuần (11.312 tỷ đồng năm 2018 so với 10.419 tỷ đồng năm 2017), lợi nhuận gộp đạt 1.559 tỷ đồng, tương đương năm 2017. Kết quả kinh doanh của cụ thể của các đơn vị thành viên trong khối thiết bị điện như sau:

NHÓM THIẾT BỊ ĐIỆN	2018	2017	Tăng trưởng
Doanh thu	11.312	10.419	8,6%
Lợi nhuận gộp	1.559	1.576	-1,1%

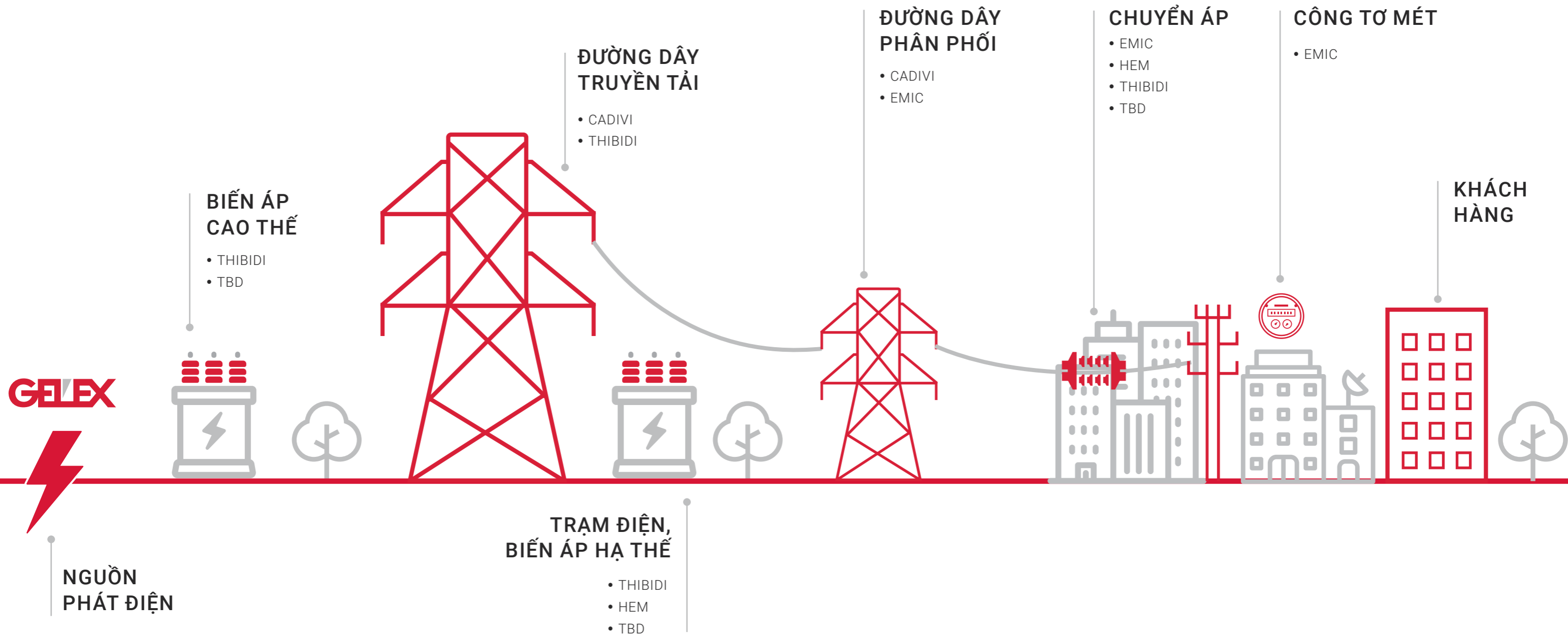
Ghi chú: Tổng doanh thu của các đơn vị thiết bị điện lớn hơn tổng doanh thu khối thiết bị điện nêu trên do giữa các đơn vị có một số hoạt động mua bán hàng hóa, thành phẩm của nhau, khi hợp nhất và tính toán tổng doanh thu của khối thiết bị điện, đã loại bỏ các khoản doanh thu nội bộ này.

Nổi trội trong nhóm thiết bị điện là đóng góp của CADIVI với tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ, doanh thu hợp nhất tăng 25% so với năm 2017, đạt 8.546 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế tăng 27%, đạt 415 tỷ đồng.

Trong năm 2018, GELEX tập trung hoàn thiện chuỗi sản phẩm trong lĩnh vực thiết bị điện, hướng tới sản xuất và cung cấp đầy đủ các sản phẩm trong danh mục thiết bị điện cho cả 3 cấp điện áp Hạ thế, Trung thế và Cao thế. Năm 2018, GELEX thông qua đơn vị thành viên đã đầu tư vào Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – CTCP (EEMC) và Công ty CP Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh (MEE), từ đó mở rộng bộ sản phẩm máy biến áp truyền tải. Đến nay, bộ sản phẩm trong lĩnh vực thiết bị điện của GELEX đã cơ bản phủ kín chuỗi sản phẩm cung cấp cho ngành điện.

GELEX cũng thực hiện tăng tỉ lệ sở hữu tại các đơn vị sản xuất chủ lực, đến nay tỉ lệ sở hữu tại CADIVI là 91,64%. Trong năm 2018, GELEX cũng thực hiện sáp nhập hai đơn vị có cùng ngành hàng sản xuất là HEM và VIHEM nhằm tối ưu hóa sản xuất. Song song với đó, việc tối ưu hóa sản xuất được thực hiện mạnh mẽ tại các đơn vị thành viên, góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2019, tổng doanh thu kế hoạch các đơn vị thành viên trong khối thiết bị điện là 12.500 tỷ đồng, tổng kế hoạch lợi nhuận trước thuế là 924,5 tỷ đồng.



NHÓM HẠ TẦNG

LĨNH VỰC HẠ TẦNG TIỆN ÍCH NGUỒN PHÁT ĐIỆN VÀ KINH DOANH NƯỚC SẠCH

Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch

Lĩnh vực nước sạch của GELEX được quản lý và vận hành bởi Công ty cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà, đơn vị thành viên, GELEX sở hữu 60,46% vốn thông qua Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX. Nhà máy nước Sông là nhà máy nước trọng điểm, cung cấp nước cho địa bàn TP Hà Nội. Nhà máy có công suất giai đoạn 1 là 300.000 m³/ngày đêm, cung cấp nước sạch từ nguồn nước mặt Sông Đà cho khu vực Tây và Tây Nam thành phố Hà Nội, khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh nhất và mật độ dân cư cao nhất của Thủ đô. Nhà máy nước Sông Đà sở hữu nhiều lợi thế trong sản xuất và cung cấp nước sạch như độ trong tự nhiên của nước sông Đà, độ dốc trong đường ống truyền tải nước giúp tiết kiệm chi phí xử lý cũng như chi phí bơm nước.

Năm 2018, Tổng sản lượng nước sạch thương phẩm đạt 91,04 triệu m³, giá trị doanh thu đạt 468 tỷ đồng đạt 101% Kế hoạch năm 2018, tăng 13% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế đạt 218, tăng 29% so với năm 2017.



Lĩnh vực hạ tầng tiện ích của GELEX bao gồm lĩnh vực nguồn phát điện và sản xuất kinh doanh nước sạch. Lĩnh vực này được đầu tư và quản lý bởi Công ty TNHH Năng lượng GELEX (GELEX ENERGY) đơn vị do GELEX sở hữu 100% vốn.

Lĩnh vực nguồn phát điện

Hiện nay GELEX ENERGY đang sở hữu tổng cộng 04 dự án nguồn phát điện với tổng công suất là 122 MW điện tại các dự án:

- Dự án Thủy điện Sông Bung 4A, công suất 49MW, hoàn thành và đi vào phát điện từ năm 2013. Sông Bung 4A được quản lý và vận hành bởi CTCP Phú Thạnh Mỹ, GELEX thông qua GELEX ENERGY sở hữu 73,16%. Năm 2018, doanh thu phát điện đạt 152,7 tỷ đồng, tương đương 61,27% kế hoạch
- Dự án Thủy điện Canan 1-2, tổng công suất 23MW trong đó Nhà máy Thủy điện Canan 2 công suất 16MW đã đi vào hoạt động từ quý 3, 2018, doanh thu còn nhỏ, chưa đáng kể. Nhà máy Thủy điện Canan 1 công suất 7 MW dự kiến đi vào hoạt động đầu quý 2/2019. Dự án Canan được quản lý và vận hành bởi CTCP SCI Nghệ An, GELEX thông qua GELEX ENERGY sở hữu 49%
- Dự án Điện Mặt trời Ninh Thuận, tại huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, tổng công suất 49 MW, hiện đang xây dựng, dự kiến hoàn thành vào tháng 6/2019. GELEX thông qua GELEX ENERGY sở hữu 100% dự án này. Trong năm qua, Dự án Nhà máy điện mặt trời Ninh Thuận đã hoàn thành các công tác chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu EPC ... và hiện đang tiến hành thực hiện dự án, mục tiêu hoàn thành vào tháng 5/2019.



Đồng thời với đó, GELEX ENERGY cũng xúc tiến đầu tư các dự án nguồn phát điện mới bao gồm:

- Dự án điện gió GELEX 1,2,3 tại Quảng Trị, tổng công suất 90MW
- Dự án điện gió Hướng Phùng 2, tổng công suất 20 MW
- Dự án điện gió Hướng Phùng 3, tổng công suất 30MW
- Dự án điện mặt trời Bình Phước, tổng công suất 416MWp

Tổng hợp kết quả kinh doanh của Khối hạ tầng tiện ích

Kết quả kinh doanh năm 2018 của GELEX ENERGY như sau:

NHÓM NĂNG LƯỢNG	2018 tỷ VNĐ	2017 tỷ VNĐ	Tăng trưởng %
Doanh thu	525,7	213,3	146,5%
Lợi nhuận gộp	293	135	116,3%

Kết quả kinh doanh năm 2018 của GELEX ENERGY có sự tăng trưởng mạnh mẽ nhờ năm 2018 Công ty đã hợp nhất kết quả kinh doanh của Công ty CP Đầu tư nước sạch Sông Đà.

Năm 2019, GELEX ENERGY đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất 941 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế TNDN 242 tỷ đồng.

I LĨNH VỰC LOGISTICS



GELEX LOGISTICS, đơn vị 100% thuộc sở hữu của GELEX là đơn vị đầu mối đầu tư vào lĩnh vực logistics của GELEX. GELEX LOGISTICS tập trung vào 02 mảng hoạt động chính

- Vận hành Logistics: Thông qua các công ty con là Sotrans Logistics, Sowatco và Vietranstimex

• Đầu tư hạ tầng logistics
 Trong hoạt động Logistics, quá trình tái cấu trúc GELEX Logistics đã giúp hoạch định rõ ràng hơn phần vận hành và hạ tầng dịch vụ của hoạt động này, khẳng định vị trí Top 3 Nhà cung cấp dịch vụ logistics tại Việt Nam.

Doanh thu/Lợi nhuận

NHÓM LOGISTICS	2018 tỷ VNĐ	2017 tỷ VNĐ	Tăng trưởng %
Doanh thu	1.573	1.091	44,2%
Lợi nhuận gộp	310	203	52,7%

GELEX Logistics mới được thành lập vào cuối tháng 9/2018, đến cuối tháng 12 năm 2018 mới hoàn tất việc bàn giao cổ phần Sotrans từ GELEX sang GELEX Logisitcs. Hiện nay, kết quả kinh doanh khối Logisitcs của GELEX chính là kết quả kinh doanh hợp nhất của Sotrans.

Tổng Doanh thu 2018 nhóm Logistics tăng trưởng 21% so với năm 2017 và vượt 6,3% so với kế hoạch đề ra trong năm 2018. Trong đó doanh thu hoạt động kinh doanh riêng của Công ty mẹ Sotrans tăng 12.1% so với 2017 do doanh thu mảng Cước vận tải quốc tế, bán lẻ xăng dầu tăng mạnh so với năm 2017. Doanh thu năm 2018 của Sowatco

tăng mạnh do công ty phát triển thêm lĩnh vực kinh doanh vận tải và đẩy mạnh hoạt động khai thác cảng. Công ty CP Cảng Miền Nam tăng sản lượng hàng hóa ở cảng dẫn đến lợi nhuận gộp 2018 tăng 20% so với 2017. Lợi nhuận sau thuế trong năm 2018 của Khối Logistics giảm so với số liệu cùng kỳ do năm 2017 ghi nhận khoản lãi từ chuyển nhượng đầu tư tài chính: Tổng công ty Đường sông Miền Nam (SWC) thanh lý 1 khoản đầu tư trong quý 1/2017.

Sotrans Group đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất 2019 là 2.029 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 154 tỷ đồng.

I LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

Với các lợi thế về quỹ đất, GELEX đã tham gia vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản cụ thể là lĩnh vực bất động sản thương mại. Các dự án bất động sản đã hoàn thành và đang khai thác trong hệ thống GELEX bao gồm:

GELEX Tower - 52 Lê Đại Hành

Đây là dự án xây dựng trụ sở làm việc kết hợp văn phòng cho thuê của GELEX tại diện tích đất 1.937 m² ở địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội. Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2014 với tổng diện tích xây dựng là 18.289 m² với 3 tầng hầm và 22 tầng nổi.

Khách sạn Melia Hà Nội

GELEX hiện sở hữu 76,11% Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM), HEM sở hữu 35% Công ty liên doanh SAS-CTAMAD - chủ đầu tư của Tổ hợp Khách sạn Melia Lý Thường Kiệt. Đây là tổ hợp gồm khách sạn và văn phòng cho thuê, tọa lạc tại vị trí 44B Lý Thường Kiệt, trung tâm tài chính và ngoại giao của Hà Nội. Khách sạn Melia là khách sạn 5 sao, đẳng cấp quốc tế, nơi đây đã từng tiếp đón nhiều nguyên thủ quốc gia đến từ nhiều nước. Tòa nhà văn phòng HCO hiện đang được nhiều công ty nổi tiếng thế giới sử dụng,

Khách sạn Bình Minh - Số 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội

Khách sạn Bình Minh nằm tại vị trí số 10 Trần Nguyên Hãn và 27- 29 Lý Thái Tổ, đây là vị trí trung tâm tại quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Hiện Khách sạn vẫn đang hoạt động, tuy nhiên GELEX đã xây dựng Dự án phát triển tổ hợp Tổ hợp Khách sạn, Dịch vụ Thương Mại, Văn phòng cho thuê đạt tiêu chuẩn quốc tế 5 sao với tổng diện tích đất lập dự án là 9.934 m², dự kiến khởi công vào quý 4/2019.

GELEX LAND

Song song với việc thực hiện các dự án trên, GELEX đã thành lập Công ty TNHH MTV GELEX LAND, do GELEX sở hữu 100% vốn để phát triển các dự án bất động sản thương mại với trọng tâm là khách sạn, văn phòng, bán lẻ và bất động sản công nghiệp (nhà xưởng, kho tàng, bến bãi).



Kết quả sản xuất kinh doanh khối bất động sản năm qua như sau:

DOANH THU THEO LĨNH VỰC	2017 tỷ VNĐ	2018 tỷ VNĐ	Tăng trưởng %
Doanh thu cho thuê văn phòng và kinh doanh dịch vụ khách sạn	62	75	21%
Lợi nhuận gộp	29,6	29,9	1%



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC VÀ ĐẦU TƯ LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX – GELEX ELECTRIC

Thực hiện đề án tái cấu trúc GELEX, tháng 7/2018, GELEX đã chuyển giao toàn bộ phần vốn góp của GELEX tại các đơn vị thành viên thuộc lĩnh vực thiết bị điện bao gồm CADIVI, THIBIDI, HEM vào GELEX Electric. Đồng thời GELEX Electric cũng thực hiện tách mảng sản xuất thiết bị đo điện ra, thành lập

công ty con 100% vốn là Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện EMIC.

Kết quả kinh doanh của các đơn vị thành viên GELEX Electric năm 2018 như sau:

Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam - CADIVI

CADIVI là thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong ngành hàng dây và cáp điện. Doanh thu của CADIVI năm 2018 đạt 8.546 tỷ đồng, đạt 104,1% kế hoạch và tăng 25% so với năm 2017. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 531 tỷ đồng, đạt 117% kế hoạch và tăng 29,39% so với năm 2017. Nếu không tính doanh thu của Công ty CP Nhựa Hà Nội, doanh thu hợp nhất năm 2018 đạt 8.072 tỷ, tăng 12% so với năm 2017, lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 495 tỷ, tăng 30% so với năm 2017.

Trong năm 2018, CADIVI Hoàn thành Dự án Dây chuyền sản xuất Đồng Rod sản lượng 20.000 tấn/năm; Dự án Dây chuyền nấu đúc cán Nhôm liên tục sản lượng 20.000 tấn/năm; Triển khai Dự án Nâng cao năng lực sản xuất dây cáp điện tại CADIVI Miền Trung. CADIVI cũng đã nghiên cứu sản xuất thử thành công và đưa ra thị trường 6 sản phẩm mới, nghiên cứu cải tiến công nghệ sản xuất cáp trung thế.

Kết quả kinh doanh năm 2018 của CADIVI như sau:

CADIVI	2017 tỷ VNĐ	2018 tỷ VNĐ	Tăng trưởng %
Doanh thu thuần	6.825	8.546	25%
Lợi nhuận sau thuế	326	415	27%

Trong năm 2019, CADIVI đặt mục tiêu đẩy mạnh phát triển thị trường miền Trung, miền Bắc, tăng tốc phát triển bán hàng cho ngành điện lực, đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm dân dụng chậm cháy và năng lượng tái tạo. Kế hoạch doanh thu 2019 của CADIVI là 8.900 tỷ và lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 479 tỷ đồng.



Công ty Cổ phần Thiết bị điện - THIBIDI

Máy biến áp phân phối của THIBIDI đã khẳng định được uy tín và chất lượng đối với khách hàng.

Kết quả kinh doanh năm 2018 của THIBIDI như sau:

THIBIDI	2017 tỷ VNĐ	2018 tỷ VNĐ	Tăng trưởng %
Doanh thu	2.547	2.220	-13%
Lợi nhuận sau thuế	321	277	-14%

Trong năm 2018, THIBIDI đối mặt với nhiều khó khăn từ việc giảm mua sắm của ngành điện và sự đẩy mạnh cạnh tranh của các công ty trong cùng ngành. Mặc dù đối mặt với khó khăn trên, năm 2018, THIBIDI vẫn đạt doanh thu kinh doanh máy biến thế là 2.200 tỷ đồng, bằng 87,14% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 241 tỷ đồng, bằng 75% so với năm 2017.

Trong năm 2018, THIBIDI đã chế tạo và thử nghiệm ngắn mạch thành công MBA Amorphous 560kVA tại phòng thử nghiệm KEMA- Hà Lan, thiết kế và đưa vào sản xuất dây MBA xuất khẩu Campuchia, thiết kế và chế tạo thành công MBA xuất khẩu Úc, đầu tư đổi mới công nghệ quấn dây cao thế hệ mới tự động lên cách điện lớp (2 máy), thực hiện nhiều biện pháp để tiết kiệm vật tư giảm giá thành sản phẩm.

Cũng trong năm 2018, THIBIDI đã thực hiện mua cổ phần Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – CTCP và Công ty CP Chế tạo Thiết bị điện Đông Anh, mở rộng thêm sản phẩm máy biến áp truyền tải, góp phần hoàn thiện bộ sản phẩm thiết bị điện

Năm 2019, THIBIDI đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất 2.900 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 280,5 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM) và Công ty Cổ phần chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari



HEM và VIHEM là hai thương hiệu lâu năm trên thị trường động cơ điện khu vực phía Bắc. Ngành hàng động cơ điện của HEM và VIHEM chịu sự cạnh tranh gay gắt của hàng Trung Quốc. Mặc dù vậy, HEM và VIHEM đã nỗ lực để duy trì được phân khúc thị trường yêu cầu chất lượng cao, các khách

hàng OEM. Bên cạnh đó, cả HEM và VIHEM đều đẩy mạnh dịch vụ sửa chữa máy phát, động cơ điện cỡ lớn. HEM đã được các hãng lớn như SIEMENS, MITSUBISHI, TOSHIBA lựa chọn là nhà cung cấp dịch vụ sửa chữa ủy quyền duy nhất ở Việt Nam.

Kết quả kinh doanh năm 2018 của HEM như sau:

HEM	2017 tỷ VNĐ	2018 tỷ VNĐ	Tăng trưởng %
Doanh thu	542	543	0%
Lợi nhuận sau thuế	80	94	17,5%

Kết quả kinh doanh năm 2018 của VIHEM như sau

VIHEM	2017 tỷ VNĐ	2018 tỷ VNĐ	Tăng trưởng %
Doanh thu	135	191	41%
Lợi nhuận sau thuế	22	22	0%

Trong năm 2018, nhằm cơ cấu lại các doanh nghiệp có cùng ngành hàng, HEM đã thực hiện chuyển mảng sản xuất máy biến thế của HEM sang THIBIDI, đơn vị chuyên ngành máy biến thế của GELEX. Đồng thời trong năm 2018 GELEX đã thực hiện sáp nhập VIHEM vào HEM để hình thành một đơn vị duy nhất trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp dịch vụ sửa chữa động cơ trục quay.

Năm 2019, sau khi hợp nhất, HEM đặt kế hoạch kinh doanh tổng doanh thu hợp nhất là 650 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 100 tỷ đồng.



Công ty TNHH Thiết bị đo điện EMIC

Năm 2018 là năm có nhiều khó khăn với GELEX Emic khi yêu cầu của EVN đối với sản phẩm công tơ điện tử đã thay đổi lớn về tiêu chuẩn kỹ thuật, hình thức đấu thầu và đặc biệt chính sách giảm giá cả mua sắm. Áp lực cạnh tranh trên thị trường thiết bị đo điện ngày càng gia tăng, đặc biệt đối với sản phẩm máy biến dòng, máy biến áp điện. Tuy vậy, với sự nỗ lực trong sản xuất kinh doanh, GELEX Emic vẫn giữ vững được thị phần, kết thúc năm 2018, doanh thu thuần của EMIC là 672 tỷ đồng, bằng 79% năm 2017, lợi nhuận sau thuế đạt 45 tỷ đồng, bằng 33% năm 2017.

Tuy nhiên, có lưu ý là EMIC được tách ra từ GELEX Electric từ ngày 01/10/2018 với vốn góp của Chủ sở hữu là 150 tỷ đồng, chỉ bằng 40,7% vốn góp trước đây. Kết quả kinh doanh của EMIC 2018 thể hiện trong bảng dưới đây là số liệu tổng hợp 9 tháng 2018 đối với lĩnh vực kinh doanh thiết bị đo điện của GELEX Electric và 3 tháng cuối năm 2018 của EMIC

EMIC	2017 tỷ VNĐ	2018 tỷ VNĐ	Tăng trưởng %
Doanh thu	855	672	-21%
Lợi nhuận sau thuế	137	46	-66%



Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – CTCP (EEMC)

GELEX sở hữu EEMC thông qua Công ty Cổ phần Thiết bị điện – THIBIDI (sở hữu 24,95%). EEMC là đơn vị sản xuất máy biến áp truyền tải (điện áp 110KV, 220KV và 500KV) hàng đầu Việt Nam, đồng thời là đơn vị Việt Nam duy nhất sản xuất được máy biến áp 220KV - 500 KV. Năm 2018, mặc dù đầu tư của ngành điện giảm nhưng EEMC tiếp tục ký được nhiều hợp đồng có giá trị lớn, hiệu quả cao, như chế tạo mới và sửa chữa các MBA truyền tải 110-220kV, các gói thầu MBA phân phối, một số dự án cung cấp VTTB trạm.

Kết quả kinh doanh năm 2018 như sau:

EEMC	2017 tỷ VNĐ	2018 tỷ VNĐ	Tăng trưởng %
Doanh thu	2.509	2.458	-2%
Lợi nhuận sau thuế	105	102	-3%

CÔNG TY TNHH MTV NĂNG LƯỢNG GELEX – GELEX ENERGY

Kết quả kinh doanh của GELEX Energy năm 2018 đã được nêu ở phần về Nhóm Hạ tầng ở trên. GELEX Energy hiện là đơn vị quản lý phần vốn góp của GELEX tại Công ty Cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà, Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ, các công ty còn lại đều đang ở giai đoạn thực hiện dự án, chưa có doanh thu lợi nhuận. Kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà, Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà (SDW)

Năm 2018, Tổng sản lượng nước sạch thương phẩm đạt 91,04 m³, giá trị doanh thu đạt 468 tỷ đồng đạt 101% Kế hoạch năm 2018, tăng 13% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế đạt 218 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2017.

Kết quả kinh doanh của SDW năm 2018 như sau:

NƯỚC SÔNG ĐÀ	2017	2018	Tăng
	tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	trưởng %
Doanh thu	413	468	13%
Lợi nhuận sau thuế thuộc công ty mẹ	169	218	29%

Trong năm 2018, SDW đã thực hiện đầu tư hạng mục bể chứa và trạm bơm tăng áp tại khu vực Tây Mỗ, giúp nâng công suất của Nhà máy hiện tại thêm khoảng 80.000 m³/ngày đêm. Mặc dù Hạng mục Trạm tăng áp và 6,4 km tuyến ống chưa đi vào hoạt động như dự kiến nhưng nhờ sự gia tăng sản lượng tiêu thụ của các khách hàng dọc Đại lộ Thăng Long, cũng như Viwasupco đã phối hợp với các khách hàng lớn để đầu tư và vận hành các trạm bơm tăng áp cục bộ trên các tuyến ống truyền tải cấp II của các khách hàng lớn như Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông nên sản lượng và doanh thu đều vượt kế hoạch. SDW cũng đang xúc tiến thực hiện các công việc để triển khai đầu tư Nhà máy giai đoạn 2, nâng tổng công suất lên 600.000 m³/ngày đêm.

Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (PTM)

Kết quả kinh doanh năm 2018 của CTCP Phú Thạnh Mỹ như sau:

PHÚ THẠNH MỸ	2017	2018	Tăng
	tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	trưởng %
Doanh thu	262	189	-28%
Lợi nhuận sau thuế thuộc công ty mẹ	87	-2.6	-103%

Dự án thủy điện Sông Bung 4 A doanh thu phát điện đạt 144,96 tỷ đồng/249,2 tỷ đồng kế hoạch. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch doanh thu do năm 2018 ảnh hưởng bởi hiện tượng El Niño dẫn đến lượng mưa trên địa bàn thấp, làm giảm sản lượng phát điện. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ cũng bù đắp doanh thu một số lĩnh vực khác như kinh doanh cáp điện CADIVI đảm bảo hoàn thành 75% kế hoạch doanh thu.

Năm 2019, do vẫn còn ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết, Phú Thạnh Mỹ đặt kế hoạch doanh thu 237 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 19 tỷ đồng.

CÔNG TY TNHH MTV GELEX LOGISTICS

GELEX Logistics được thành lập vào ngày 27/9/2018, do GELEX sở hữu 100% vốn, hiện GELEX Logistics đang sở hữu 54,8% Sotrans Holding. Sotrans Holding sở hữu 100% Sotrans Logistics, gián tiếp sở hữu 84,39% Sowatco và 84% Vietranstimex. Tình hình hoạt động của các công ty này như sau:

Công ty Cổ phần kho vận miền Nam - Sotrans

Năm 2018, Sotrans thực hiện 02 chức năng, vừa kinh doanh Logistics, vừa quản lý phần vốn góp tại các công ty con. Kết quả kinh doanh riêng của Sotrans như sau:

SOTRANS	2017	2018	Tăng
	tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	trưởng %
Doanh thu	890	998	12%
Lợi nhuận sau thuế	287	182	-37%

Năm 2018 doanh thu tăng 12.1% so với 2017 do doanh thu mảng Cước vận tải quốc tế tăng mạnh so với năm 2017, giá bán lẻ xăng dầu tăng dẫn đến doanh thu mảng kinh doanh xăng dầu tăng. Các mảng kinh doanh hiện hữu của Công ty được duy trì ổn định và hiệu quả.

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 của Sotrans có sự đóng góp của nguồn thu nhập từ hoạt động tài chính cao bất thường trong năm 2017 xuất phát từ việc bán phần vốn góp của Sowatco tại liên doanh Kapple Land.

Tổng Công ty Cổ phần đường sông miền Nam - Sowatco

Kết quả kinh doanh năm 2018 của Sowatco như sau:

SOWATCO	2017	2018	Tăng
	tỷ VNĐ	tỷ VNĐ	trưởng %
Doanh thu	182	250	37%
Lợi nhuận sau thuế thuộc công ty mẹ	504	105	-79%

Doanh thu năm 2018 của Sowatco tăng mạnh do công ty phát triển thêm lĩnh vực kinh doanh vận tải và đẩy mạnh hoạt động khai thác cảng. Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm 2018 của Công ty giảm so với số liệu cùng kỳ năm 2017 do nguyên nhân năm 2017 ghi nhận khoản lãi từ chuyển nhượng đầu tư công ty tài chính dài hạn khác trong quý 1/2017.

Công ty Cổ phần vận tải đa phương thức Vietranstimex

Trong năm 2018, Vietranstimex đã thực hiện vận chuyển cho nhiều dự án lớn như các nhà máy nhiệt điện Long Hậu 1, Sông Hậu 1, các dự án điện gió tại Tây Nguyên, các dự án điện mặt trời như Hàm Phú, Bim 1, 3 ... Doanh thu năm 2018 tăng 23% so với năm 2017. Tuy nhiên, năm 2018, mức độ cạnh tranh trong ngành vận tải rất gay gắt. Cùng với đó, các cơ quan quản lý nhà nước tăng cường việc siết chặt quản lý trong lĩnh vực giao thông vận tải nhưng tình trạng lách luật vẫn diễn ra một cách khó kiểm soát, gây khó khăn cho các doanh nghiệp

thực hiện nghiêm túc. Điều này làm cho chi phí sản xuất tăng lên, biên lợi nhuận giảm xuống. Kết quả kinh doanh năm 2018 của Vietranstimex như sau:

VIETRANSTIMEX	2017 tỷ VNĐ	2018 tỷ VNĐ	Tăng trưởng %
Doanh thu	280	343	23%
Lợi nhuận sau thuế thuộc công ty mẹ	17	6	-65%

CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN GELEX – GELEX LAND

Trong năm 2017, GELEX đã thành lập GELEX LAND, do GELEX sở hữu 100% vốn để phát triển các dự án bất động sản với trọng tâm là khách sạn, văn phòng, bán lẻ và bất động sản công nghiệp.

Trong năm 2018, hoạt động của GELEX LAND tập trung vào:

- Tư vấn nâng cấp Tòa nhà GELEX Tower 52 Lê Đại Hành, khách sạn Melia, và tòa nhà văn phòng HCO, sắp xếp lại khách thuê, tăng doanh thu trên mỗi m2, tối ưu mặt bằng cho thuê
- Hoàn thành nghiên cứu tiền khả thi và chiến lược phát triển dự án đối với dự án Trần Nguyễn Hãn, đang thực hiện lựa chọn concept thiết kế và thực hiện các thủ tục pháp lý để khởi công dự án dự kiến vào quý 4/2019
- Hoàn tất thiết kế cơ sở để khởi công CADIVI Tower, rà soát đánh giá và đưa ra phương án kinh tế cho 07 khu đất của CADIVI
- Tòa nhà Sowatco: Đưa ra định hướng phát triển và phương án hoàn thiện thủ tục pháp lý, hoàn thiện kế hoạch tổng thể và đưa ra yêu cầu thiết kế.

Năm 2019 GELEX LAND đặt trọng tâm tư vấn tối ưu hóa giá trị các tài sản Bất Động Sản của Tập đoàn và tư vấn phát triển các dự án nhằm tạo ra các tài sản Bất Động Sản giá trị cho Tập đoàn. Các dự án bất động sản trọng điểm năm 2019 GELEX Land tư vấn phát triển gồm:

- Tòa nhà văn phòng CADIVI: Khởi công xây dựng tòa nhà Văn Phòng CADIVI vào Quý II-2019.
- Dự án số 10 Trần Nguyễn Hãn: Hoàn tất việc thương thảo với 02 thương hiệu quản lý khách sạn hàng đầu thế giới để vận hành cho 02 khách sạn mới của tập đoàn tại Hà Nội. Khởi công xây dựng 02 khách sạn vào Quý IV-2019.
- Tòa nhà văn phòng Sowatco: Khởi công xây dựng tòa nhà văn phòng Sowatco vào Quý IV-2019.

Do các dự án đều ở trong giai đoạn chuẩn bị triển khai nên doanh thu và lợi nhuận năm 2018 của GELEX Land chưa phát sinh đáng kể.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Trong năm 2018, GELEX đã trực tiếp hoặc thông qua các công ty sub-holding đầu mối, công ty con trong hệ thống thực hiện các hoạt động đầu tư, mua cổ phần chính sau:

- Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam (CADIVI) từ 79,76% lên 91,64%
- Thành lập Công ty TNHH Thiết bị đo điện Emic với vốn điều lệ 150 tỷ đồng.
- Mua 24,95% cổ phần Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – CTCP (EEMC)
- Mua 51% cổ phần Công ty Cổ phần chế tạo thiết bị điện Đông Anh (MEE)

- Thực hiện thoái toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam
- Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ từ 67,93% lên 71,28%
- Mua chi phối và nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà lên 60,46%
- Thành lập Công ty cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị với vốn điều lệ 30 tỷ đồng.
- Mua 84,62% phần vốn góp tại Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Hiện nay, GELEX ENERGY – đơn vị thành viên của GELEX đang thực hiện các dự án sau:

Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn 2

- Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn 2, nâng công suất cung cấp nước sạch của Nhà máy nước sạch Sông Đà, trực thuộc Công ty CP Đầu tư nước sạch Sông Đà lên 600.000 m3 nước/ngày đêm. Dự án gồm 2 phần kỳ
- Phần kỳ 1: Đầu tư hạng mục Bể chứa, Trạm bơm tăng áp và tuyến ống 6,4km tại khu vực Tây Mỗ - Hà Nội, tăng công suất hiện tại thêm 80.000 m3/ngày đêm
- Phần kỳ 2: Đầu tư toàn bộ Nhà máy, tuyến ống giai đoạn 2, nâng công suất toàn Nhà máy nước Sông Đà lên 600.000 m3 nước/ngày đêm

- Hiện nay đang thực hiện Phần kỳ 1 của Dự án, kết quả thực hiện trong năm 2018 như sau:
- Tuyến ống: Hoàn thành công tác lắp đặt đường ống gang và thép.
- Công tác thử áp, đấu nối và súc xả, khử trùng đang thực hiện và dự kiến hoàn thành vào 31/01/2019.
- Hạng mục trạm bơm: Cơ bản hoàn thành.
- Hạng mục bể chứa: Hoàn thành công tác xây dựng và chống thấm, hoàn thiện công tác thử áp, thí nghiệm, vệ sinh, hoàn thiện.
- Hạng mục trạm biến áp: Đã hoàn thành.
- Hạng mục nhà Clo: đang hoàn thiện công tác thiết bị điện và mục sân đường nội bộ, cổng hàng rào, cảnh quan.

Dự án Nhà máy điện mặt trời GELEX Ninh Thuận

Dự án Nhà máy điện mặt trời Ninh Thuận có công suất 49MW đặt tại huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Tiến độ thực hiện dự án trong năm 2018 như sau:

Công tác thi công xây lắp (C) đảm bảo tiến độ theo yêu cầu tại hợp đồng EPC với các tiến độ chính như sau:

- Thực hiện được 52% khối lượng công tác thi công móng, giá đỡ tấm pin, tiếp địa dây DC.
- Thực hiện được 16% khối lượng xây dựng trạm Inverter.
- Thực hiện được 5% khối lượng cáp AC, cáp thông tin.
- Thực hiện được 53% khối lượng xây dựng Trạm biến áp, đường dây 110Kv.
- Thực hiện được 52% khối lượng Nhà điều khiển, trạm khí tượng.
- Mục tiêu hoàn thành và phát điện trong tháng 6/2019

Các dự án đang xúc tiến đầu tư

Ngoài ra GELEX ENERGY cũng đang xúc tiến đầu tư các dự án điện khác gồm :

- Dự án điện gió GELEX 1,2,3 tại Quảng Trị, tổng công suất 90MW
- Dự án điện gió Hướng Phùng 2, tổng công suất 20 MW
- Dự án điện gió Hướng Phùng 3, tổng công suất 30MW
- Dự án điện mặt trời Bình Phước, tổng công suất 416MWp

Dự án thủy điện Canan 1,2

Dự án thủy điện Canan 2 được đầu tư bởi Công ty CP SCI Nghệ An trong đó GELEX Energy giữ 49% vốn. Dự án gồm 02 nhà máy trong đó Cannan 1 công suất 7MW và Canan 2 công suất 16MW. Tình hình thực hiện dự án năm 2018 như sau:

Hoàn thành và hòa lưới điện dự án thủy điện Canan 2

Dự án thủy điện Canan 1

- Hoàn thành thi công cụm đầu mối.
- Hoàn thành hệ thống cống hợp chính.
- Hoàn thành thi công nhà van và tháp điều áp.
- Hoàn thành đường ống áp lực.
- Hoàn thành công tác xây dựng nhà máy thủy điện, kênh xả, trạm OPY.
- Thực hiện cung cấp thiết bị khoảng 50% khối lượng thiết bị về đến công trường (chưa có máy phát điện và các thiết bị điện của nhà máy).
- Dự án dự kiến phát điện vào đầu quý 2/2019



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU	2017	2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,56	1,19
Hệ số thanh toán nhanh	1,17	0,88
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	0,55	0,54
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,24	1,17
3. Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		5,80
4. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,08	0,09
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	0,19	0,18
Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,08	0,08
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,09	0,11



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (CP) có biểu quyết
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Sở hữu cá nhân: 0%
2	Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Giám đốc điều hành (*)	Sở hữu cá nhân: 0,016%
3	Ông Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng	Sở hữu cá nhân: 0,004%

(*) Bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2019

Người lao động: Tổng số người lao động trong hệ thống GELEX tại thời điểm 31/12/2018 là 4.152 người; số lao động tăng trong năm là 342 người do nhu cầu phát triển các sản phẩm mới của lĩnh vực Thiết bị Điện, tăng cường đầu tư phát triển các dự án về năng lượng tái tạo và đẩy mạnh năng lực vận chuyển của lĩnh vực logistics.

Tất cả lao động đều được ký kết hợp đồng lao động, GELEX đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm ngày 31/12/2018, thông tin Cổ phần của GELEX như sau:

Vốn điều lệ:	4.065.600.000.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết:	406.560.000 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu lưu hành:	406.560.000 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu
Mệnh giá 1 cổ phiếu:	10.000 đồng

I CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO NHÓM CỔ ĐÔNG	4/5/2017			17/8/2018			4/1/2019		
	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	%
I. Cổ đông lớn	1	53.775.200	23,18%	3	136.510.297	33,58%	1	77.851.236	19,15%
II Cổ đông khác									
Trong nước	1.265	161.919.350	69,79%	2.555	224.974.101	55,34%	3.793	265.962.264	65,42%
Cá nhân trong nước	1229	104.579.083	45,08%	2.507	134.493.523	33,08%	3.730	140.706.097	34,61%
Tổ chức trong nước	36	57.340.267	24,72%	48	90.480.578	22,26%	63	125.256.167	30,81%
Nước ngoài	18	15.805.450	6,81%	89	45.075.602	11,09%	120	62.746.500	15,43%
Cá nhân nước ngoài	5	55.000	0,02%	45	151.992	0,04%	70	191.832	0,05%
Tổ chức nước ngoài	13	15.750.450	6,79%	44	44.923.610	11,05%	50	62.554.668	15,39%
Cổ phiếu quỹ	1	500.000	0,22%	0	0	0,00%	0	0	0,00%
Tổng cộng	1.285	232.000.000	100,00%	2.647	406.560.000	100,00%	3.914	406.560.000	100,00%

I QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

CÁC ĐỢT TĂNG VỐN	PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH	ĐỐI TƯỢNG	VỐN HUY ĐỘNG TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH		
			VĐL TRƯỚC PHÁT HÀNH Tỷ VNĐ	ĐỘNG TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH Tỷ VNĐ	VĐL SAU PHÁT HÀNH Tỷ VNĐ
Khi cổ phần hóa					1.400
Tháng 8/2015	Phát hành riêng lẻ cho Công ty CP Chứng khoán Bản Việt	Công ty CP Chứng khoán Bản Việt	1.400	150	1.550
Tháng 1/2017	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Cổ đông hiện hữu	1.550	770	2.320
Tháng 7/2017	Phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	Cổ đông hiện hữu	2.320	348	2.668
Tháng 7/2018	Phát hành tăng vốn để chuyển đổi chứng quyền	Người sở hữu chứng quyền	2.668	720	3.388
Tháng 8/2018	Phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	Cổ đông hiện hữu	3.388	677,6	4.065,5



05

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của GELEX 70

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc 72

Các kế hoạch định hướng của HĐQT năm 2019 72

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA GELEX

Năm 2018 là năm tiếp tục đà tăng trưởng của nền kinh tế trong nước nên có một số tác động tích cực đến một số ngành hàng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của GELEX như thiết bị điện, dây cáp điện dân dụng, Logistics. Tuy nhiên do chính sách thắt chặt đầu tư công của Nhà nước cụ thể là giảm đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nên cũng có ảnh hưởng đến một số ngành hàng cung cấp chủ yếu cho EVN như máy biến áp, thiết bị đo đếm điện.

Theo kế hoạch tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, doanh thu hợp nhất Tổng công ty là 13.699 tỷ đồng đạt 91,1% kế hoạch, tăng tương 13,3% so với năm 2017. Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế là 1.534 tỷ đồng, đạt 84,3% so với kế hoạch, tăng tương 34% so với thực hiện năm 2017.



LĨNH VỰC SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THIẾT BỊ ĐIỆN

Mặc dù chi tiêu của ngành điện có giảm năm 2018 và mức độ cạnh tranh của thị trường ngày càng tăng tuy nhiên hoạt động sản xuất kinh doanh nhóm ngành Sản xuất công nghiệp - Thiết bị điện tăng tương 8.7% về doanh thu thuần (11.312 tỷ đồng năm 2018 so với 10.419 tỷ đồng năm 2017), lợi nhuận gộp đạt 1.559 tỷ đồng, tương đương năm 2017 trong đó mảng dây và cáp điện của CADIVI có sự tăng trưởng mạnh mẽ.

LĨNH VỰC HẠ TẦNG TIỆN ÍCH (ĐIỆN VÀ NƯỚC)

Năm 2018, tổng sản lượng nước sạch thương phẩm đạt 91,04 triệu m³, giá trị doanh thu đạt 468 tỷ đồng đạt 101% kế hoạch năm 2018, tăng 13% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế đạt 218 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2017. Đối với lĩnh vực sản xuất điện, doanh thu phát điện năm 2018 của Sông Bung 4 A đạt 152,7 tỷ đồng, tương đương 61,27% kế hoạch. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch do năm 2018 ảnh hưởng bởi hiện tượng El Niño dẫn đến lượng mưa trên địa bàn thấp làm giảm sản lượng phát điện. Các dự án nguồn phát điện khác triển khai đúng tiến độ đặt ra.



LĨNH VỰC LOGISTICS

Trong năm qua Tập đoàn đã thực hiện tái cấu trúc lĩnh vực logistics với việc thành lập GELEX Logistics, đơn vị 100% thuộc sở hữu của GELEX là đơn vị đầu mối đầu tư vào lĩnh vực logistics của GELEX, đồng thời thực hiện tách bạch chức năng quản lý vốn và chức năng kinh doanh logistics trực tiếp tại Sotrans, đưa hoạt động kinh doanh trực tiếp về các đơn vị cụ thể. Kết quả kinh doanh năm 2018 của khối Logistics: Tổng Doanh thu tăng tương 21% so với năm 2017 và vượt 6,3% so với kế hoạch đề ra trong năm 2018. Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm 2018 của Công ty giảm so với số liệu cùng kỳ năm 2017 do nguyên nhân năm 2017 ghi nhận khoản lãi từ chuyển nhượng đầu tư công ty con: Tổng công ty Đường sông Miền Nam (SWC) thanh lý 1 khoản đầu tư trong liên doanh Kapple – Land vào quý 1/2017.

LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

Trong năm 2018, GELEX đã thực hiện nâng cấp các bất động sản hiện đang khai thác nhằm tối ưu mặt bằng cho thuê, tăng doanh thu trên mỗi m². Đồng thời với đó, các dự án dự án khai thác quỹ đất của Tập đoàn dự kiến triển khai khác cũng đang được xúc tiến toàn diện để triển khai theo đúng tiến độ.

CÁC TRIỂN KHAI KHÁC

Trong năm 2018, GELEX tiếp tục thực hiện kiện toàn mô hình kinh doanh theo nội dung tái cấu trúc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tập đoàn đã thành lập 04 Sub-holdings chủ lực trong các nhóm lĩnh vực kinh doanh chính: Công nghiệp, Hạ tầng tiện ích (điện nước), Logistics và Bất động sản làm cơ sở phát triển hoạt động kinh doanh trong 4 nhóm ngành chủ lực. Cùng với đó, GELEX tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức tại Công ty mẹ theo mô hình của một công ty chuyên nghiệp, hiệu quả.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trải qua một năm kinh doanh nhiều thách thức, HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018. Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT, mang lại kết quả kinh doanh cụ thể như nêu trên.

Hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và Ban điều hành tuân thủ đúng quy định về quyền và chức năng, nhiệm vụ của mình, tuân thủ theo đúng các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT. Công tác quản trị điều hành theo những thông lệ quản trị tốt nhất nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động. Công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để đạt được mục tiêu Doanh thu và Lợi nhuận, Hội đồng quản trị định hướng một số giải pháp chung như sau:

- Thực hiện đúng vai trò Holding, là đầu mối tập trung sức mạnh trong quản trị cũng như hỗ trợ toàn diện các đơn vị trong hệ thống như hỗ trợ về tài chính, pháp lý, quản lý dự án, IT..... tạo điều kiện tốt nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị.
- Đẩy mạnh lợi thế trong việc Tái cấu trúc ngành hàng thiết bị điện, Logistics nhằm tạo sức mạnh tổng hợp từ các đơn vị trong các ngành hàng này, khẳng định thương hiệu của GELEX.
- Tiếp tục tìm kiếm, đầu tư vào các ngành hàng tiềm năng như hạ tầng, năng lượng tái tạo bao gồm điện mặt trời, điện gió. Đẩy mạnh đầu tư sản xuất và cung cấp nước sạch cho sản xuất và tiêu dùng, là lĩnh vực có nhu cầu tiêu thụ ngày càng cao trong quá trình phát triển kinh tế của đất nước.
- Kiểm soát chặt chẽ đi liền với hỗ trợ tích cực các hoạt động của đơn vị thành viên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư vốn của GELEX tại các đơn vị.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý; chủ động nâng cao năng lực quản trị.
- Xây dựng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn cho từng ngành hàng trong toàn GELEX.
- Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.





06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	76
Ban Kiểm soát	81
Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD, BKS	84

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016- 2020 bao gồm 6 thành viên và có sự thay đổi trong năm 2018 với sự tham gia của bà Đỗ Thị Phương Lan từ ngày 27/04/2018.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (CP) có biểu quyết
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Sở hữu cá nhân: 0%
2	Ông Nguyễn Hoa Cương	Thành viên	Sở hữu cá nhân: 0%
3	Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Thành viên	Sở hữu cá nhân: 0,016% (64.170 CP)
4	Ông Võ Anh Linh	Thành viên	Sở hữu cá nhân: 0%
5	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	Sở hữu cá nhân: 0%
6	Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	Sở hữu cá nhân: 0%

(*) Số lượng cổ phiếu sở hữu được tính đến thời điểm 31/12/2018

I CÁC TIỂU BAN

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty không lập các Tiểu ban trực thuộc

I HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý nhằm đánh giá tình hình hoạt động của Tổng Công ty và thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức và các vấn đề quan trọng khác. Các cuộc họp HĐQT bất thường được tổ chức trong các trường hợp cần thiết.

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức bốn (04) cuộc họp HĐQT, ban hành 40 Nghị quyết, 27 Quyết định theo đúng thẩm quyền được qui định tại Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty. Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

đều được thông qua với sự nhất trí 100% của các thành viên dự họp và được ban hành một cách hợp lệ, đúng với thẩm quyền. HĐQT thường xuyên giám sát Ban điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên HĐQT đã tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT và biểu quyết, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	10/10	100%
2	Ông Nguyễn Hoa Cương	Thành viên	10/10	100%
3	Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Thành viên	10/10	100%
4	Ông Võ Anh Linh	Thành viên	10/10	100%
5	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	10/10	100%
6	Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	07/07	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2018

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2018/GELEX/NQ-HĐQT	03/01/2018	Phê duyệt một số báo cáo và tờ trình
2	01/2018/GELEX/QĐ-HĐQT	03/01/2018	Về việc thay đổi chức danh Chủ tịch HĐQT
3	02/2018/GELEX/QĐ-HĐQT	03/01/2018	Thông qua chủ trương cơ cấu các khoản đầu tư ra bên ngoài
4	03/2018/GELEX/QĐ-HĐQT	03/01/2018	Về việc công tác mua bán tập trung vật tư nguyên liệu chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
5	04/2018/GELEX/QĐ-HĐQT	03/01/2018	Về việc phê duyệt Sửa đổi sơ đồ tổ chức GELEX
6	05/2018/GELEX/QĐ-HĐQT	04/01/2018	Về việc phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT
7	06/2018/GELEX/QĐ-HĐQT	04/01/2018	Về việc quy định mức lương cho thành viên HĐQT chuyên trách
8	02/2018/GELEX/NQ-HĐQT	08/01/2018	Về việc điều chỉnh giá tham chiếu cổ phiếu GEX tại Sở giao dịch chứng khoán TPHCM trong ngày giao dịch đầu tiên
9	03/2018/GELEX/NQ-HĐQT	08/01/2018	Về việc điều chỉnh giá tham chiếu cổ phiếu GEX tại Sở giao dịch chứng khoán TPHCM trong ngày giao dịch đầu tiên
10	04/2018/GELEX/NQ-HĐQT	08/03/2018	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
11	05.1/2018/GELEX/NQ-HDQT	08/03/2018	Phê duyệt một số tờ trình
12	07/2018/GELEX/QĐ-HDQT	08/03/2018	Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
13	08/2018/GELEX/QĐ-HDQT	08/03/2018	Về việc phương án bán cổ phần tại Công ty cổ phần K.I.P Việt Nam
14	09/2018/GELEX/QĐ-HDQT	08/03/2018	Về phương án trả cổ tức năm 2017 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
15	10/2018/GELEX/QĐ-HDQT	08/03/2018	Về việc Phát hành Trái phiếu doanh nghiệp năm 2018
16	11/2018/TBĐVN/QĐ-HDQT	08/03/2018	Về việc bổ nhiệm Giám đốc điều hành Tổng công ty CP Thiết bị điện VN
17	05/2018/GELEX/NQ-HDQT	16/03/2018	Phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên GELEX năm 2018
18	12/2018/GELEX/QĐ-HDQT	30/03/2018	Chấp thuận giao dịch của Công ty TNHH MTV trực thuộc GELEX
19	06/2018/GELEX/NQ-HDQT	11/04/2018	Phê duyệt một số báo cáo và tờ trình
20	07/2018/GELEX/NQ-HDQT	20/04/2018	Phê duyệt một số báo cáo và tờ trình
21	09/2018/GELEX/NQ-HDQT	14/05/2018	Thông qua phương án thực hiện chứng quyền phát hành theo NQ của ĐHĐCĐ bất thường năm 2016
22	10/2018/GELEX/NQ-HDQT	23/05/2018	Triển khai phương án tái cấu trúc theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
23	10-1/2018/GELEX/NQ-HDQT	23/05/2018	Vay vốn lưu động tại ngân hàng của công ty thành viên
24	11/2018/GELEX/NQ-HDQT	31/05/2018	Phê duyệt một số tờ trình
25	12/2018/GELEX/NQ-HDQT	13/06/2018	Về việc thế chấp/cầm cố các cổ phần CAV, THI và HEM cho các Trái chủ
26	13/2018/GELEX/NQ-HDQT	21/06/2018	Về việc Tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX
27	13-1/2018/GELEX/NQ-HDQT	28/06/2018	Vay vốn lưu động tại ngân hàng của công ty thành viên
28	14/2018/GELEX/NQ-HDQT	28/06/2018	Về việc Kết quả phát hành cổ phiếu để thực hiện chứng quyền lần 1
29	14.1/2018/GELEX/NQ-HDQT	29/06/2018	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018
30	15/2018/GELEX/NQ-HDQT	09/07/2018	Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
31	16/2018/GELEX/NQ-HDQT	17/07/2018	Về việc sửa đổi tài liệu phát hành trái phiếu kèm chứng quyền đợt 1/2016

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
32	17/2018/GELEX/NQ-HDQT	17/07/2018	Về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
33	18/2018/GELEX/NQ-HDQT	20/07/2018	Về việc cử đại diện quản lý phần vốn góp của GELEX ELECTRIC tại các công ty thành viên
34	19/2018/GELEX/NQ-HDQT	24/07/2018	Về việc cho Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX vay vốn
35	20/2018/GELEX/NQ-HDQT	30/07/2018	Vay vốn lưu động tại ngân hàng của GELEX ELECTRIC
36	21/2018/GELEX/NQ-HDQT	07/08/2018	Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền và ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn CSH và trả cổ tức năm 2017 bằng tiền
37	22/2018/GELEX/NQ-HDQT	17/08/2018	Phê duyệt phương án mua cổ phần để tăng sở hữu doanh nghiệp cùng ngành
38	23/2018/GELEX/NQ-HDQT	22/08/2018	Thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị trong đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ NVCSH
39	24/2018/GELEX/NQ-HDQT	23/08/2018	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
40	25/2018/GELEX/NQ-HDQT	30/08/2018	Phê duyệt một số báo cáo và tờ trình
41	16/2018/GELEX/QĐ-HDQT	31/08/2018	Về việc Thay đổi người đại diện theo ủy quyền của GELEX tại GELEX ELECTRIC
42	17/2018/GELEX/QĐ-HDQT	31/08/2018	Về việc thay đổi thành viên HĐQT Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX
43	18/2018/GELEX/QĐ-HDQT	31/08/2018	Về việc bổ nhiệm thành viên HĐQT Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX
44	19/2018/GELEX/QĐ-HDQT	31/08/2018	Về việc bổ nhiệm chức danh Phó chủ tịch HĐQT Tổng công ty
45	20/2018/GELEX/QĐ-HDQT	31/08/2018	Về việc bổ nhiệm chức danh Phó chủ tịch HĐQT Tổng công ty
46	21/2018/GELEX/QĐ-HDQT	31/08/2018	Về việc chỉ định Thư ký HĐQT
47	22/2018/GELEX/QĐ-HDQT	31/08/2018	Về việc thông qua chủ trương thành lập Công ty TNHH Thiết bị đo điện do Công ty TNHH thiết bị điện GELEX làm chủ sở hữu
48	23/2018/GELEX/QĐ-HDQT	31/08/2018	Về việc thông qua chủ trương thành lập Công ty TNHH MTV GELEX Logistics và ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định việc thành lập và các vấn đề có liên quan
49	24/2018/GELEX/QĐ-HDQT	31/08/2018	Về việc phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT chuyên trách

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
50	26/2018/GELEX/NQ-HĐQT	12/09/2018	Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
51	24-1/2018/GELEX/QĐ-HĐQT	26/09/2018	Về việc bổ nhiệm kiểm soát viên Công ty TNHH thiết bị điện GELEX
52	27/2018/GELEX/NQ-HĐQT	24/09/2018	Phê duyệt văn bản xin ý kiến của người đại diện tại HEM về một số chủ trương tại HEM và VIHEM
53	26-1/2018/GELEX/NQ-HĐQT	26/09/2018	Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và bổ sung Kiểm soát viên của GELEX ELECTRIC
54	28/2018/GELEX/NQ-HĐQT	25/10/2018	Phê duyệt các giao dịch phát sinh với công ty có liên quan năm 2018
55	28-1/2018/GELEX/NQ-HĐQT	26/10/2018	Về việc GELEX Land thực hiện đầu tư vào Dự án
56	29/2018/GELEX/NQ-HĐQT	16/11/2018	Về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm nhân sự vị trí Chủ tịch kiêm TGD và là người đại diện theo pháp luật của GELEX Logistics
57	25/2018/GELEX/QĐ-HĐQT	16/11/2018	Về việc bổ nhiệm nhân sự vị trí Chủ tịch kiêm TGD và là người đại diện theo pháp luật của GELEX Logistics
58	30/2018/GELEX/NQ-HĐQT	20/12/2018	Về việc thông qua giao dịch mua sắm vật tư và dịch vụ logistics với người có liên quan năm 2019
59	31/2018/GELEX/NQ-HĐQT	20/12/2018	Thông qua việc GELEX bảo lãnh cho công ty thành viên
60	32/2018/GELEX/NQ-HĐQT	20/12/2018	Thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX
61	33/2018/GELEX/NQ-HĐQT	20/12/2018	Thông qua việc thay đổi số lượng thành viên HĐQT của GELEX ELECTRIC và một số nội dung liên quan khác
62	26/2018/GELEX/QĐ-HĐQT	20/12/2018	Về việc bổ nhiệm thành viên HĐQT Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX
63	27/2018/GELEX/QĐ-HĐQT	20/12/2018	Về việc bổ nhiệm thành viên HĐQT Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX
64	28/2018/GELEX/QĐ-HĐQT	20/12/2018	Về việc bổ nhiệm thành viên HĐQT Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX
65	34/2018/GELEX/NQ-HĐQT	20/12/2018	Thông qua sơ đồ tổ chức của Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX
66	35/2018/GELEX/NQ-HĐQT	20/12/2018	Thông qua việc sửa đổi sơ đồ tổ chức của GELEX
67	36/2018/GELEX/NQ-HĐQT	20/12/2018	Về việc chi trả Thù lao Thành viên HĐQT, BKS, Thư ký Tổng công ty từ tháng 5/2018

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đương nhiệm hiện tại bao gồm ba (03) thành viên:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Bà Lê Thị Hồng Lĩnh	Trưởng BKS	Bắt đầu 27/04/2018	Sở hữu cá nhân: 0 CP
2	Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên BKS	Bắt đầu 25/4/2017	0,007% Sở hữu cá nhân: 27.600 CP
3	Bà Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên BKS	Bắt đầu 25/4/2017	Sở hữu cá nhân: 0 CP
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng BKS	Bắt đầu 15/9/2016 Miễn nhiệm 27/04/2018	Sở hữu cá nhân: 0 CP



TIỂU SỬ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

BÀ LÊ THỊ HỒNG LĨNH

Trưởng Ban Kiểm soát

Học vấn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm làm việc:

- 2010-2013: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP chứng khoán VN Direct, Kế toán trưởng Tập đoàn IPA
- 2014: Giám đốc tài chính – Công ty CP Chứng khoán IB
- 2015: Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán phố Wall
- 2016: Phó TGD phụ trách tài chính – Công ty CP Dịch vụ hàng không Thăng Long

BÀ PHẠM THỊ MINH CÚC

Thành viên Ban Kiểm soát

Học vấn: Cử nhân Kế toán doanh nghiệp

Kinh nghiệm làm việc:

- 04/2014 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 01/2017 – nay: Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX
- 02/2017 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ
- 09/2017 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX

BÀ PHẠM THỊ MỸ HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát

Học vấn: Thạc sỹ Kế toán Quốc tế (MIA)/Kế toán viên công chức Úc (CPA Australia)

Kinh nghiệm làm việc:

- 2003 - 2010: Giám đốc Tài chính - Khách sạn Melia Hà Nội
- 2009 - nay: Thư ký HĐQT Công ty TNHH SAS – CTAMAD
- 2011 - nay: Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Tài chính – Khách sạn Melia Hà Nội

BÀ NGUYỄN THỊ THANH YẾN

Thành viên Ban Kiểm soát

Học vấn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm làm việc:

- 8/2010 – 5/2015: Phó phòng Tài chính – Kế toán – CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 11/2010 – 03/2016: Trưởng Ban kiểm soát – Tổng Công ty cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam
- 09/2016 - 04/2018: Trưởng Ban kiểm soát – Tổng Công ty cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam
- 04/2014 - 09/2016: Ủy viên HĐQT – CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 06/2015 – nay: Kế toán trưởng – CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động năm 2018 của Ban kiểm soát bao gồm những nội dung chính sau đây:

Năm 2018, thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn, Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ hàng quý dưới các hình thức tập trung cũng như qua điện thoại, email để tiến hành kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của GELEX. Cụ thể:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý và điều hành Tập đoàn;
- Kiểm tra trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính hàng quý, Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2018;

Năm 2018, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị hay khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của Tập đoàn.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị phòng ban chức năng trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Ban. Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu về các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của GELEX đồng thời được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu khác liên quan đến hoạt động của Tập đoàn.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	73%	17%	10%	100%
2	Ông Nguyễn Hoa Cương	Thành viên	-	72%	28%	100%
3	Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	-	52%	48%	100%
4	Ông Võ Anh Linh	Thành viên	71%	15%	14%	100%
5	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	-	52%	48%	100%
6	Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	-	48%	52%	100%

Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Bà Lê Thị Hồng Lĩnh	Trưởng BKS	75%	1%	24%	100%
2	Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên BKS	-	33%	67%	100%
3	Bà Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên BKS	-	33%	67%	100%
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng BKS	-	38%	62%	100%

Tổng thù lao đã chi cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát GELEX trong năm 2018 là **1.222.000.000** đồng.



GAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH*, NGÀY CẤP, NƠI CẤP	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT... THÔNG QUA (NẾU CÓ, NÊU RÕ NGÀY BAN HÀNH)	SỐ LƯỢNG, TỶ LỆ NẮM GIỮ CỔ PHIẾU SAU KHI GIAO DỊCH	GHI CHÚ
1	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0300381564, cấp ngày 19/06/2017, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hồ Chí Minh	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	Năm 2018	08/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018 và 03/2018/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2018		CADIVI mua nguyên vật liệu của GELEX
2	Công ty Cổ phần thiết bị điện (THIBIDI)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	3600253826, ngày cấp 19/12/2016, nơi cấp Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai	KCN Biên Hòa 1, Đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Năm 2018	08/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018 và 03/2018/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2018		THIBIDI mua nguyên vật liệu của GELEX
3	Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX (GELEX ELECTRIC)	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT	0107547109, ngày cấp 01/09/2016, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Năm 2018	08/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018 và 03/2018/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2018		GELEX mua, bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và cho vay vốn GELEX ELECTRIC
4	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	0100100456, ngày cấp 01/06/2017, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Km12 Đường Cầu Diễn - Phường Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Năm 2018	08/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018 và 03/2018/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2018		GELEX bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ và cho vay vốn HEM
5	Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam Hungari (VIHEM)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Kế toán trưởng	0100101925, ngày cấp 21/07/2015, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tổ 24 thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Hà Nội	Năm 2018	08/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018 và 03/2018/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2018		GELEX bán nguyên vật liệu cho VIHEM
6	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT	0107652657, ngày cấp 15/05/2017, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tầng 17, Số 52 phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	Năm 2018	08/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018 và 03/2018/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2018		GELEX bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và cho vay vốn Năng lượng GELEX
7	Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (SOTRANS)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT	0300645369, ngày cấp 13/12/2016, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hồ Chí Minh	1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2018	08/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018 và 03/2018/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2018		SOTRANS cung cấp dịch vụ cho GELEX

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH*, NGÀY CẤP, NƠI CẤP	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT... THÔNG QUA (NẾU CÓ, NÊU RÕ NGÀY BAN HÀNH)	SỐ LƯỢNG, TỶ LỆ NẮM GIỮ CỔ PHIẾU SAU KHI GIAO DỊCH	GHI CHÚ
8	Công ty TNHH MTV GELEX Land	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	0107919237, ngày cấp 12/07/2017, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Năm 2018	08/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018 và 03/2018/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2018		GELEX LAND cung cấp dịch vụ cho GELEX, GELEX cung cấp hàng hóa và cho GELEX LAND vay vốn
9	Công ty TNHH Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con gián tiếp - Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	0108453005, ngày cấp 01/10/2018, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Năm 2018	08/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018 và 03/2018/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2018		GELEX bán nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ cho EMIC

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY NIÊM YẾT, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NIÊM YẾT NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT

Không có

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY

mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

STT	TÊN ĐƠN VỊ	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	NỘI DUNG GIAO DỊCH
1	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	GELEX bán nguyên vật liệu cho CADIVI
2	Công ty Cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	GELEX bán nguyên vật liệu cho THIBIDI
3	Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX (GELEX ELECTRIC)	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT	GELEX mua, bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và cho vay vốn GELEX ELECTRIC

STT	TÊN ĐƠN VỊ	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	NỘI DUNG GIAO DỊCH
4	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	GELEX bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ và cho vay vốn HEM
5	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT	GELEX bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và cho vay vốn Năng lượng GELEX
6	Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Kế toán trưởng	GELEX cung cấp hàng hóa cho VIHEM
7	Công ty TNHH MTV GELEX Land	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	GELEX LAND cung cấp dịch vụ cho GELEX, GELEX cung cấp hàng hóa và cho GELEX LAND vay vốn
8	Công ty TNHH Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con gián tiếp - Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	GELEX cung cấp dịch vụ và bán nguyên vật liệu cho EMIC
9	Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (SOTRANS)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT	SOTRANS cung cấp dịch vụ cho GELEX

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành

Trong năm 2018, Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) có một số giao dịch với Công ty cổ phần Chứng khoán IB (IBSC) như sau:

- GELEX cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng cho IBSC;
- GELEX và IBSC ký kết các hợp đồng: tư vấn phát hành trái phiếu, đại lý phát hành trái phiếu, đại lý đăng ký lưu ký trái phiếu.

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Đò	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ - Bà Đỗ Thị Phương Lan – Thành viên HĐQT	1.000.000	0,67%	1.200.000	0,29%	Mua cổ phần do GELEX thực hiện chứng quyền và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
2	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ - Ông Võ Anh Linh – Thành viên HĐQT	10.066.180	3,77%	12.079.416	2,97%	Tăng do GELEX phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
3	Nguyễn Thị Xuân Thanh	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ - Ông Nguyễn Hoa Cương – Chủ tịch HĐQT	80.500	0,03%	96.600	0,024%	Tăng do GELEX phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
4	Nguyễn Trọng Tiếu	Thành viên HĐQT	53.475	0,02%	64.170	0,016%	Tăng do GELEX phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
5	Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên BKS	23.000	0,009%	27.600	0,007%	Tăng do GELEX phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
6	Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng – Người được ủy quyền CBTT	12.880	0,005%	15.456	0,004%	Tăng do GELEX phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
7	Nguyễn Bích Hà	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ - Ông Nguyễn Hoa Cương - Chủ tịch HĐQT	86.250	0,032%	103.500	0,025%	Tăng do GELEX phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

Các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia các khóa học, các buổi tập huấn theo quy định về quản trị công ty.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn sắp xếp và cử đại diện tham dự các khóa đào tạo, tập huấn do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán tổ chức nhằm nâng cao tính tuân thủ của Công ty đối với các quy định do Nhà nước ban hành.



07

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan về Báo cáo Phát triển bền vững	94
Định hướng Phát triển Bền vững	94
Sự tham gia của các Bên liên quan	96

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững là sự phát triển trên cơ sở gắn chặt các mục tiêu tăng trưởng kinh tế với các nghĩa vụ bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của hiện tại nhưng không gây trở ngại cho sự phát triển của thế hệ tương lai. Phát triển bền vững từ lâu đã trở thành một yêu cầu thiết yếu và là nội dung chiến lược được các quốc gia trên thế giới đặc biệt quan tâm để đảm bảo sự cân bằng và hài hòa giữa quá trình phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường. Xuất phát điểm là một doanh nghiệp nhà nước, sau

gần 30 năm phát triển không ngừng và trở thành một tập đoàn tư nhân năng động, mạnh mẽ với các lĩnh vực kinh doanh mới tiềm năng, GELEX luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững khi đưa các tiêu chí về môi trường, xã hội, cộng đồng bên cạnh việc phát triển kinh doanh. Đó chính là nền tảng để thúc đẩy và cân bằng lợi ích cho các bên liên quan bao gồm: cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, các đối tác kinh doanh, cơ quan quản lý Nhà nước, nhân viên và cộng đồng xã hội.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

I TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

- Kiến tạo một cơ cấu kinh tế công ty bền vững xoay quanh 2 lĩnh vực thiết yếu của xã hội: Sản xuất Công nghiệp – Thiết bị Điện và Hạ tầng (Tiện ích nguồn điện & nước sạch, Logistics, Bất động sản), tiên phong trong lĩnh vực đầu tư vào nguồn năng lượng tái tạo thân thiện với môi trường;
- Tăng trưởng bền vững doanh thu từ mảng kinh doanh truyền thống thông qua việc mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh đầu tư hoạt động R&D, cung cấp sản phẩm/ dịch vụ mới.
- Củng cố và nâng cao chất lượng quản trị, vận hành, sẵn sàng nguồn lực cho mục tiêu tăng trưởng bền vững;
- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận một cách bền vững, đóng góp cho nhà nước thông qua việc đóng đầy đủ các khoản thuế doanh nghiệp theo đúng quy định.



I BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường;
- Cải tiến chất lượng, ứng dụng công nghệ xanh, kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường trong các mảng hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp các sản phẩm bền vững cho khách hàng. CADIVI nghiên cứu và cho ra mắt các dòng sản phẩm dây cáp điện mới thân thiện với môi trường (ECO-friendly) với đặc tính không chì, chịu nhiệt, chống cháy lan, không sinh khí độc, tiết kiệm công thi công lắp đặt. THIBIDI liên tục cải tiến thiết kế và công nghệ sản xuất dòng máy biến áp thông qua việc chuyển giao công nghệ gia công lõi thép vô định hình (Amorphous Alloy) từ công ty Hitachi Metals giảm đáng kể lượng khí thải CO2 ra môi trường;
- Sử dụng năng lượng hiệu quả tại các tòa nhà, dự án bất động sản, nhà máy, công trường... thuộc sở hữu và quản lý của GELEX;



I TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

- Đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực để góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ nhân viên với sự phát triển chung của cộng đồng;

- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng đối với toàn thể cán bộ nhân viên thông qua các chiến dịch phát động tiết kiệm sử dụng nguồn năng lượng tại chính trụ sở công ty, nhà máy... Trong chiến dịch Giờ trái đất 2019 vừa qua, CADIVI là một trong những nhà tài trợ đồng hành cùng toàn bộ chiến dịch nhằm tuyên truyền, nâng cao ý thức sử dụng nguồn điện tiết kiệm cho toàn dân
- Nhà cung cấp dây và cáp điện hàng đầu Việt Nam với slogan “Đem nguồn sáng tới mọi nơi” cũng liên tục triển khai các dự án tài trợ dây cáp điện cho các chiến dịch kéo điện về vùng cao, đem lại ánh sáng cho vùng sâu khó khăn hiểm trở như chương trình “Thắp sáng đường quê”.



SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

GELEX xác định các Bên liên quan là những bên có ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng ở một mức độ nhất định từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. 06 bên liên quan trọng yếu đối với GELEX bao gồm: cổ đông và nhà đầu tư; khách hàng; đối tác và nhà cung cấp; cơ quan quản lý Nhà nước; cán bộ nhân viên và cộng đồng xã hội.

Thông tin, ý kiến phản hồi từ các bên liên quan là một trong những yếu tố tác động đến chiến lược hành động của GELEX trong việc quản lý và vận hành các hoạt động của Tập đoàn.

Phương thức tiếp cận và ghi nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan:

ĐỐI TƯỢNG	KÊNH TƯƠNG TÁC	TẦN SUẤT
Cổ đông và Nhà Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Gặp gỡ trực tiếp theo yêu cầu Đại hội đồng cổ đông Hội thảo/ Hội nghị Nhà đầu tư Websites 	<ul style="list-style-type: none"> Hàng quý/ Khi có yêu cầu Hàng năm Thường xuyên
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Đội ngũ bán hàng, tư vấn dịch vụ Triển lãm, hội chợ, hội thảo Website, Facebook 	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên, khi có sự kiện Khi có sự kiện Thường xuyên
Đối tác và Nhà Cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> Gặp gỡ trao đổi trực tiếp Tài liệu giới thiệu Hội nghị, hội thảo 	<ul style="list-style-type: none"> Khi có sự kiện Thường xuyên Khi có sự kiện
Cơ quan quản lý Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia các hội nghị, hội thảo do Chính phủ, các cơ quan ban ngành tổ chức Tham gia các tổ chức, hiệp hội 	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên Tùy thuộc vào nhu cầu của Tổng Công ty tại từng thời điểm
Cán bộ nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Các chương trình đào tạo nội bộ Các sự kiện hoạt động nội bộ như teambuilding, hội thao, hội diễn văn nghệ, tổng kết năm 	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên Hàng năm
Cộng đồng xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức các hoạt động từ thiện, hỗ trợ cộng đồng Tham gia các sự kiện, chương trình gây quỹ vì cộng đồng xã hội, bảo vệ môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên Khi có sự kiện





08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

I GELEX

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, GELEX được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. GELEX cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 9 ngày 18 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính của GELEX bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện

một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

GELEX có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của GELEX được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Hoa Cương	Thành viên Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Phó Chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Phó Chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018 Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	
Ông Võ Anh Linh	Thành viên	

I BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Hồng Lĩnh	Trưởng ban Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2018 Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên	
Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên	

I BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2018
Ông Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng	

I NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc.

I KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho GELEX.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“GELEX”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của GELEX và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính của Tổng Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang

5 đến trang 85 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài

chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi

thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

I Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình

hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

I BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.104.003.384.888	7.447.578.048.018
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	923.667.098.002	1.097.517.266.477
111	1. Tiền		674.299.498.002	603.601.059.404
112	2. Các khoản tương đương tiền		249.367.600.000	493.916.207.073
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.863.955.085.242	1.546.228.259.969
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.437.174.593.265	909.595.972.003
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.797.519.588)	(35.636.875.956)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		440.578.011.565	672.269.163.922
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.084.065.645.499	2.906.643.629.169
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	2.028.883.831.172	1.860.671.443.645
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		177.678.908.481	63.610.678.720
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		4.000.000.000	104.200.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		1.093.621.431.766	1.124.527.521.585
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(220.272.475.139)	(246.729.041.840)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		153.949.219	363.027.059
140	IV. Hàng tồn kho	10	2.111.126.553.972	1.854.862.342.903
141	1. Hàng tồn kho		2.132.225.476.583	1.869.533.076.685
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.098.922.611)	(14.670.733.782)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		121.189.002.173	42.326.549.500
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		22.061.300.137	15.748.235.351
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		89.059.897.616	14.874.139.858
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		10.067.804.420	11.704.174.291

B01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

Mã số	DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.142.484.787.442	6.313.207.934.674
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		21.248.160.790	79.226.298.470
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7	6.740.871.000	75.339.914.100
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	917.100.000
216	3. Phải thu dài hạn khác		14.507.289.790	2.969.284.370
220	II. Tài sản cố định		4.475.031.456.984	3.043.665.083.104
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.957.253.210.510	2.880.913.600.506
222	Nguyên giá		7.308.172.013.214	5.058.980.927.810
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.350.918.802.704)	(2.178.067.327.304)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	517.778.246.474	162.751.482.598
228	Nguyên giá		545.954.631.609	179.420.477.939
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(28.176.385.135)	(16.668.995.341)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	232.999.531.823	218.930.439.828
231	1. Nguyên giá		281.417.151.884	249.527.882.070
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(48.417.620.061)	(30.597.442.242)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	14	1.040.166.644.660	265.956.309.343
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.040.166.644.660	265.956.309.343
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	15	1.738.906.286.546	1.672.377.287.976
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		1.552.461.933.298	1.207.984.753.588
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.229.751.878	95.417.309.831
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(1.222.933.776)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		179.214.601.370	370.198.158.333
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.634.132.706.639	1.033.052.515.953
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	462.369.597.625	428.834.930.386

Mã số	DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	15.928.367.193	11.592.718.157
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			603.026.667
269	4. Lợi thế thương mại	17	1.155.834.741.821	592.021.840.743
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			17.246.488.172.330	13.760.785.982.692
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.281.533.631.570	7.603.987.514.057
310	I. Nợ ngắn hạn		6.826.523.433.296	4.764.444.793.235
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	2.046.857.839.671	850.417.170.698
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		100.552.367.016	183.618.552.087
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	150.777.805.599	76.935.295.527
314	4. Phải trả người lao động		159.314.218.777	162.643.056.568
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		61.715.994.358	46.121.959.412
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		43.766.082.272	40.748.892.189
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	413.402.868.132	495.219.073.115
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	21	3.741.916.931.534	2.746.317.989.552
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		53.211.347.173	93.132.353.140
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		55.007.978.764	69.290.450.947
330	II. Nợ dài hạn		2.455.010.198.274	2.839.542.720.822
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		44.731.618.150	45.835.022.150
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	36.653.237.222	119.631.176.007
338	3. Vay và nợ dài hạn	21	2.131.746.164.514	2.533.868.797.654
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	168.897.718.656	47.359.952.697
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		72.981.459.732	61.136.827.197
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	31.710.945.117

B01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

Mã số	DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.964.954.540.760	6.156.798.468.635
	I. Vốn chủ sở hữu	22	7.956.324.379.625	6.146.583.773.962
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		4.065.600.000.000	2.668.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.065.600.000.000	2.668.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		547.112.000.000	622.337.724.760
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		77.388.963.577	77.388.963.577
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		236.031.851	48.866.128
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		77.023.242.245	77.023.242.245
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		846.596.655.014	785.974.270.959
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		165.793.082.055	148.693.053.445
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		680.803.572.959	637.281.217.514
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.342.367.486.938	1.915.810.706.293
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		8.630.161.135	10.214.694.673
431	1. Nguồn kinh phí		-	(52.023.000)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		8.630.161.135	10.266.717.673
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		17.246.488.172.330	13.760.785.982.692


Dương Việt Nga
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

B02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
100	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	13.828.715.331.881	12.094.756.795.679
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(129.585.819.594)	(110.615.725.882)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	13.699.129.512.287	11.984.141.069.797
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(11.483.443.422.289)	(9.997.817.551.567)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.215.686.089.998	1.986.323.518.230
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	756.601.575.240	321.755.959.053
22	7. Chi phí tài chính	25	(542.466.344.992)	(435.264.930.396)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(447.395.281.623)	(367.135.076.972)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		51.627.035.708	21.762.126.462
25	9. Chi phí bán hàng	26	(347.473.303.870)	(261.312.019.780)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(643.744.982.432)	(528.718.560.765)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.490.230.069.652	1.104.546.092.804
31	12. Thu nhập khác		56.557.890.328	48.225.613.845
32	13. Chi phí khác		(13.714.653.333)	(8.151.407.203)
40	14. Lợi nhuận khác		42.843.236.995	40.074.206.642
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.533.073.306.647	1.144.620.299.446
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(260.360.179.854)	(346.887.119.179)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	10.770.230.430	108.369.094.148
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.283.483.357.223	906.102.274.415

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	22.1	942.442.353.541	637.281.217.514
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22.1	341.041.003.682	268.821.056.901
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.537	1.740
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	2.484	1.634



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		1.533.073.306.647	1.144.620.299.446
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		495.974.869.059	317.791.856.398
03	Các khoản dự phòng		(73.790.784.320)	5.971.972.873
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.247.274.550)	2.279.804.188
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(730.939.833.678)	(251.002.671.814)
06	Chi phí lãi vay	25	447.395.281.623	367.135.076.972
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.669.465.564.781	1.586.796.338.063
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(600.507.604.650)	320.297.235.539
10	Tăng hàng tồn kho		(206.537.181.645)	(180.152.992.826)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		903.882.950.960	(118.205.565.418)
12	Tăng chi phí trả trước		(19.596.937.459)	(125.150.325.840)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(477.578.621.262)	(709.958.990.922)
14	Tiền lãi vay đã trả		(441.009.473.921)	(380.604.353.835)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(227.314.019.974)	(333.737.726.193)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.890.182.053	9.950.087.949
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(111.298.668.651)	(99.747.083.044)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		493.396.190.232	(30.513.376.527)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.062.085.278.353)	(321.461.088.860)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		52.667.963.477	21.847.792.178
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(731.227.914.280)	(1.887.969.401.933)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		1.213.786.006.950	515.179.880.069
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.140.584.846.191)	(1.855.039.412.447)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.057.517.133.635	860.580.707.486
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		241.389.118.202	206.924.162.788
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.368.537.816.560)	(2.459.937.360.719)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát		1.195.112.000.000	1.549.250.173.028
32	Tiền chi mua cổ phiếu quỹ		(224.441.613.184)	-
33	Tiền thu từ đi vay		8.344.266.329.029	8.224.544.519.876
34	Tiền trả nợ gốc vay		(8.134.320.245.909)	(8.602.022.335.891)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(479.264.481.846)	(495.512.817.241)
	Trong đó:			

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ		(338.648.230.000)	(232.049.645.000)
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(140.616.251.846)	(263.463.172.241)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		701.351.988.090	676.259.539.772
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(173.789.638.238)	(1.814.191.197.474)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.097.517.266.477	2.912.224.131.908
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(60.530.237)	(515.667.957)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	923.667.098.002	1.097.517.266.477



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 9 ngày 18 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều

và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 69 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 83 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX (“Năng lượng Gelex”)	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng
2	Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX (“Gelex Electric”) [trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện]	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh và quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất thiết bị điện
3	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Logistics (“Gelex Logistics”)	100%	100%	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải kho bãi và lưu giữ hàng hóa
4	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land (“Gelex Land”)	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
5	Công ty TNHH GELEX Campuchia (“Gelex Campuchia”)	100%	100%	Số 4B đường 564, Phnom Penh, Campuchia	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Gelex Electric:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi")	91,64%	91,64%	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	66,16%	66,16%	Km12 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi")	78,52%	78,52%	Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy biến áp và thiết bị điện
4	Công ty TNHH Thiết bị Đo điện EMIC ("Gelex Emic")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị đo điện

Một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Gelex Electric cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Cadivi:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	100%	100%	Đường số 1, khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc ("Cadivi Miền Bắc")	100%	100%	Lô D1-3, khu công nghiệp Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh dây và cáp điện

Công ty HEM:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	99,82%	99,82%	Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	100%	100%	Km12 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
3	Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari ("VIHEM")	65,37%	65,37%	Tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện

Công ty Thibidi:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh	51%	51%	Số 186, tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp

Công ty Năng lượng Gelex:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	71,28%	71,28%	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Sản xuất thủy điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("Gelex Ninh Thuận") (*)	100%	100%	Số 126 đường 16/4, phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ("Viwasupco")	60,46%	60,46%	Xóm Vật Lại, xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất và cung cấp nước sạch
4	Công ty TNHH Điện gió Hường Phùng (*)	84,62%	84,62%	Tầng 3, số nhà 242 quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất điện gió

(*) Các công ty con này chưa hoạt động sản xuất kinh doanh do vẫn đang trong giai đoạn phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

Công ty Gelex Logistics:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Sotrans")	54,78%	54,78%	Số 1B Hoàng Diệu, phường 4, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
2	Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam ("Cảng Miền Nam")	51%	51%	Số 9 Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải đa phương thức, giao nhận hàng hóa
3	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans ("Hạ tầng Sotrans")	100%	100%	Số 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ vận tải
4	Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam ("Sowatco")	84,39%	84,39%	Số 298 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại, cơ khí đóng tàu và dịch vụ tiếp vận
5	Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh ("Sotrans Hà Tĩnh")	100%	100%	Phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Kinh doanh hoạt động vận tải đường bộ

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
6	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("VTX")	84%	84%	Lầu 9 Tòa nhà B&L TOWER, số 119-121 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh hoạt động vận tải đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải đường thủy
7	Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO")	86,15%	86,15%	Số 202 Lê Lai, phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng
8	Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện Thủy Cần Thơ ("Đóng tàu Cần Thơ")	70%	70%	Số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, tỉnh Cần Thơ	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SO-WATMES")	51%	51%	Số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng
10	Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics	100%	100%	1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa

Ngoài ra, Tập đoàn có các công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 15.1.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Tổng công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Tổng Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa: chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Quyền khai thác mặt nước

Quyền khai thác mặt nước hình thành từ việc Tập đoàn mua lại công ty con và được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị của quyền khai thác mặt nước hình thành từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Quyền khai thác mặt nước	43 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	45 - 50 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không trích hao mòn

3.8 Bất động sản đầu tư

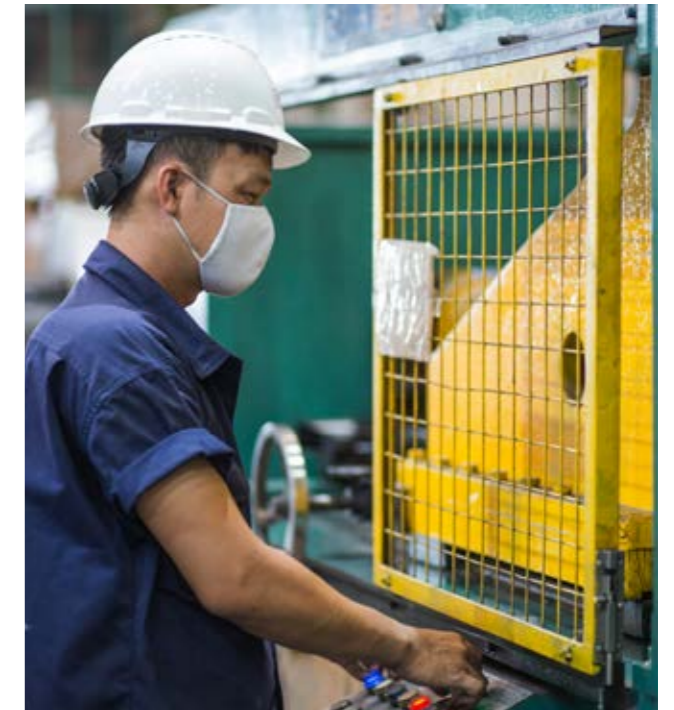
Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Máy móc, thiết bị, tài sản khác	5 - 15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không



còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; và
- Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả trước theo các hợp đồng thuê đất (có hiệu lực sau năm 2003) với thời hạn từ 39 năm đến 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Tổng Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường

hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Tăng vốn chủ sở hữu thông qua thực hiện chứng quyền

Vốn cổ phần tăng (do các bên nắm giữ Chứng quyền phát hành bởi Tổng Công ty thực hiện quyền mua cổ phần của Chứng quyền) được góp bằng tiền và được ghi nhận theo số tiền thực góp, bao gồm:

Vốn cổ phần tăng = số lượng cổ phiếu được phát

hành (X) mệnh giá mỗi cổ phiếu.

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu được phát hành tương ứng với số Chứng Quyền được thực hiện quyền mua cổ phần.
- Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu khi thực hiện Chứng Quyền (theo quy định của Hợp đồng phát hành Chứng quyền) và mệnh giá cổ phiếu;
- Giá trị phát hành chứng quyền tương ứng với số lượng chứng quyền thực hiện; và
- Các chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao

phúc lợi cho công nhân viên, thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con theo quy chế tài chính của Tổng Công ty và các công ty con và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trên cơ sở sản lượng phát điện được đối soát hàng tháng và xác nhận giữa bên bán điện và bên mua điện, theo đơn giá quy định trên hợp đồng mua bán điện.

Doanh thu cung cấp nước sạch

Doanh thu cung cấp nước sạch được xác định trên cơ sở sản lượng nước cung ứng được đối soát hàng tháng và xác nhận giữa bên bán và bên mua, theo đơn giá quy định trên hợp đồng mua bán nước sạch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại

trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có

lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở

hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.22 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận, kinh doanh năng lượng (điện và nước) và các dịch vụ khác.

3.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

4.1 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Sotrans

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2017 (ngày mua), Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 26,01% cổ phần của Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam ("Sotrans") và qua đó, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Sotrans thành 51,03%. Theo đó, Công ty Sotrans trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty hoàn tất việc mua thêm 3,75% cổ phần của Công ty Sotrans, tăng tỷ lệ sở hữu lên 54,78%.

Công ty Sotrans là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300645369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 11 được cấp ngày 13 tháng 12 năm 2016. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty Sotrans là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho bãi; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa.

Tại ngày mua, Công ty Sotrans sở hữu trực tiếp 4 công ty con bao gồm:

- Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam;
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (*);
- Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh; và
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex.

(* Công ty con này sở hữu Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam, là một công ty sở hữu 3 công ty con và 3 công ty liên kết khác.

Ngoài ra, Công ty Sotrans có 4 khoản đầu tư vào các công ty liên kết là:

- Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO;
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier;
- Công ty TNHH Lô-gi-Stíc Gefco – Sotrans; và
- Công ty Cổ phần MHC.

Thông tin về tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ biểu quyết và hoạt động của Công ty Sotrans và các công ty con, công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15.

Tổng Công ty mua Công ty Sotrans với mục đích phát triển mảng kinh doanh vận tải và tiếp vận của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Sotrans tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Sotrans. Trong năm 2018, Tổng Công ty đã hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Sotrans tại ngày mua với những thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây, được điều chỉnh hồi tố như sau:

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.1 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Sotrans (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý sau điều chỉnh
Tài sản			
Tiền và các khoản tương đương tiền	468.963.768.204	-	468.963.768.204
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	40.340.032.081	-	40.340.032.081
Các khoản phải thu ngắn hạn	298.175.317.905	-	298.175.317.905
Tài sản ngắn hạn khác	35.904.463.030	-	35.904.463.030
Tài sản cố định	513.715.819.913	-	513.715.819.913
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	131.638.500.464	-	131.638.500.464
Đầu tư vào công ty liên kết	495.850.002.415	-	495.850.002.415
Đầu tư vào đơn vị khác	321.813.266.614	525.695.858.025	847.509.124.639
Chi phí trả trước dài hạn	115.669.919.275	-	115.669.919.275
Tài sản dài hạn khác	4.665.620.636	-	4.665.620.636
	2.426.736.710.537	525.695.858.025	2.952.432.568.562
Nợ phải trả			
Phải trả người bán	93.203.487.028	-	93.203.487.028
Vay và nợ	694.674.606.914	-	694.674.606.914
Phải trả khác	258.229.012.854	-	258.229.012.854
Thuế hoãn lại phải trả (phát sinh do điều chỉnh giá trị hợp lý)	36.600.178.509	105.139.171.605	141.739.350.114
	1.082.707.285.305	105.139.171.605	1.187.846.456.910
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	1.344.029.425.232	420.556.686.420	1.764.586.111.652
Cổ đông không kiểm soát [b]	851.474.434.731	259.595.313.727	1.111.069.748.458
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17) [c]	667.422.005.234	(160.961.372.693)	506.460.632.541
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d] = [a - b + c]	1.159.976.995.735	-	1.159.976.995.735

Đơn vị tính: VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý sau điều chỉnh
Trong đó:			
Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua	580.177.437.735	-	580.177.437.735
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối	579.799.558.000	-	579.799.558.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con			
Tiền thu về từ công ty con	468.963.768.204	-	468.963.768.204
Tiền chi để mua công ty con	(580.177.437.735)	-	(580.177.437.735)
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	(111.213.669.531)	-	(111.213.669.531)

4.2 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Phú Thạnh Mỹ

Vào ngày 27 tháng 2 năm 2017, Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX, công ty con được sở hữu 100% bởi Tổng Công ty, đã hoàn tất việc mua 65% cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ"). Theo đó, Công ty Phú Thạnh Mỹ trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Công ty Phú Thạnh Mỹ là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4000455251, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp vào ngày 17 tháng 1 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty Phú Thạnh Mỹ là sản xuất và kinh doanh điện (thuộc dự án Thủy Điện Sông Bung 4A). Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Phú Thạnh Mỹ với mục đích phát triển mảng kinh doanh năng lượng của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Phú Thạnh Mỹ tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Phú Thạnh Mỹ. Trong năm 2018, Tổng Công ty đã hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Phú Thạnh Mỹ tại ngày mua và giá trị hợp lý được xác định này không thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây. Chi tiết như sau:

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.2 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Phú Thạnh Mỹ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Giá trị hợp lý
Tài sản	
Tiền và các khoản đương tiền	233.187.871.450
Các khoản phải thu ngắn hạn	53.465.944.265
Tài sản ngắn hạn khác	2.143.514.440
Tài sản cố định hữu hình	1.404.378.097.651
Tài sản dài hạn khác	6.034.095.684
	1.699.209.523.490
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	116.238.105.048
Vay và nợ	1.011.777.823.000
Phải trả khác	50.070.940.721
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.641.596.609
	1.180.728.465.378
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	518.481.058.112
Cổ đông không kiểm soát [b]	181.468.370.340
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17) [c]	70.494.847.878
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d] = [a - b + c]	407.507.535.650
Trong đó:	
<i>Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua</i>	<i>113.286.200.000</i>
<i>Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối</i>	<i>294.221.335.650</i>
Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	233.187.871.450
Tiền chi để mua công ty con	(113.286.200.000)
Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua	119.901.671.450

4.3 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam và thoái vốn tại Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 22,91% cổ phần của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam ("K.I.P Việt Nam"), trước đây là Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I, thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty K.I.P Việt Nam. Thông qua giao dịch này, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty K.I.P Việt Nam thành 72,40% và theo đó, Công ty K.I.P Việt Nam trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Công ty K.I.P Việt Nam là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công Nghiệp. Công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000160 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 số 0500447942 được

cấp ngày 31 tháng 5 năm 2018. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty K.I.P Việt Nam là chế tạo và kinh doanh các thiết bị đóng ngắt, điều khiển và bảo vệ dòng điện.

Tổng Công ty mua Công ty K.I.P Việt Nam với mục đích phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty K.I.P Việt Nam tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty K.I.P Việt Nam. Sau đó, trong năm 2018, Tổng Công ty đã hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty K.I.P Việt Nam tại ngày mua và giá trị hợp lý được xác định này không thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

	Giá trị hợp lý
Tài sản	
Tiền	21.184.202.902
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	25.910.006.124
Các khoản phải thu ngắn hạn	28.575.137.931
Hàng tồn kho	21.123.929.521
Tài sản cố định	31.101.148.183
Tài sản dài hạn khác	852.209.856
	128.746.634.517

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.3 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam và thoái vốn tại Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Giá trị hợp lý
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	21.865.157.256
Phải trả khác	14.083.858.390
	35.949.015.646
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	
Cổ đông không kiểm soát [b]	25.846.171.891
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17) [c]	5.942.330.107
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d] = [a - b + c]	72.893.777.087
Trong đó:	
Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua	27.200.209.205
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối	45.693.567.882
Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	21.184.202.902
Tiền chi để mua công ty con	(27.200.209.205)
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	(6.016.006.303)

Sau đó, vào ngày 24 tháng 8 năm 2018, Tập đoàn đã hoàn thành việc bán 71,13% cổ phần của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam với tổng số tiền thu được

là 237,6 tỷ VND. Tập đoàn đã ghi nhận một khoản lãi là 138,8 tỷ VND từ giao dịch này. Theo đó, Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

4.4 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Cổ phần Chế tạo Điện máy Việt Nam - Hungari

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 5.700.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari ("Vihem") thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Vihem. Qua đó, Tổng Công ty sở hữu tổng cộng 7.190.700 cổ phiếu của Công ty Vihem (tương đương 65,37% vốn điều lệ) và Công ty Vihem trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Công ty Vihem là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 5 ngày 23 tháng 11 năm 2017. Công ty này có trụ sở chính tại tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Hoạt động chính của công ty này là sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện.

Tổng Công ty mua Công ty Vihem với mục đích phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Vihem tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Vihem. Sau đó, vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Vihem tại ngày mua và giá trị hợp lý được xác định này không thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

	Giá trị hợp lý
Tài sản	
Tiền	158.459.577.909
Các khoản phải thu ngắn hạn	32.704.364.688
Hàng tồn kho	37.663.992.543
Tài sản ngắn hạn khác	946.882.444
Tài sản cố định	7.652.587.425
Tài sản dài hạn khác	5.341.546.364
	242.768.951.373
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	10.203.401.593
Vay và nợ	63.822.970.154

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.4 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Cổ phần Chế tạo Điện máy Việt Nam – Hungari (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Giá trị hợp lý
Phải trả khác	80.830.190.783
	154.856.562.530
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	87.912.388.843
Cổ đông không kiểm soát [b]	30.444.060.256
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17) [c]	25.224.721.413
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [d] = [a - b + c]	82.693.050.000
Trong đó:	
Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua	65.550.000.000
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối	17.143.050.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	158.459.577.909
Tiền chi để mua công ty con	(65.550.000.000)
Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua	92.909.577.909

4.5 Mua và thoái vốn tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2017, Công ty Cadivi Đồng Nai (một công ty con của Công ty Cadivi, công ty con của Tổng công ty) đã hoàn tất việc mua 1.618.000 cổ phiếu (tương đương 24,89% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Nhựa Hà Nội"). Qua đó, Công ty Nhựa Hà Nội trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty thông qua Công ty Cadivi Đồng Nai từ ngày này.

Vào ngày 13 tháng 6 năm 2018, Công ty Cadivi Đồng Nai đã hoàn tất việc mua thêm 1.752.700 cổ phiếu (tương đương với 26,96% vốn điều lệ) của Công ty Nhựa Hà Nội. Qua đó, Công ty Nhựa Hà Nội trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24 tháng 1 năm 1972 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Sau đó, Công ty được cổ

phần hóa theo Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 10 năm 2008. Công ty này có trụ sở chính tại Tổ 19, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội và các giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 3 ngày 13 tháng 2 năm 2019. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa công nghiệp; sản xuất, kinh doanh các thiết bị, vật tư, hóa chất dùng để sản xuất nhựa. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Nhựa Hà Nội với mục đích hỗ trợ phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Nhựa Hà Nội tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua
Tài sản	
Tiền và các khoản đương tiền	66.046.424.029
Các khoản phải thu ngắn hạn	130.561.682.260
Hàng tồn kho	68.565.863.466
Tài sản ngắn hạn khác	59.581.793.335
Tài sản cố định hữu hình	107.145.374.092
Tài sản dài hạn khác	13.863.767.340
	445.764.904.522

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.5 Mua và thoái vốn tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	55.295.476.210
Vay và nợ	36.910.406.128
Phải trả khác	47.229.668.291
	139.435.550.629
Tổng tài sản thuần theo giá trị tạm tính [a]	
Cổ đông không kiểm soát [b]	114.518.594.087
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17) [c]	132.944.068.049
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d] = [a - b + c]	
Trong đó:	
Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua	169.389.253.325
Giá trị hợp lý tạm tính của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối	155.365.574.530
Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	66.046.424.029
Tiền chi để mua công ty con	(169.389.253.325)
Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua	
	(103.342.829.296)

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2018, Công ty Cadivi Miền Bắc, công ty con của Tập đoàn đã hoàn thành giao dịch chuyển nhượng toàn bộ 51,86% cổ phần trong Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội với tổng số tiền thu được là 341,7 tỷ VND. Tập đoàn đã ghi nhận một khoản lãi là 21,4 tỷ VND từ giao dịch này. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Tại ngày mua và cho đến ngày thanh lý Công ty Nhựa Hà Nội, Tập đoàn trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Nhựa Hà Nội tại

ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Nhựa Hà Nội.

Kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2018 (ngày mua) đến ngày thanh lý, Công ty Nhựa Hà Nội đã đóng góp 35.765.705.951 VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty Nhựa Hà Nội từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 13 tháng 6 năm 2018 tương ứng là 428.403.062.859 VND và 25.697.805.385 VND.

4.6 Mua Công ty Viwasupco

Vào ngày 4 tháng 1 năm 2018, Công ty Năng lượng GELEX, một công ty con của Tổng Công ty, đã hoàn thành việc mua 12.340.000 cổ phiếu (tương đương với 24,68% vốn điều lệ) trong Công ty Viwasupco. Qua đó, Công ty Viwasupco đã trở thành công ty liên kết của Tập đoàn từ ngày này. Sau đó, vào ngày 26 tháng 2 năm 2018, Công ty Năng lượng GELEX đã mua thêm 11.210.000 cổ phiếu (tương đương với 22,42% vốn điều lệ) trong Công ty Viwasupco, nâng tổng số cổ phần nắm giữ trong Công ty Viwasupco lên mức 47,1%.

Vào ngày 28 tháng 3 năm 2018 (ngày mua), Công ty Năng lượng GELEX đã tiếp tục mua thêm 2.130.000 cổ phiếu (tương đương với 4,26% vốn điều lệ) trong Công ty Viwasupco, nâng tổng số cổ phần sở hữu trong Công ty Viwasupco lên mức 51,36%. Theo đó, Công ty Viwasupco đã trở thành công ty con của Tập đoàn từ ngày này. Sau đó, Công ty Năng lượng GELEX đã tiếp tục mua thêm 9,1% sở hữu trong công ty Viwasupco, nâng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Viwasupco lên 60,46%.

Công ty Viwasupco là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 5400310161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 17 tháng 12 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất vào ngày 15 tháng 11 năm 2018. Công ty Viwasupco có trụ sở chính tại xóm Vật Lại, xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. Hoạt động chính tại của Công ty Viwasupco là sản xuất và kinh doanh nước sạch. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Viwasupco với mục đích phát triển mảng kinh doanh năng lượng.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Viwasupco tại ngày mua được trình bày dưới đây:

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.6 Mua và thoái vốn tại Công ty Viwasupco (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Tài sản			
Tiền và các khoản đương tiền	189.156.985.761	-	189.156.985.761
Các khoản phải thu ngắn hạn	79.252.497.266	-	79.252.497.266
Hàng tồn kho	61.456.794.458	-	61.456.794.458
Tài sản ngắn hạn khác	354.426.458	-	354.426.458
Tài sản cố định	654.838.913.953	695.670.579.670	1.350.509.493.623
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	131.289.287.618	-	131.289.287.618
Tài sản dài hạn khác	6.333.489.031	-	6.333.489.031
	1.122.682.394.545	695.670.579.670	1.818.352.974.215
Nợ phải trả			
Phải trả người bán	8.556.275.788	-	8.556.275.788
Vay và nợ	201.961.192.022	-	201.961.192.022
Phải trả khác	20.876.170.438	-	20.876.170.438
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	127.972.347.353	127.972.347.353
	231.393.638.248	127.972.347.353	359.365.985.601
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	891.288.756.297	567.698.232.317	1.458.986.988.614
Cổ đông không kiểm soát [b]	433.522.851.065	276.128.420.199	709.651.271.264
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17) [c]	795.574.010.768	(291.569.812.118)	504.004.198.650
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d] = [a - b + c]	1.253.339.916.000	-	1.253.339.916.000
Trong đó:			
Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua	104.099.916.000	-	104.099.916.000
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối	1.149.240.000.000	-	1.149.240.000.000

4.6 Mua và thoái vốn tại Công ty Viwasupco (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con			
Tiền thu về từ công ty con	189.156.985.761	-	189.156.985.761
Tiền chi để mua công ty con	(104.099.916.000)	-	(104.099.916.000)
Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua	85.057.069.761	-	85.057.069.761

Kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2018 (ngày mua), Công ty Viwasupco đã đóng góp 189.164.970.465 VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty Viwasupco từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 28 tháng 3 năm 2018 tương ứng là 95.545.811.939 VND và 41.291.747.467 VND.

4.7 Mua Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh ("Công ty MEE")

Vào ngày 12 tháng 12 năm 2018, Công ty Thibidi, công ty con của Tập đoàn, đã hoàn thành việc mua 6.000.000 cổ phiếu tương ứng với 50% cổ phần trong Công ty MEE với giá phí 284.580.000.000 VND. Qua đó, Công ty MEE đã trở thành công ty liên kết của Tập đoàn. Sau đó, vào ngày 27 tháng 12 năm 2018, Công ty Thibidi đã mua thêm 120.000 cổ phiếu tương ứng với 1% cổ phần trong Công ty MEE, nâng tỷ lệ sở hữu trong Công ty MEE lên 51%. Theo đó, Công ty MEE trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Công ty MEE là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0106061404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần

đầu ngày 13 tháng 12 năm 2012. Công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 7 ngày 19 tháng 12 năm 2018. Công ty MEE có trụ sở chính tại số 186, tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty MEE là thiết kế, chế tạo, buôn bán các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty MEE với mục đích phát triển mảng sản xuất và kinh doanh thiết bị điện.

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty MEE tại ngày mua được trình bày dưới đây:

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.7 Mua Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh (“Công ty MEE”) (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua

Tài sản	
Tiền và các khoản đương tiền	80.417.881.891
Các khoản phải thu ngắn hạn	149.874.252.766
Hàng tồn kho	45.574.305.244
Tài sản ngắn hạn khác	16.109.683.977
Tài sản cố định hữu hình	163.129.201.083
Tài sản dài hạn khác	51.971.290.228
	507.076.615.189
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	157.620.268.983
Vay và nợ	143.824.460.905
Phải trả khác	12.777.725.366
	314.222.455.254
Tổng tài sản thuần theo giá trị tạm tính [a]	192.854.159.935
Cổ đông không kiểm soát [b]	53.181.149.170
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17) [c]	166.685.653.795
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d] = [a - b + c]	306.358.664.560
Trong đó:	
Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua	6.091.200.000
Giá trị hợp lý tạm tính của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối	300.267.464.560
Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	80.417.881.891
Tiền chi để mua công ty con	(6.091.200.000)
Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua	74.326.681.891

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty MEE tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty MEE.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty MEE từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2018 tương ứng là 995.939.113.829 VND và 18.029.252.325 VND.

4.8 Mua Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng (“Công ty Hướng Phùng”)

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2018, Công ty Năng lượng Gelex, công ty con của Tập đoàn đã hoàn thành việc mua 84,62% phần vốn góp trong Công ty Hướng Phùng với tổng giá phí là 33 tỷ VND. Qua đó, Công ty Hướng Phùng trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Công ty Hướng Phùng là một công ty TNHH được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3200677549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 8 tháng 11 năm 2018. Công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 1 ngày 28 tháng 12 năm 2018. Công ty Hướng Phùng có trụ sở chính tại tầng 3, số 242 quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam. Hoạt động chính đăng ký của Công ty Hướng Phùng là sản xuất điện gió. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty

Hướng Phùng với mục đích phát triển mảng năng lượng.

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đánh giá giao dịch mua Công ty Hướng Phùng là mua nhóm tài sản do Công ty Hướng Phùng chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh và đang trong giai đoạn phát triển dự án nhà máy điện gió. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã không đánh giá giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả của Công ty Hướng Phùng tại ngày mua.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	14.390.215.648	10.646.240.768
Tiền gửi ngân hàng	659.909.282.354	592.954.818.636
Các khoản tương đương tiền (*) (**)	249.367.600.000	493.916.207.073
TỔNG CỘNG	923.667.098.002	1.097.517.266.477

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng mức lãi suất bình quân từ 4,3%/năm đến 5,3%/năm.

(**) Một số khoản tương đương tiền đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại ngân hàng như đã được trình bày trong Thuyết minh số 21.2.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh:								
Trái phiếu (i)	1.234.131.324.943	1.234.131.324.943	-	628.146.597.200	-	628.146.597.200	628.146.597.200	-
Chứng chỉ quỹ (ii)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-
Ủy thác đầu tư (iii)	152.359.395.764	138.679.395.764	124.903.826.847	(13.680.000.000)	-	124.903.826.847	101.929.470.527	(22.974.356.320)
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	10.352.970	105.989.547.956	(117.519.588)	-	105.989.547.956	96.037.048.320	(12.662.519.636)
Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	556.000.000	-	-	-	556.000.000	556.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.437.174.593.265	1.423.377.073.677	909.595.972.003	(13.797.519.588)	876.669.116.047	909.595.972.003	876.669.116.047	(35.636.875.956)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu như sau:

Đơn vị tính: VND

Tổ chức phát hành	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More	281.806.027.290	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 21 tháng 6 năm 2021	10,5%	(*)
	200.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 19 tháng 7 năm 2021	10,5%	(*)
	44.899.458.613	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 21 tháng 6 năm 2021	10,3%-10,5%	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An	150.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hằng năm, đáo hạn vào ngày 29 tháng 8 năm 2020	10,2%	(*)
	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2020	9,5%	(*)
	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 18 tháng 4 năm 2020	10,7%	(*)
	25.746.506.840	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 7 năm 2021	10,5%	(*)
	15.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hằng năm, đáo hạn vào ngày 9 tháng 3 năm 2021	9,5%	(*)
Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt	204.390.582.200	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn ngày 28 tháng 3 năm 2020	10,2%	(*)
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng	52.000.000.000	Kỳ hạn 4 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 4 tháng 5 năm 2021	10,5%	(*)
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	60.288.750.000	Kỳ hạn 2 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 21 tháng 2 năm 2019	9,6%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	1.234.131.324.943			

(*) Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu, tài sản cố định nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.

Tập đoàn phân loại các trái phiếu nêu trên là chứng khoán kinh doanh (ngắn hạn) dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trước khi đầu tư các khoản mục này.

(ii) Chi tiết các khoản chứng chỉ quỹ như sau:

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Số cuối năm		Thời hạn đầu tư	Hình thức đảm bảo
	Giá gốc	Dự phòng		
Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	50.000.000.000	-	Thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tín chấp
TỔNG CỘNG	50.000.000.000			

(iii) Chi tiết các khoản ủy thác đầu tư như sau:

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Số cuối năm		Thời hạn đầu tư	Hình thức đảm bảo
	Giá gốc	Dự phòng		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát	80.192.688.833	(13.680.000.000)	Thời hạn không quá 12 tháng nhằm mục đích đầu tư chứng khoán và các giấy tờ có giá khác. Khoản ủy thác cuối cùng đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tín chấp
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ	72.073.979.995	-	Thời hạn 12 tháng nhằm mục đích đầu tư vào các loại giấy tờ có giá, trái phiếu, cổ phiếu. Khoản ủy thác cuối cùng đáo hạn vào ngày 18 tháng 7 năm 2019	Tín chấp
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	92.726.936	-	Thời hạn 12 tháng nhằm mục đích đầu tư chứng khoán, đáo hạn vào ngày 19 tháng 1 năm 2019	Tín chấp
TỔNG CỘNG	152.359.395.764	(13.680.000.000)		

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	159.729.229.165	159.729.229.165	249.969.163.922	249.969.163.922
Trái phiếu (ii)	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Ủy thác đầu tư (iii)	265.848.782.400	265.848.782.400	422.300.000.000	422.300.000.000
TỔNG CỘNG	440.578.011.565	440.578.011.565	672.269.163.922	672.269.163.922

(i) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và hưởng mức lãi suất từ 5,5% đến 7%/năm.

(ii) Đây là trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB (là bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 29) với kỳ hạn 2 năm, nhận lãi 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 21 tháng 2 năm 2019 và hưởng mức lãi suất 9,5%/năm. Khoản trái phiếu này không có tài sản đảm bảo.

(iii) Đây là các khoản ủy thác cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đò (là bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 29) với thời hạn không quá mười hai tháng nhằm mục đích đầu tư ngắn hạn vào trái phiếu.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt		
Phải thu từ khách hàng	1.904.038.395.958	1.826.893.952.505
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	206.778.295.075	209.836.034.793
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Điện số 5	131.347.390.333	-
- Công ty Cổ phần Điện máy Thành phố Hồ Chí Minh	122.063.764.217	76.003.768.972
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.443.848.946.333	1.541.054.148.740
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	124.845.435.214	33.777.491.140
TỔNG CỘNG	2.028.883.831.172	1.860.671.443.645
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(204.113.923.665)	(223.861.019.844)
Dài hạn		
Phải thu từ khách hàng	6.740.871.000	75.339.914.100
- Công ty Điện lực Thái Bình	2.134.173.000	4.829.160.000
- Công ty Điện lực Sơn La	952.952.000	149.749.600
- Công ty Điện lực Nam Định	1.005.884.000	829.854.300
- Công ty Điện lực Bắc Ninh	1.005.884.000	1.383.090.500
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.641.978.000	68.148.059.700
TỔNG CỘNG	6.740.871.000	75.339.914.100

(*) Một số khoản phải thu đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng như đã được trình bày trong Thuyết minh số 21.1.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền đặt cọc/hợp tác kinh doanh mua cổ phần (i)	855.603.950.000	-	947.258.640.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	53.109.364.258	(1.430.246.060)	29.481.714.082	(1.430.246.060)
Phải thu tiền lãi từ hoạt động đầu tư	50.758.469.850	(94.500.000)	52.136.498.968	(67.500.000)
Ký quỹ, ký cược	67.203.898.039	-	37.256.604.996	-
Phải thu cổ tức	-	-	2.764.855.000	-
Phải thu khác	66.945.749.619	(3.027.114.324)	55.629.208.539	(3.123.214.730)
TỔNG CỘNG	1.093.621.431.766	(4.551.860.384)	1.124.527.521.585	(4.620.960.790)

(i) Các khoản đặt cọc mua cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn bao gồm:

- Các khoản đặt cọc với số tiền là 483,5 tỷ VND của Công ty TNHH Thiết bị Điện Gelex cho một số cá nhân để mua cổ phần của một công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thiết bị điện.
- Các khoản đặt cọc và hợp tác kinh doanh với số tiền là 327,1 tỷ VND của Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Gelex cho một số cá nhân và tổ chức doanh nghiệp để mua cổ phần của một số công ty trong lĩnh vực năng lượng.

Trong trường hợp giao dịch không thực hiện thành công, Tập đoàn sẽ nhận lại toàn bộ số tiền đặt cọc/hợp tác kinh doanh cùng một khoản lãi theo lãi suất 10%/năm tính trên số tiền đặt cọc/hợp tác kinh doanh.

9. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.348.046.487	-	106.348.046.487	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Việt	15.759.439.543	-	15.759.439.543	-
Công ty TNHH Vật liệu Điện Thiên Phong	14.095.503.040	-	14.105.503.040	-
Các khoản khác	92.908.633.075	8.839.147.006	152.768.220.534	42.252.167.764
TỔNG CỘNG	229.111.622.145	8.839.147.006	288.981.209.604	42.252.167.764

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	793.361.053.032	(17.203.245.993)	932.874.212.579	(12.195.136.725)
Nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế	771.777.340.892	(3.243.290.245)	663.998.822.591	(2.456.391.240)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	346.125.001.737	(652.386.373)	241.124.488.671	(14.848.918)
Hàng mua đang đi đường	187.644.269.464	-	22.770.837.372	-
Hàng hoá	25.249.473.568	-	3.296.838.753	(3.706.899)
Công cụ, dụng cụ	5.653.019.425	-	4.269.010.086	(650.000)
Hàng gửi bán	2.415.318.465	-	1.198.866.633	-
TỔNG CỘNG	2.132.225.476.583	(21.098.922.611)	1.869.533.076.685	(14.670.733.782)

Một số hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay và của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.670.733.782	5.999.727.151
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.459.683.954	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	21.436.052.956	10.860.813.764
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(17.467.548.081)	(2.189.807.133)
Số cuối năm	21.098.922.611	14.670.733.782

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.149.932.525.828	1.974.550.802.994	887.808.765.836	46.688.833.152	5.058.980.927.810
- Mua trong năm	-	133.823.522.194	20.874.621.272	4.293.933.349	158.992.076.815
- Đầu tư XDCB hoàn thành	39.127.308.889	115.263.991.116	63.934.906.567	-	218.326.206.572
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.717.079.286.326	240.662.160.458	4.173.460.866	835.443.219	1.962.750.350.869
- Phân loại lại	-	(239.267.000)	-	239.267.000	-
- Điều chỉnh theo giá trị quyết toán XDCB hoàn thành	986.898.713	(3.775.736.242)	-	-	(2.788.837.529)
- Thanh lý, nhượng bán	(14.884.597.671)	(16.438.956.411)	(23.098.649.847)	(965.654.669)	(55.387.858.598)
- Phân loại sang bất động sản đầu tư	(19.867.126.145)	(2.783.909.018)	-	(9.238.234.651)	(31.889.269.814)
- Giảm khác	(29.448.502)	(674.116.920)	(92.589.940)	(15.427.549)	(811.582.911)
Số dư cuối năm	3.872.344.847.438	2.440.388.491.171	953.600.514.754	41.838.159.851	7.308.172.013.214
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	154.434.980.061	536.974.035.995	333.918.724.309	14.114.803.050	1.039.442.543.415

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	606.891.232.107	942.555.417.611	604.637.260.353	23.983.417.233	2.178.067.327.304
- Khấu hao trong năm	127.809.673.660	170.969.005.834	62.848.231.036	3.804.981.278	365.431.891.808
- Tăng/(giảm) do hợp nhất kinh doanh	770.466.123.837	81.840.192.948	(1.693.866.055)	(100.870.285)	850.511.580.445
- Thanh lý, nhượng bán	(12.673.405.983)	(8.768.105.480)	(16.495.443.043)	(965.654.669)	(38.902.609.175)
- Phân loại sang bất động sản đầu tư	(1.255.393.153)	(485.053.503)	-	(2.421.731.616)	(4.162.178.272)
- Tăng/(giảm) do phân loại lại	-	(39.877.830)	-	39.877.830	-
- Tăng khác	-	-	(29.251.966)	2.042.560	(27.209.406)
Số dư cuối năm	1.491.238.230.468	1.186.071.579.580	649.266.930.325	24.342.062.331	3.350.918.802.704
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.543.041.293.721	1.031.995.385.383	283.171.505.483	22.705.415.919	2.880.913.600.506
Số dư cuối năm	2.381.106.616.970	1.254.316.911.591	304.333.584.429	17.496.097.520	3.957.253.210.510

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp cho các khoản vay và trái phiếu của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mặt nước	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	167.678.769.919	-	11.741.708.020	179.420.477.939
- Mua trong năm	-	-	5.280.950.200	5.280.950.200
- Tăng/(giảm) do hợp nhất kinh doanh	(3.800.000.000)	384.184.174.786	(3.188.681.049)	377.195.493.737
- Thanh lý, nhượng bán	(15.942.290.267)	-	-	(15.942.290.267)
Số dư cuối năm	147.936.479.652	384.184.174.786	13.833.977.171	545.954.631.609
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	-	2.438.070.719	2.438.070.719
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	9.878.145.277	-	6.790.850.064	16.668.995.341
- Hao mòn trong năm	1.019.825.724	8.124.473.090	1.631.734.140	10.776.032.954
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	731.356.840	731.356.840
Số dư cuối năm	10.897.971.001	8.124.473.090	9.153.941.044	28.176.385.135
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	157.800.624.642	-	4.950.857.956	162.751.482.598
Số dư cuối năm	137.038.508.651	376.059.701.696	4.680.036.127	517.778.246.474

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản khác (*)	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	159.963.712.056	89.564.170.014	249.527.882.070
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 11)	19.867.126.145	12.022.143.669	31.889.269.814
Số dư cuối năm	179.830.838.201	101.586.313.683	281.417.151.884
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số dư đầu năm	11.281.439.941	19.316.002.301	30.597.442.242
Khấu hao trong năm	3.620.325.526	10.037.674.021	13.657.999.547
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 11)	1.255.393.153	2.906.785.119	4.162.178.272
Số dư cuối năm	16.157.158.620	32.260.461.441	48.417.620.061
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	148.682.272.115	70.248.167.713	218.930.439.828
Số dư cuối năm	163.673.679.581	69.325.852.242	232.999.531.823

(*) Đây là cơ sở hạ tầng gắn liền với bất sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nêu trên do chưa thu thập được thông tin tham chiếu về giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội (tính theo tỷ lệ phần diện tích cho thuê), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông	510.228.526.193	-
Dự án điện mặt trời Ninh Thuận	166.411.961.023	2.617.157.739
Dự án trung tâm thương mại và văn phòng cao cấp tại 799 Kinh Dương Vương (*)	127.443.482.364	127.243.482.364
Dự án nâng cao năng lực sản xuất tại Nhà máy Cadivi Miền Trung	104.743.314.342	-
Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt	62.418.489.531	110.341.688.319
Xây dựng cơ bản dở dang khác	68.920.871.207	25.753.980.921
TỔNG CỘNG	1.040.166.644.660	265.956.309.343

(*) Đây là tiền sử dụng đất cho diện tích 5.092 m² tại đường Kinh Dương Vương, phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh mà Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam, công ty con của Tổng Công ty, đã tạm nộp vào ngân sách Nhà nước.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.1)	1.552.461.933.298	-	1.552.461.933.298	1.207.984.753.588
Đầu tư vào đơn vị khác	7.229.751.878	-	11.105.339.440	95.417.309.831
Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 15.2)	179.214.601.370	-	179.214.601.370	370.198.158.333
TỔNG CỘNG	1.738.906.286.546	-	1.742.781.874.108	1.673.600.221.752
				(1.222.933.776)
				94.194.376.055
				-
				370.198.158.333
				1.672.377.287.976

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH SCI Nghệ An (i)	49,00	49,00	49,00	49,00
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT (ii)	45,00	36,35	45,00	36,35
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (iii)	(*) 27,39	50,00	(*) 27,39	50,00
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (iv)	(*) 27,39	50,00	(*) 27,39	50,00
Công ty TNHH SAS CTAMAD (v)	(*) 23,14	35,00	(*) 23,14	35,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 (Sowatco - Eco 747) (vi)	(*) 22,65	49,00	(*) 22,65	49,00
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (VICT) (vii)	(*) 17,10	37,00	(*) 17,10	37,00
Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco - Sotrans (viii)	(*) 13,42	24,50	(*) 13,42	24,50
Công ty Cổ phần MHC (ix)	(*) 12,60	23,00	(*) 12,60	23,00
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (Sowatcoser) (x)	(*) 12,14	26,27	(*) 12,10	26,27
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty Cổ phần (xi)	(*) 19,59	24,95	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1 (xii)	-	-	(*) 22,23	34,00
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2 (xii)	-	-	(*) 22,23	34,00
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (xii)	-	-	(*) 19,85	24,89
Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín (xii)	-	-	(*) 13,59	20,00

(*) Đây là tỷ lệ lợi ích gián tiếp mà Tổng Công ty nắm giữ thông qua các công ty con (mà Tổng Công ty không sở hữu 100% vốn) và theo đó, khác biệt so với tỷ lệ biểu quyết trực tiếp tại các công ty liên kết này.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn như sau:

(i) Công ty TNHH SCI Nghệ An được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 2901147160 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 31 tháng 8 năm 2018. Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: bản Huồi Thở, xã Hữu Kiệt, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính của công ty này là xây dựng các công trình nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện.

(ii) Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1576/GPĐT do Trưởng Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 8 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại đường số 9, khu công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện từ và cáp viễn thông. Theo Giấy phép đầu tư nói trên, tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT được tăng từ 36,35% lên 45% từ năm 2016 đến hết thời hạn giấy phép (năm 2026) mặc dù phần vốn góp của Tổng Công ty trong đơn vị liên kết này không đổi.

(iii) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0312576215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại Tầng 16, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh dịch vụ bất động sản.

(iv) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313877800 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại Phòng 1606, lầu 16, tòa nhà Sailing, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh bất động sản.

(v) Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 1018/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 10 năm 1994 và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 1018/GCNĐC3-BKH ngày 23 tháng 8 năm 2006. Công ty này có trụ sở chính tại số 44B, đường Lý Thường Kiệt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng; vận hành máy trò chơi điện tử có thưởng trong khuôn viên khách sạn.

(vi) Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2900751997 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại số 161/1 Trường Chinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính của công ty này là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

(vii) Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1 là một công ty liên doanh được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và Luật Đầu tư hiện hành theo Giấy phép Đầu tư số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các Giấy phép Đầu tư điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại đường A5,

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

khu phố 5, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container.

(viii) Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco - Sotrans là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015. Công ty này có trụ sở chính tại số 55-57, đường Nguyễn Văn Giai, phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ.

(ix) Công ty Cổ phần MHC là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100793715 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 1998 và lần thay đổi gần nhất lần thứ 27 ngày 29 tháng 10 năm 2018. Công ty này có trụ sở chính tại tầng 10, tòa nhà VINATEA, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa.

(x) Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303215396 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại 38 Tôn Thất Thuyết, phường 15, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

(xi) Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty Cổ phần tiền thân là Công ty Sản xuất thiết bị điện được thành lập ngày 5/12/1981 theo Quyết định số 056/NL-TCCB của Bộ Năng lượng. Từ ngày 10 tháng 05 năm 2011, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận công nhận là Công ty đại chúng. Công ty này có trụ sở chính tại 189 Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất máy biến áp truyền tải, máy biến áp trung gian, máy biến áp phân phối và thiết bị điện khác.

(xii) Đã thoái vốn trong năm.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chuyển thành công ty con	Thành lý trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh (*)	Phân lợi nhuận/ (lỗ) từ công ty liên kết	Cổ tức được chia trong năm	Số cuối năm
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	-	-	-	468.497.825.645	14.050.118.649	-	482.547.944.294
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	376.236.727.111	-	-	-	11.591.875.449	(25.157.238.797)	362.671.363.763
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	280.490.951.239	-	-	-	38.531.427.977	(26.720.955.432)	292.301.423.784
Công ty TNHH SCI Nghệ An	156.065.000.000	-	-	-	(323.439.148)	-	155.741.560.852
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	155.560.992.000	(159.624.370.677)	-	-	4.063.378.677	-	-
Công ty Dây đồng Việt Nam - GFT	110.355.615.795	-	-	-	17.830.471.682	-	128.186.087.477
Công ty Cổ phần MHC	102.583.930.149	-	-	-	5.332.239.296	-	107.916.169.445
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	9.977.284.940	-	-	-	(431.469)	-	9.976.853.471
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	9.950.599.789	-	-	-	(8.302.188)	-	9.942.297.601
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	3.166.915.203	-	-	-	11.317.408	-	3.178.232.611

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chuyển thành công ty con	Thanh lý trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh (*)	Phân lợi nhuận/ (lỗ) từ công ty liên kết	Cổ tức được chia trong năm	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín	1.471.058.808	-	(1.471.058.808)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari 2	1.026.385.012	-	(996.235.340)	-	(23.481.932)	(6.667.740)	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari 1	1.099.293.542	-	(1.018.568.532)	-	52.629.790	(133.354.800)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	-	(927.209.231.031)	-	914.671.782.745	12.537.448.286	-	-
TỔNG CỘNG	1.207.984.753.588	(1.086.833.601.708)	(3.485.862.680)	1.383.169.608.390	103.645.252.477	(52.018.216.769)	1.552.461.933.298

(*) Trong năm, Tập đoàn có mua thêm một số công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 4. Theo đó, Tập đoàn sở hữu gián tiếp các khoản đầu tư vào các công ty liên kết do các công ty con này nắm giữ.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	11.113.300.000	11.113.300.000	14.058.158.333	14.058.158.333
Đầu tư trái phiếu (**)	168.101.301.370	168.101.301.370	356.140.000.000	356.140.000.000
TỔNG CỘNG	179.214.601.370	179.214.601.370	370.198.158.333	370.198.158.333

(*) Là khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn trên 12 tháng, hưởng lãi suất từ 6,3% đến 6,8%/năm.

(**) Bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ("Công ty Hải An") và Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More ("Công ty Eco&More") với chi tiết như sau:

- 40 trái phiếu của Công ty Eco&More (mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu), kỳ hạn 3 năm, đáo hạn vào ngày 21 tháng 6 năm 2021, lãi trái phiếu là 10,5%/năm, được thanh toán 6 tháng một lần, và có tài sản đảm bảo là cổ phiếu nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.

- 50 trái phiếu của Công ty Hải An (mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu), kỳ hạn 3 năm, đáo hạn vào ngày 9 tháng 3 năm 2021, lãi trái phiếu là 9,5%/năm, được thanh toán 12 tháng một lần, và có tài sản đảm bảo là cổ phiếu nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.

- 75 trái phiếu của Công ty Hải An (mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu), kỳ hạn 3 năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 7 năm 2021, lãi trái phiếu là 10,5%/năm, được thanh toán 12 tháng một lần, và có tài sản đảm bảo là cổ phiếu nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất trả trước (*)	389.276.550.507	358.228.266.514
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	23.320.411.821	17.379.633.314
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	10.679.164.392	6.637.856.557
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	11.675.788.012	12.209.411.176
Chi phí nội thất và cải tạo văn phòng	7.672.782.856	5.086.514.073
Chi phí trả trước dài hạn khác	19.744.900.037	29.293.248.752
TỔNG CỘNG	462.369.597.625	428.834.930.386

(*) Một số quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Công ty Sotrans (Trình bày lại)	Công ty Phú Thạnh Mỹ	Công ty K.I.P Việt Nam	Công ty Vihem	Công ty Vivasupco	Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty Thiết bị Điện Đông Anh	Công ty Thibidi	Tổng cộng
Nguyên giá:									
Số đầu năm (Trình bày lại)	506.460.632.541	70.494.847.878	5.942.330.107	25.224.721.413	-	-	-	32.629.220.995	640.751.752.934
Tăng trong năm (Thuyết minh số 4)	-	-	-	-	504.004.198.650	132.944.068.049	166.685.653.795	-	803.633.920.494
Giảm do thoái vốn ở công ty con	-	-	(5.942.330.107)	-	-	(132.944.068.049)	-	-	(138.886.398.156)
Số cuối năm	506.460.632.541	70.494.847.878	-	25.224.721.413	504.004.198.650	-	166.685.653.795	32.629.220.995	1.305.499.275.272
Phân bổ lũy kế:									
Số đầu năm	(37.984.547.441)	(5.874.570.657)	(346.635.923)	(1.261.236.070)	-	-	-	(3.262.922.100)	(48.729.912.191)
Phân bổ trong năm	(50.646.063.254)	(7.049.484.788)	(297.116.505)	(2.522.472.142)	(37.800.314.899)	(6.167.127.601)	-	(3.262.922.100)	(107.745.501.289)
Giảm do thoái vốn ở công ty con	-	-	643.752.428	-	-	6.167.127.601	-	-	6.810.880.029
Số cuối năm	(88.630.610.695)	(12.924.055.445)	-	(3.783.708.212)	(37.800.314.899)	-	-	(6.525.844.200)	(149.664.533.451)
Giá trị còn lại									
Số đầu năm (Trình bày lại)	468.476.085.100	64.620.277.221	5.595.694.184	23.963.485.343	-	-	-	29.366.298.895	592.021.840.743
Số cuối năm	417.830.021.846	57.570.792.433	-	21.441.013.201	466.203.883.751	-	166.685.653.795	26.103.376.795	1.155.834.741.821

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	1.825.394.655.052	1.825.394.655.052	793.121.227.710	793.121.227.710
- Công ty LS Nikko Cooper Inc	936.161.405.673	936.161.405.673	123.229.240.206	123.229.240.206
- Công ty Mitsui & Co., Ltd	152.877.856.052	152.877.856.052	-	-
- Khác	736.355.393.327	736.355.393.327	669.891.987.504	669.891.987.504
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	221.463.184.619	221.463.184.619	57.295.942.988	57.295.942.988
TỔNG CỘNG	2.046.857.839.671	2.046.857.839.671	850.417.170.698	850.417.170.698

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	12.239.590.669	521.028.148.137	(513.938.227.730)	19.329.511.076
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.429.726.345	267.095.597.048	(219.651.170.282)	101.874.153.111
Thuế thu nhập cá nhân	4.368.171.030	56.410.346.057	(51.198.672.539)	9.579.844.548
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.897.807.483	84.999.678.057	(70.903.188.676)	19.994.296.864
TỔNG CỘNG	76.935.295.527	929.533.769.299	(855.691.259.227)	150.777.805.599

20. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	103.868.260.017	293.570.240.296
Số dư thư tín dụng (LC) phải trả ngân hàng	90.447.835.282	-
Nhận tạm ứng chuyển nhượng các khoản đầu tư	39.940.000.000	39.940.000.000
Nhận tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000
Phải trả liên quan đến dịch vụ xuất khẩu lao động	25.960.697.748	29.716.899.836
Nhận đặt cọc thực hiện dự án	20.000.000.000	20.000.000.000
Chứng quyền đặt mua (ii)	18.000.000.000	-
Cổ tức phải trả	7.745.748.219	15.154.549.978
Khác	67.440.326.866	56.837.383.005
TỔNG CỘNG	413.402.868.132	495.219.073.115
Dài hạn		
Chứng quyền đặt mua (ii)	-	90.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	36.151.111.022	29.050.625.007
Khác	502.126.200	580.551.000
TỔNG CỘNG	36.653.237.222	119.631.176.007
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>40.000.000.000</i>	<i>40.000.000.000</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>409.555.617.279</i>	<i>574.850.249.122</i>

(i) Đây chủ yếu là khoản nhận ký quỹ và ký cược từ khách hàng và chịu lãi suất tối đa 9,6%/năm.

(ii) Căn cứ theo Nghị quyết số 27/TBĐVN/NQ-ĐH-CĐ ngày 1 tháng 8 năm 2016 của Đại hội đồng Cổ đông, trong năm 2016, Tổng Công ty đã phát hành 1.800 chứng quyền và mỗi chứng quyền tương ứng với quyền mua 50.000 cổ phần của Tổng Công ty, với tổng giá trị phát hành là 90.000.000.000 VND.

Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng và giá mua không thấp hơn 10.000 VND/cổ phiếu. Thời gian thực hiện các chứng quyền này không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019. Trong năm 2018, các bên nắm giữ chứng quyền đã thực hiện quyền mua cổ phiếu đợt 1 tương ứng với 1.440 chứng quyền ở mức giá là 16.600 VND/cổ phiếu (Xem thêm tại Thuyết minh số 22).

21. VAY VÀ NỢ

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	Số đầu năm		Tăng do hợp nhất kinh doanh		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay và nợ ngắn hạn									
Vay ngân hàng	20.1	1.993.472.409.840	1.993.472.409.840	98.915.456.191	7.197.852.673.899	(7.011.946.851.977)	2.278.293.687.953	2.278.293.687.953	
Vay từ đối tượng khác	20.3	60.201.109.653	60.201.109.653	14.450.000.000	162.864.596.500	(100.317.726.653)	137.197.979.500	137.197.979.500	
Trái phiếu ngắn hạn		299.165.833.333	299.165.833.333	-	834.166.667	(300.000.000.000)	-	-	
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	20.4	360.000.000.000	360.000.000.000	-	1.279.834.999.993	(441.000.000.000)	1.198.834.999.993	1.198.834.999.993	
Vay dài hạn đến hạn trả	20.2	33.478.636.726	33.478.636.726	60.408.766.642	104.621.497.446	(70.918.636.726)	127.590.264.088	127.590.264.088	
TỔNG CỘNG		2.746.317.989.552	2.746.317.989.552	173.774.222.833	8.746.007.934.505	(7.924.183.215.356)	3.741.916.931.534	3.741.916.931.534	
Vay và nợ dài hạn									
Vay ngân hàng	20.2	1.111.954.559.812	1.111.954.559.812	208.921.836.222	293.554.688.028	(214.758.527.999)	1.399.672.556.063	1.399.672.556.063	
Trái phiếu	20.4	1.421.914.237.842	1.421.914.237.842	-	689.994.370.602	(1.379.834.999.993)	732.073.608.451	732.073.608.451	
TỔNG CỘNG		2.533.868.797.654	2.533.868.797.654	208.921.836.222	983.549.058.630	(1.594.593.527.992)	2.131.746.164.514	2.131.746.164.514	

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Biên Hoà - Đồng Nai	582.321.778.508	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 6 năm 2019	6,8% - 7,2%	Nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty Thibidi
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	357.971.141.259	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 3 năm 2019	5,5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1	300.614.272.009	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 4 năm 2019	5,4% - 7,2%	Quyền thu hưởng các khoản phải thu của Tổng Công ty
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính	286.732.570.636	Kỳ hạn vay là 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Kế ước cuối cùng thanh toán ngày 23 tháng 2 năm 2019	5,8% - 6,1%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển của Tổng Công ty
Ngân hàng TMCP ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	153.187.912.266	Kỳ hạn vay từ 2 đến 3 tháng. Lãi vay trả khi đáo hạn. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 27 tháng 3 năm 2019	5,6%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai	99.318.505.202	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 4 năm 2019	5,5% - 5,8%	Tín chấp

Bên cho vay	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	74.648.373.946	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 5 năm 2019	5,2% - 6,5%	Nhà xưởng của Công ty HEM
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1	62.161.565.535	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 6 năm 2019	5,3% - 7,7%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty Gelex Electric
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	52.114.176.545	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 1 năm 2019	5,4%	Tín chấp
Các ngân hàng khác	309.223.392.047	Kỳ hạn vay dưới 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 6 năm 2019	4,8% - 7,0%	Tín chấp hoặc được đảm bảo bằng một số tài sản của Tập đoàn
TỔNG CỘNG	2.278.293.687.953			

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	821.464.823.000	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 24 tháng 11 năm 2028. Lãi vay trả hàng tháng	6,9% - 11%	Các tài sản của công trình Thủy điện Sông Bung 4A của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	130.150.000.000	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 25 tháng 7 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng	9,8% - 10,5%	Toàn bộ số dư và tài khoản tiền gửi, quyền sử dụng mặt nước, quyền khai thác tài nguyên của Công ty Phú Thạnh Mỹ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	137.138.030.278	-	Thời gian cho vay 18 năm. Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 15 tháng 11 năm 2036. Lãi vay trả hàng quý	8,7% - 10%	Phần kỳ 1 dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông, giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000 m3 và tài sản mua sử dụng cho Giai đoạn I của dự án trên của Công ty Viwasupco
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	74.923.588.381	-	Thời gian cho vay 18 năm. Gốc vay đáo hạn lần cuối tháng 2 năm 2034. Lãi vay trả hàng quý	7% - 10%	Phần kỳ 1 dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông, giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000 m3 của Công ty Viwasupco
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	79.521.436.177	-	Nợ gốc được hoàn trả theo từng giấy nhận nợ với hạn trả gốc cuối cùng ngày 19 tháng 4 năm 2022. Lãi vay trả hàng quý	8,5%	Quyền tài sản của Công ty Cadivi phát sinh từ hợp đồng số 147/HD-EVN HANOI

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	79.030.055.000	-	Kỳ hạn vay 7 năm. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 2 tháng 1 năm 2023. Lãi vay trả hàng hàng quý.	8,8%	Công trình nhà xưởng gắn liền với đất tại Lô C2-4, đường N7, khu công nghiệp ("KCN") Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh; máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư lần này và máy xoắn Drum Twister thuộc dự án "Nhà máy sản xuất dây cáp điện, giai đoạn 1: Đầu tư xây dựng mới nhà máy sản xuất cáp ngầm trung thế và hạ thế" của Công ty Cadivi
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	61.038.429.362	-	Kỳ hạn vay 5 năm. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 8 tháng 11 năm 2022. Lãi vay trả hàng tháng.	10,0%	Đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án đầu tư nhà máy sản xuất các loại máy biến thế điện, các bộ phận chi tiết máy biến thế của Công ty MEE tại KCN Nhơn Trạch III, Đồng Nai
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam	67.069.299.933	-	Kỳ hạn vay 7 năm. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 18 tháng 10 năm 2024. Lãi vay trả hàng hàng tháng.	7,5%	Quyền sử dụng đất đai tại đường số 2, khu công nghiệp Hòa Cầm, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và máy móc thiết bị tại nhà máy Miền Trung của Công ty Cadivi
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 2 (Hiệp định vay các nghiệp vụ thông thường - Khoản vay OCR)	50.382.218.280	2.167.444	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 15 tháng 11 năm 2034. Gốc và lãi trả 6 tháng một lần	1,5%	Một số phương tiện vận tải và hợp đồng tiền gửi với giá trị 50 tỷ VND thuộc sở hữu của Công ty Sowatco
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	9.825.921.640	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 29 tháng 10 năm 2025. Gốc và lãi trả hàng quý	9%	Phương tiện vận tải đang được xây dựng với giá trị hiện tại là 50.614.366.560 VND của Công ty Sowatco
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 2 (Hiệp định vay các nghiệp vụ đặc biệt - Khoản vay ADF)	6.388.036.620	274.813	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 15 tháng 11 năm 2041. Gốc và lãi trả 6 tháng một lần	1,0%	Một số phương tiện vận tải và hợp đồng tiền gửi với giá trị 50 tỷ VND thuộc sở hữu của Công ty Sowatco
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Anh	6.330.981.480	-	Kỳ hạn vay 5 năm. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 2 tháng 6 năm 2022	10,5%	Dây chuyền sản xuất cánh tản nhiệt cho máy biến áp của Công ty MEE

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH CTCB - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4.000.000.000	-	Kỳ hạn vay 3 năm. Lãi vay trả 6 tháng một lần. Kế hoạch cuối cùng đáo hạn ngày 15 tháng 3 năm 2019	6,7%	Tài sản gắn liền với đất và hàng hóa có giá trị tương đương 24 tỷ VND của Công ty Cadivi
TỔNG CỘNG	1.527.262.820.151				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	127.590.264.088				
Vay dài hạn	1.399.672.556.063				

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

21.3 Các khoản vay từ đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt - Chi nhánh Hà Nội	60.590.750.000	Kỳ hạn vay 60 ngày. Lãi trả khi đáo hạn ngày 22 tháng 2 năm 2019, nợ gốc được gia hạn thêm 60 ngày sau khi trả lãi	13,3%	1.000.000 cổ phiếu CAV mua từ khoản vay
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	47.866.692.500	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi trả cùng với gốc vay khi đáo hạn ngày 25 tháng 3 năm 2019	11,7%	790.000 cổ phiếu CAV mua từ khoản vay
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Đông Anh	14.450.000.000	Kỳ hạn vay 12 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Kế hoạch cuối cùng đáo hạn ngày 21 tháng 11 năm 2019	6,8%	Tin chấp
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	7.005.714.000	Kỳ hạn vay từ 3 đến 12 tháng. Lãi trả cùng với gốc vay khi đáo hạn ngày 28 tháng 6 năm 2019	5% - 10,5%	Tin chấp
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	6.804.823.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5%	Tin chấp
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	480.000.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	137.197.979.500			

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

21.4 Trái phiếu phát hành dài hạn

	Số đầu năm			Số cuối năm		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn
Dài hạn						
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá của Tổng Công ty - Đợt tháng 12 năm 2016 (*)	1.080.000.000.000	9,3% - 9,7%	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 12 năm 2019	1.440.000.000.000	9,3% - 9,5%	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 12 năm 2019
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá của Tổng Công ty - Đợt tháng 5 năm 2018 (**)	400.000.000.000	6,5% - 9,5%	Đáo hạn vào tháng 12 năm 2020	-	-	-
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá của Tổng Công ty - Đợt tháng 4 năm 2018 (***)	300.000.000.000	9,50%	Đáo hạn vào tháng 4 năm 2020	-	-	-
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá của công ty con (****)	169.000.000.000	10,1% - 10,3%	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 12 năm 2021	350.000.000.000	10,15% - 10,3%	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 12 năm 2021
Chi phí phát hành trái phiếu	(18.091.391.556)			(8.085.762.158)		
TỔNG CỘNG	1.930.908.608.444			1.781.914.237.842		
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	1.198.834.999.993			360.000.000.000		
Trái phiếu dài hạn	732.073.608.451			1.421.914.237.842		

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

21.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

(*) Gồm 2 hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

(i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01.2016/HĐDM/TPBANK-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong ký ngày 12 tháng 12 năm 2016, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 800 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 800 tỷ đồng. Tới ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã tất toán một phần trái phiếu với tổng số tiền là 320 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

- Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành;
- 3.946.969 cổ phiếu THI (Công ty Thibidi) thuộc sở hữu của Công ty Gelex Electric, công ty con của Tập đoàn, và phần vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX có nguồn gốc từ trái phiếu phát hành.

(ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 612/2016/HĐDM.TP/VIB-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình ký ngày 6 tháng 12 năm 2016, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 1.000 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 1.000 tỷ đồng. Tới ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã tất toán trước một phần phiếu với tổng số tiền là 400 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

- 20.000.000 cổ phiếu CAV (Công ty Cadivi) thuộc sở hữu của Công ty Gelex Electric, công ty con của Tập đoàn;
- Toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty vào Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land.

(**) Gồm các hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 005/2018/GELEX-SHBVN giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam ký ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 200 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 200 tỷ VND.

- Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 004/2018/GELEX-HANABANK giữa Tổng Công ty và Ngân hàng Keb Hana ký ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

- Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 006/2018/GELEX-SSV giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam ký ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm 41.670.000 cổ phiếu STG (Công ty Sotrans) thuộc sở hữu của Công ty Gelex Logistics, công ty con của Tập đoàn.

(***) Gồm 2 hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

(i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2018/HĐDMTP/GELEX-HAIAN và số 02/2018/HĐDMTP/GELEX-HAIAN giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ký ngày 2 tháng 4 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 200 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 200 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm 12.000.000 cổ phiếu VCW (Công ty Viwasupco) thuộc sở hữu của Công ty Năng lượng GELEX, công ty con của Tập đoàn.

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

21.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

(ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2018/HĐĐM/GELEX-DC và số 02/2018/HĐĐM/GELEX-DC giữa Tổng Công ty và Quỹ đầu tư Vietnam Debt Fund SPC ký ngày 11 tháng 4 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm 6.000.000 cổ phiếu VCW (Công ty Viwasupco) thuộc sở hữu của Công ty Năng lượng GELEX, công ty con của Tập đoàn.

(****) Gồm 3 hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

(i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2015/DM/VIETINBANK.HCM-SOTRANS giữa Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Sotrans”) và Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hồ Chí Minh ký ngày 23 tháng 12 năm 2015 với kỳ hạn 6 năm, theo đó, Công ty Sotrans đã phát hành 400 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 400 tỷ đồng. Trong năm 2017 và 2018, Công ty Sotrans đã tất toán 350 trái phiếu với tổng mệnh giá là 350 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm: 36.905.000 cổ phiếu SWC (Công ty Sowatco), thuộc sở hữu của Công ty Hạ tầng Sotrans, công ty con của Tập đoàn.

(ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 328/HĐ/STG-VFC giữa Công ty Sotrans và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ký ngày 19 tháng 4 năm 2016 với kỳ hạn 3 năm, theo đó, Công ty Sotrans đã phát hành 130 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 130 tỷ VND. Trong năm, Công ty Sotrans đã tất toán 70 trái phiếu với tổng mệnh giá là 70 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- 7.218.806 cổ phiếu VTX (Công ty Vietranstimex) thuộc sở hữu của Công ty Sotrans, công ty con của Tập đoàn;
- 98.374 cổ phiếu VTX (Công ty Vietranstimex) thuộc sở hữu của một bên thứ ba; và
- 3.279.317 cổ phiếu SWC (Công ty Sowatco) thuộc sở hữu của Công ty Hạ tầng Sotrans, công ty con của Tập đoàn.

(iii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 20160622/HĐ/STG-VTBC giữa Sotrans và Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ký ngày 22 tháng 6 năm 2016 với kỳ hạn 3 năm, theo đó, Công ty đã phát hành 70 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 70 tỷ VND. Trong năm, Công ty Sotrans đã tất toán 11 trái phiếu với tổng mệnh giá là 11 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- 4.500.000 cổ phiếu VTX (Công ty Vietranstimex) thuộc sở hữu của Công ty Sotrans, công ty con của Tập đoàn;
- 5.000.000 cổ phiếu SWC (Công ty Sowatco) thuộc sở hữu của Công ty Hạ tầng Sotrans, công ty con của Tập đoàn.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng (Trình bày lại)
Năm trước									
Số dư đầu năm	1.550.000.000.000	66.378.000.000	77.388.963.577	(5.026.115.259)	83.604.392	208.668.128.206	749.075.810.262	714.353.087.731	3.360.921.478.909
- Tăng vốn	770.000.000.000	615.729.724.760	-	-	-	-	-	152.624.548.268	1.538.354.273.028
- Lợi nhuận thuần trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	-	-	-	637.281.217.514	268.821.056.901	906.102.274.415
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(232.000.000.000)	(268.803.927.500)	(500.803.927.500)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	8.105.247.051	(8.105.247.051)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(87.156.162.437)	(27.396.095.963)	(114.552.258.400)
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	348.000.000.000	(66.378.000.000)	-	-	-	(139.656.441.276)	(141.965.558.724)	-	-
- Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	(399.191.636)	(479.808.364)	(879.000.000)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng (Trình bày lại)
- Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(130.418.383.586)	(271.923.108.553)	(402.341.492.139)
Năm nay									
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	2.668.000.000.000	622.337.724.760	77.388.963.577	-	48.866.128	77.023.242.245	785.974.270.959	1.915.810.706.293	6.146.583.773.962
- Tăng vốn (*)	720.000.000.000	547.112.000.000	-	-	-	-	-	-	1.267.112.000.000
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (**)	677.600.000.000	(622.337.724.760)	-	-	-	-	(55.262.275.240)	-	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	942.442.353.541	341.041.003.682	1.283.483.357.223
- Chia cổ tức (***)	-	-	-	-	-	-	(338.800.000.000)	(133.055.680.087)	(471.855.680.087)
Vốn cổ phần đã phát hành									
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (***)	-	-	-	-	-	-	(62.478.597.060)	(20.273.691.875)	(82.752.288.935)
- Thù lao HQQT (***)	-	-	-	-	-	-	(892.400.030)	(780.199.970)	(1.672.600.000)
- Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(353.286.749.850)	(310.013.443.266)	(663.300.193.116)
- Công ty con mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	(77.012.608.188)	(147.429.004.996)	(224.441.613.184)
- Giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	-	5.912.660.882	(5.912.660.882)	-
- Mua công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	-	883.351.014.521	883.351.014.521
- Thanh lý công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(180.370.556.482)	(180.370.556.482)
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	187.165.723	-	-	-	187.165.723
Số dư cuối năm	4.065.600.000.000	547.112.000.000	77.388.963.577	-	236.031.851	77.023.242.245	846.596.655.014	2.342.367.486.938	7.956.324.379.625

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết số 14/2018/GELEX/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phần của chứng quyền đợt 1; theo đó, Tổng Công ty đã phát hành thêm 72.000.000 cổ phần tương ứng với việc thực hiện quyền mua cổ phần của 1.440 chứng quyền với mức giá 16.600 đồng/cổ phiếu. Theo đó, thặng dư vốn cổ phần tăng thêm với số tiền là 547,1 tỷ VND, trong đó 475,1 tỷ là tiền thu từ tăng vốn và 72 tỷ là tiền thu khi phát hành chứng quyền từ năm trước. Tổng Công ty đã sử dụng tiền thu được do tăng vốn từ phát hành chứng quyền chủ yếu để thanh toán các khoản trái phiếu đến hạn, cho các công ty con vay và bổ sung vốn lưu động.

(**) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết số 17/2018/GELEX/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn đã quyết định phát hành thêm 67.760.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

(***) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết số 08/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của các công ty con, Tổng Công ty và các công ty con đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017, tạm ứng cổ tức 2018, trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành.

22.2 Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2016: 1.000 VND/cổ phiếu	-	232.000.000.000
Cổ tức cho năm 2017: 1.000 VND/cổ phiếu	338.800.000.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	-

22.3 Cổ phiếu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	406.560.000	4.065.600.000.000	266.800.000	2.668.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	406.560.000	4.065.600.000.000	266.800.000	2.668.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	406.560.000	4.065.600.000.000	266.800.000	2.668.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	406.560.000	4.065.600.000.000	266.800.000	2.668.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	406.560.000	4.065.600.000.000	266.800.000	2.668.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	13.828.715.331.881	12.094.756.795.679
Trong đó:		
Doanh thu từ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	11.441.227.412.630	10.529.742.641.281
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	1.573.042.069.970	1.091.292.217.322
Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng	525.725.301.857	213.287.394.083
Doanh thu khác	288.720.547.424	260.434.542.993
Các khoản giảm trừ doanh thu	(129.585.819.594)	(110.615.725.882)
Chiết khấu thương mại	(121.786.687.411)	(102.079.436.987)
Hàng bán bị trả lại	(7.799.132.183)	(8.536.288.895)
Doanh thu thuần	13.699.129.512.287	11.984.141.069.797
Trong đó:		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>13.275.512.939.632</i>	<i>11.909.924.315.286</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	<i>423.616.572.655</i>	<i>74.216.754.511</i>

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lãi tiền gửi, cho vay	162.167.815.810	187.702.172.461
Lãi kinh doanh chứng khoán	53.546.017.275	31.391.912.082
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư (*)	193.118.660.082	2.625.050.612
Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.457.552.864	63.984.043.417
Lãi do đánh giá lại khoản đầu tư nắm giữ trước ngày chi phối vào công ty con (**)	237.718.233.529	31.146.949.743
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.127.496.997	4.905.830.738
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.465.798.683	-
TỔNG CỘNG	756.601.575.240	321.755.959.053

(*) Bao gồm chủ yếu là lãi từ chuyển nhượng cổ phiếu trong Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam và Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.

(**) Bao gồm lãi đánh giá lại giá trị khoản đầu tư trước đây vào Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh và Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (Thuyết minh số 4).

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	9.752.762.614.401	8.843.339.920.159
Giá vốn dịch vụ vận tải và kho vận cung cấp	1.263.856.692.030	888.260.892.569
Giá vốn sản xuất và kinh doanh mǎng năng lượng	233.857.407.592	78.536.335.891
Giá vốn khác	232.966.708.266	187.680.402.948
TỔNG CỘNG	11.483.443.422.289	9.997.817.551.567

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay, trái phiếu	447.395.281.623	367.135.076.972
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	37.618.939.014	586.996.953
Lỗ kinh doanh chứng khoán và thanh lý các khoản đầu tư tài chính	27.508.615.568	-
Lãi ký quỹ	14.241.676.948	24.356.297.075
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.032.999.895	5.840.454.163
Chi phí phát hành trái phiếu	12.115.107.360	5.254.515.614
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(14.838.990.146)	27.813.125.690
Chi phí tài chính khác	4.392.714.730	4.278.463.929
TỔNG CỘNG	542.466.344.992	435.264.930.396

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	125.836.548.586	103.879.703.469
Chi phí khấu hao	4.052.431.332	3.454.850.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.996.821.174	94.145.243.689
Chi phí bán hàng khác	100.587.502.778	59.832.222.575
TỔNG CỘNG	347.473.303.870	261.312.019.780
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.628.661.939	15.532.393.315
Chi phí nhân công	276.757.951.963	232.795.931.692
Chi phí khấu hao	20.306.295.762	21.193.849.691
Tiền thuê đất và thuế, lệ phí khác	14.931.199.625	16.022.051.923
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)	107.745.501.289	48.729.912.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.578.491.610	57.126.608.802
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	143.796.880.244	137.317.813.151
TỔNG CỘNG	643.744.982.432	528.718.560.765

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	9.120.734.954.019	8.531.946.072.422
Chi phí nhân công	886.816.928.717	746.555.288.968
Chi phí khấu hao tài sản cố định	388.229.367.770	269.061.944.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.338.002.595.033	837.679.517.556
Chi phí khác	574.018.636.452	509.082.336.713
TỔNG CỘNG	12.307.802.481.991	10.894.325.159.866

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Ngoại trừ trường hợp của một số công ty con như trình bày dưới đây, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Tổng Công ty và các công ty con khác là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 06/CN-UBND do UBND Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010, Công ty Phú Thạnh Mỹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2016) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty Phú Thạnh Mỹ là 5% thu nhập chịu thuế.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty Viwasupco được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2024), đồng thời miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo (từ năm

2016 đến năm 2024). Do đó, thuế suất TNDN áp dụng cho Công ty Viwasupco trong năm nay là 5% thu nhập chịu thuế.

Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội được áp dụng thuế suất là 10% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty Sotrans Hà Tĩnh được áp dụng thuế suất ưu đãi là 10% trong thời hạn 15 năm tính từ năm đầu tiên có doanh thu chịu thuế (năm 2016) và được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2016) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty Sotrans Hà Tĩnh đang trong giai đoạn được miễn thuế TNDN.

Các quyết toán thuế của Tổng Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	266.980.538.712	344.630.758.045
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa)/thiếu năm trước	(6.620.358.858)	2.256.361.134
Thu nhập chi phí thuế TNDN hoãn lại	(10.770.230.430)	(108.369.094.148)
TỔNG CỘNG	249.589.949.424	238.518.025.031

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.533.073.306.647	1.144.620.299.446
Thuế TNDN của Tập đoàn theo thuế suất phổ thông	306.614.661.329	228.924.059.889
Các khoản điều chỉnh		
Chi phí lãi vay vượt ngưỡng được khấu trừ	36.453.977.734	7.311.738.826
Chi phí không được khấu trừ khác	14.224.209.422	16.661.091.377
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận đối với lỗ tính thuế	1.657.944.084	20.040.208.788
Điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	(28.501.020.653)	(22.336.922.829)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa)/thiếu trong những năm trước theo quyết định thanh tra thuế	(6.620.358.858)	2.256.361.134
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(20.091.510.573)	(482.094.658)
Thuế TNDN được miễn, giảm	(31.570.428.094)	(2.348.206.754)
Lỗ năm trước chuyển sang	(22.577.524.967)	(11.508.210.742)
Chi phí thuế TNDN	249.589.949.424	238.518.025.031

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích

tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Thu nhập từ bồi thường di dời chưa thực hiện trong công ty liên kết	7.210.119.673	7.210.119.673	-	-
Dự phòng hàng tồn kho	3.509.594.781	-	3.509.594.781	-
Khác	5.208.652.739	4.382.598.484	912.559.379	(2.619.157.013)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	15.928.367.193	11.592.718.157		
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do hợp nhất kinh doanh	(168.897.718.656)	(47.359.952.697)	6.348.076.270	110.988.251.161
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(168.897.718.656)	(47.359.952.697)		
Lỗ chuyển sang từ năm trước			10.770.230.430	108.369.094.148

28.3 Thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Các

công ty con có khoản lỗ tính thuế lũy kế với tổng số tiền là 80,1 tỷ VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
2014 (*)	2019	129.938.019.826	(81.584.583.887)	-	48.353.435.939
2015 (*)	2020	72.458.142.718	(52.458.124.032)	-	20.000.018.686
2017 (*)	2022	99.936.142.356	(90.057.409.805)	-	9.878.732.551
2018 (*)	2023	1.900.416.433	-	-	1.900.416.433
TỔNG CỘNG		304.232.721.333	(224.100.117.724)	-	80.132.603.609

(*) Khoản lỗ tính thuế ước tính của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.774.348.712.204	588.079.657.314
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.900.000.000	47.250.000.000
Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.454.179.195	43.409.814.187
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	54.422.945.164	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Thu hồi gốc cho vay	100.000.000.000	-
		Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	85.701.043.385	17.332.761.908
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình	Chuyển nhượng trái phiếu cho bên thứ ba	204.524.375.000	-
		Nhận chuyển nhượng trái phiếu từ bên thứ ba	217.333.010.300	295.664.375.000
		Tất toán trái phiếu trước hạn	225.000.000.000	200.000.000.000
		Lãi trái phiếu đã nhận	22.240.569.445	35.705.555.623
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Đỏ	Bên liên quan của Thành viên HĐQT	Ủy thác đầu tư	172.537.671.200	-
Công ty Cổ phần Viwaco	Bên liên quan của Thành viên HĐQT	Doanh thu cung cấp nước sạch	262.525.511.339	-
		Cho vay	36.000.000.000	-
		Thu hồi khoản vay	36.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1	Công ty liên kết đến ngày 28 tháng 12 năm 2018	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.562.687.511	9.679.416.002

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay có lãi, số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 không cần

đảm bảo, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Năm nay, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Đỏ	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Ủy thác đầu tư	72.073.979.995	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình	Trái phiếu	60.288.750.000	139.524.375.000
TỔNG CỘNG			132.362.729.995	139.524.375.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 6.2 và 15.2)				
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên của gia đình	Trái phiếu	15.000.000.000	156.140.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Đỏ	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Ủy thác đầu tư	100.287.671.200	-
TỔNG CỘNG			115.287.671.200	156.140.000.000
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Viwaco	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Doanh thu bán hàng hóa	66.114.236.778	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.601.329.763	12.978.367.899
Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.128.761.523	5.531.486.329
Các bên liên quan khác		Khác	7.001.107.150	15.267.636.912
TỔNG CỘNG			124.845.435.214	33.777.491.140

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 18)				
Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	137.712.844.886	-
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	83.729.537.578	57.295.942.988
Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	20.802.155	-
TỔNG CỘNG			221.463.184.619	57.295.942.988
Phải trả khác (Thuyết minh số 20)				
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên kết	Nhận ứng trước tiền hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000
TỔNG CỘNG			40.000.000.000	40.000.000.000

Các giao dịch với bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập	5.837.174.000	9.969.021.618
TỔNG CỘNG	5.837.174.000	9.969.021.618

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty

cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	942.442.353.541	637.281.217.514
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi và chi thù lao Hội đồng Quản trị (*)	-	(63.371.099.266)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	942.442.353.541	573.910.118.248
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	371.447.671	329.764.110
Ảnh hưởng suy giảm (**)	7.989.095	21.520.244
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	379.436.766	351.284.354
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	2.537	1.740
- Lãi suy giảm	2.484	1.634

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao HĐQT theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Tổng Công ty và các công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm

tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

(**) Đây là ảnh hưởng của số cổ phiếu sẽ phát hành trong tương lai theo các hợp đồng chứng quyền đặt mua như trình bày tại Thuyết minh số 20.

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện;
- Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận;

- Sản xuất và kinh doanh máng năng lượng bao gồm sản xuất điện và cung cấp nước;
- Các lĩnh vực kinh doanh khác.

Tập đoàn không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý phần lớn là lãnh thổ Việt Nam.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Đơn vị tính: VND					
	Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	Sản xuất và kinh doanh máng năng lượng	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày						
Doanh thu	11.311.641.593.036	1.573.042.069.970	525.725.301.857	288.720.547.424	-	13.699.129.512.287
Kết quả						
Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.558.878.978.635	309.185.377.940	291.867.894.265	55.753.839.158	-	2.215.686.089.998
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)						(682.612.783.351)
Lợi nhuận thuần trước thuế						1.533.073.306.647
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(249.589.949.424)
Lợi nhuận thuần sau thuế						1.283.483.357.223
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	4.876.324.352.209	1.408.813.724.105	2.077.352.730.915	477.139.134.996	-	8.839.629.942.225
Tài sản không phân bổ (*)						8.406.858.230.105
Tổng tài sản						17.246.488.172.330

Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	Sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
6.545.543.521.389	484.427.725.254	1.315.921.257.587	6.595.278.954	-	8.352.487.783.184
Công nợ không phân bổ (*)					
929.045.848.386					
Tổng công nợ					
9.281.533.631.570					
Các thông tin bộ phận khác					
Chỉ phí hình thành tài sản cố định (**)	171.534.494.179	522.281.051.173	174.062.319.804	-	1.156.809.568.904
Tài sản cố định hữu hình	170.960.294.179	522.281.051.173	174.062.319.804	-	1.151.528.618.704
Tài sản cố định vô hình	574.200.000	-	-	-	5.280.950.200
Khấu hao	62.570.983.143	135.910.510.961	1.061.429.040	-	379.089.891.355
Hao mòn	8.515.853.338	-	-	-	10.776.032.954

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Doanh thu	1.091.292.217.322	213.287.394.083	260.434.542.993	-	11.984.141.069.797
Kết quả					
Lợi nhuận gộp của bộ phận	203.031.324.753	134.751.058.192	72.754.140.045	-	1.986.323.518.230
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)					(841.703.218.784)
Lợi nhuận thuần trước thuế					1.144.620.299.446
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(238.518.025.031)

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	Sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND					
Lợi nhuận thuần sau thuế					
906.102.274.415					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	906.944.904.932	1.435.841.369.359	255.743.796.731	-	6.814.664.813.767
Tài sản không phân bổ (*)					6.946.121.168.925
Tổng tài sản					13.760.785.982.692
Công nợ bộ phận	361.836.424.879	1.059.225.460.971	65.235.152.331	-	5.280.284.722.301
Công nợ không phân bổ (*)					2.323.702.791.756
Tổng công nợ					7.603.987.514.057
Các thông tin bộ phận khác					
Chỉ phí hình thành tài sản cố định (**)	212.268.981.740	15.133.383.708	345.033.767	-	520.404.755.800
Tài sản cố định hữu hình	211.765.281.740	15.133.383.708	345.033.767	-	516.988.853.608
Tài sản cố định vô hình	503.700.000	-	-	-	3.415.902.192
Khấu hao	70.507.132.989	51.595.429.882	19.190.463.598	-	268.139.933.958
Hao mòn	211.784.328	-	-	-	2.226.323.249

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản dài hạn khác.

Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản trái phiếu phát hành và một số khoản phải trả khác.

(**) Bao gồm cả giá trị xây dựng cơ bản dở dang chưa kết chuyển sang tài sản cố định.

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê cơ sở hạ tầng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	128.161.365.836	37.505.032.544
Trên 1 – 5 năm	298.481.974.955	133.581.351.995
Trên 5 năm	230.129.621.761	157.820.377.662
TỔNG CỘNG	656.772.962.552	328.906.762.201

Cam kết cho thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang cho thuê văn phòng và kho bãi theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	64.462.465.481	72.529.223.139
Trên 1 - 5 năm	83.980.191.773	71.636.840.670
Trên 5 năm	53.874.397.868	99.937.092.037
TỔNG CỘNG	202.317.055.122	244.103.155.846

32. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Các cam kết liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng

Công ty Viwasupco, Công ty con của Tập đoàn đã ký kết một số hợp đồng liên quan đến việc đầu tư hình thành giai đoạn 2 - Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông. Tổng số vốn đầu tư cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 491,3 tỷ VND.

Công ty Gelex Ninh Thuận, công ty con của Tập đoàn đã ký kết một số hợp đồng liên quan đến dự án Nhà máy điện mặt trời Ninh Thuận. Tổng số vốn đầu tư cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 684,7 tỷ VND.

33. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm, Tập đoàn đã hoàn thành việc đánh giá lại giá trị hợp lý (tại ngày mua) của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Sotrans được mua trong năm 2017 (mà trước đây được ghi nhận theo phương pháp kế toán tạm thời tại ngày mua). Tập đoàn đã xác định ảnh hưởng của việc đánh giá lại giá trị hợp lý và điều chỉnh hồi tố các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (trình bày lại)
--	--	------------	--

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Lợi thế thương mại	740.911.110.484	(148.889.269.741)	592.021.840.743
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	934.863.540.700	(148.889.269.741)	785.974.270.959
	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (trình bày lại)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Doanh thu hoạt động tài chính	847.451.817.078	(525.695.858.025)	321.755.959.053
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(540.790.663.717)	12.072.102.952	(528.718.560.765)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	3.229.922.543	105.139.171.605	108.369.094.148
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	786.170.487.255	(148.889.269.741)	637.281.217.514
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	528.416.370.628	(259.595.313.727)	268.821.056.901

I TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (trình bày lại)
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT			
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.658.244.054.519	(513.623.755.073)	1.144.620.299.446
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	329.863.959.350	(12.072.102.952)	317.791.856.398
Lãi từ hoạt động đầu tư	(776.698.529.839)	525.695.858.025	(251.002.671.814)

Ngoài ra, Công ty cũng trình bày lại các khoản mục Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu như trình bày tại Thuyết minh số 30.

I CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019